



ISSN: 2615-9597

Số 8
2019

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG CỤC MÔI

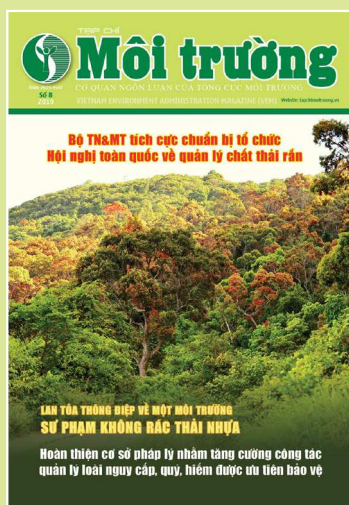
VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM)

Website: tapchimoitruong.vn

Bộ TN&MT tích cực chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về quản lý chất thải rắn

LAN TỎA THÔNG điệp VỀ MỘT MÔI TRƯỜNG SỬ PHẠM KHÔNG RÁC THẢI NHỰA

**Hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm tăng cường công tác
quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ**



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)

GS. TS. Nguyễn Việt Anh

GS. TS. Đặng Kim Chi

PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh

GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng

TS. Nguyễn Thế Đồng

PGS. TS. Lê Thu Hoa

GS. TSKH. Đặng Huy Huỳnh

PGS. TS. Phạm Văn Lợi

PGS. TS. Phạm Trung Lương

GS. TS. Nguyễn Văn Phước

TS. Nguyễn Ngọc Sinh

PGS. TS. Lê Kế Sơn

PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn

PGS. TS. Trương Mạnh Tiến

TS. Hoàng Dương Tùng

PGS. TS. Trịnh Văn Tuyền

PHỤ TRÁCH

Nguyễn Văn Thùy

Tel: (024) 61281438

• **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trị sự: (024) 66569135

Biên tập: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

• **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**

Phòng A 907, Tầng 9 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM

Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875

Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Hoàng Đan

Bìa: Một góc Vườn quốc gia Sơn Trà - Đà Nẵng

Ảnh: Thanh Hòa

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 8/2019

Giá: 20.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [8] Tăng cường sự phối hợp của các tổ chức tôn giáo trong bảo vệ môi trường
- [9] Bộ trưởng Trần Hồng Hà kêu gọi các doanh nghiệp cùng chung tay chống rác thải nhựa
- [10] Lan tỏa thông điệp về môi trường sự phạm không rác thải nhựa
- [11] Áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong quản lý chất thải rắn
- [12] Bộ TN&MT tích cực chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về quản lý chất thải rắn
- [14] Đồng hành cùng học sinh trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam hưởng ứng chiến dịch chống rác thải nhựa
- [15] Cùng chung tay hành động chống rác thải nhựa vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [18] TRẦN NGỌC CƯỜNG: Tăng cường hiệu quả quản lý và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước
- [21] TRẦN TRỌNG ANH TUẤN - NGUYỄN THỊ VÂN ANH: Hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm tăng cường công tác quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
- [23] TRƯƠNG MẠNH TUẤN: Xây dựng quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tại Việt Nam
- [25] NGUYỄN TRUNG THÀNH: Đề xuất sửa đổi quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
- [27] N. TRANG - CHÂU LOAN: Phú Thọ: Đẩy mạnh thực hiện công tác quy hoạch, thu gom và xử lý chất thải rắn



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [30] TRẦN THỊ MINH HƯƠNG, NGUYỄN HỮU THẮNG: Diễn biến chất lượng môi trường không khí và nước khu vực phía Bắc
- [33] NGUYỄN XUÂN THỦY: Đẩy mạnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong công tác bảo vệ môi trường
- [36] TRẦN LÊ TRÀ: Bảo tồn hổ tại Việt Nam: Lựa chọn giữa bảo tồn chuyển vị và nguyên vị
- [40] XUÂN NGỌ: Đà Nẵng: Tập trung giải quyết ô nhiễm tại bãi rác Khánh Sơn



TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH



- [42] NGUYỄN VIỆT ANH: Viện Khoa học và Kỹ thuật môi trường : 30 năm xây dựng, trưởng thành và gắn bó với sự phát triển ngành Môi trường Việt Nam
- [46] VŨ TIẾN ANH- ĐỨC ANH: Công nghệ xử lý nước MET: Cam kết mang nguồn nước sạch cho bà con vùng khó khăn
- [48] EKKASIT LAKKANANITHIPHAN - HỒNG NHUNG: Xây dựng đường giao thông từ nhựa tái chế - Giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [50] GANESAN AMPALAVANAR- PHẠM ĐÌNH: Nestlé Việt Nam: Hiện thực hóa các cam kết bảo vệ môi trường, phát triển bền vững
- [52] ĐẶNG THỊ TOÀN – MAI HƯƠNG: Người biến bãi rác thành... công viên



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [62] PHẠM THỊ THU HƯƠNG: Làng tre Phú An - Khu bảo tồn hệ sinh thái tre xanh của Việt Nam
- [64] NGUYỄN MINH HẠNH: Bảo tồn các loài động, thực vật quý, hiếm và thủy hải sản tự nhiên ở Đồng Tháp



XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- [66] ĐỖ THỊ XUÂN THƠ: Quy hoạch cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới
- [68] NGUYỄN TRÍ HÙNG: Hội Cựu chiến binh xã Tân Thới: Thu gom và xử lý rác thải gắn với xây dựng Nông thôn mới
- [70] VŨ VĂN DOANH: Huyện Kim Động, Hưng Yên: Tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới
- [72] TRƯƠNG THỊ GIANG: Xây dựng nông thôn mới trên quê hương chiến thắng Ba Rài



NHÌN RA THẾ GIỚI



- [75] NGUYỄN VIỆT CƯỜNG: Korea's experience in new rural development through new village campaign
- [77] TRƯƠNG HUYỀN: Thực trạng rác thải nhập khẩu tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á



Tăng cường sự phối hợp với các tổ chức tôn giáo trong bảo vệ môi trường



Vừa qua, tại TP. Đà Nẵng, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có buổi gặp mặt, biểu dương chức sắc, chức việc tôn giáo có đóng góp tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng dự có Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương Trương Thị Mai; Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình; Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam Trần Thanh Mẫn; Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân và 126 vị chức sắc, chức việc tôn giáo tiêu biểu, đại diện lãnh đạo của 43 tổ chức tôn giáo.

Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ghi nhận và biểu dương những đóng góp to lớn của các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc, chức sắc, chức việc các tôn giáo và đồng bào có đạo luôn đồng sức, đồng lòng, vượt qua gian khổ, đóng góp vật chất, tinh thần, thậm chí hy sinh cả xương máu để bảo vệ đất nước, bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Trong thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo đã và đang chung tay cùng các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với nhiều tấm gương điển hình là chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo.

Trong công tác BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo đã chủ động triển khai và đưa nội dung BVMT, ứng phó với BĐKH vào chương trình hoạt động hàng năm của tôn giáo mình; ban hành các Thông bạch, Thông điệp, Lời kêu gọi gửi các tổ chức cơ sở và các tín đồ để hưởng ứng Chương trình tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH. Hiện nay, trên cả nước đã có hàng nghìn

mô hình tôn giáo tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH. Một số mô hình, câu lạc bộ thiết thực, hiệu quả đã được triển khai nhân rộng như: Giáo xứ, cơ sở thờ tự “Xanh - Sạch - Đẹp”; cộng đồng, tổ đoàn kết, tổ tự quản tôn giáo tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH; “Phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại các gia đình, cơ sở tôn giáo”, “Hạn chế đốt vàng mã trong các cơ sở thờ tự”; “Câu lạc bộ giáo dân tham gia vệ sinh môi trường vào thứ 6 hàng tuần”; “Giáo dân thu gom, phân loại rác thải, bao bì, vỏ chai nhựa”...

Tại buổi gặp mặt, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân đã có bài phát biểu, trong đó khẳng định ngành TN&MT mong muốn tăng cường sự phối hợp với các tổ chức tôn giáo để đẩy mạnh triển khai các hoạt động BVMT và ứng phó với BĐKH, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội - môi trường một cách hài hòa, bền vững. Năm 2015, Bộ TN&MT, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) và các tôn giáo đã ký kết Chương trình phối hợp về BVMT và ứng phó BĐKH nhằm phát huy vai trò, nguồn lực của các tôn giáo trong tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH. Từ đó đến nay, tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước đã ký kết, triển khai Chương trình và Kế hoạch phối hợp giữa MTTQVN các cấp, ngành TN&MT và các tổ chức tôn giáo trên địa bàn. Đặc biệt, trong khuôn khổ “Chương trình toàn dân tham gia BVMT”, từ năm 2017 đến nay đã xây dựng được 14 mô hình điểm tiêu biểu về BVMT và ứng phó với BĐKH của các tôn giáo tại các địa phương.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đề xuất với các cấp, các ngành đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BVMT và ứng phó với BĐKH; phát huy vai trò, huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo trong tuyên truyền, phát động các phong trào về BVMT, ứng phó với BĐKH. Tiếp tục tổ chức biên soạn, cung cấp cho cộng đồng tôn giáo các tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; những quy định trong giáo luật, giáo lý của mỗi tôn giáo về BVMT và ứng phó với BĐKH. Đồng thời, tiếp tục nhân rộng, xây dựng mới các mô hình, điển hình tiên tiến trong cộng đồng giáo dân, tổ chức tôn giáo tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH, trong đó chú trọng phát triển các mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy; vận động các giáo dân tham gia một cách chủ động và tích cực “Phong trào Chống rác thải nhựa” do Thủ tướng Chính phủ phát động.

NAM VIỆT



Bộ trưởng Trần Hồng Hà kêu gọi các doanh nghiệp cùng chung tay chống rác thải nhựa



▲ Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và Bộ trưởng Trần Hồng Hà trao Chứng nhận Liên minh Chống rác thải nhựa cho các tổ chức và doanh nghiệp

Trước vấn đề rác thải nhựa đang là nỗi nhức nhối trên phạm vi toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, ngày 5/8/2019, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã có thư gửi 5 doanh nghiệp: Tập đoàn Việt Thái (Chủ sở hữu chuỗi cà phê Highlands); Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ (Circle K Việt Nam); Công ty TNHH Phúc Long; Công ty Royaltea Việt Nam; Công ty Ding Tea Hà Nội.

Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho rằng, với chuỗi cửa hàng rộng khắp, các sản phẩm được giới trẻ ưa chuộng, việc các tập đoàn, công ty nêu trên tham gia chống rác thải nhựa sẽ góp phần tạo sức lan tỏa, hiệu ứng lớn cho người tiêu dùng, nhất là thế hệ trẻ về BVMT và phòng chống rác thải nhựa. Tuy nhiên, vừa qua, Bộ trưởng có nhận được phản ánh về việc các cửa hàng có sử dụng nhiều đồ nhựa gây phát sinh rác thải nhựa. Vì vậy, Bộ trưởng đề nghị và kêu gọi các tập đoàn, công ty nêu trên chung tay cùng toàn xã hội trong nỗ lực giảm thiểu rác thải nhựa, thay thế các bao gói, cốc, ống hút

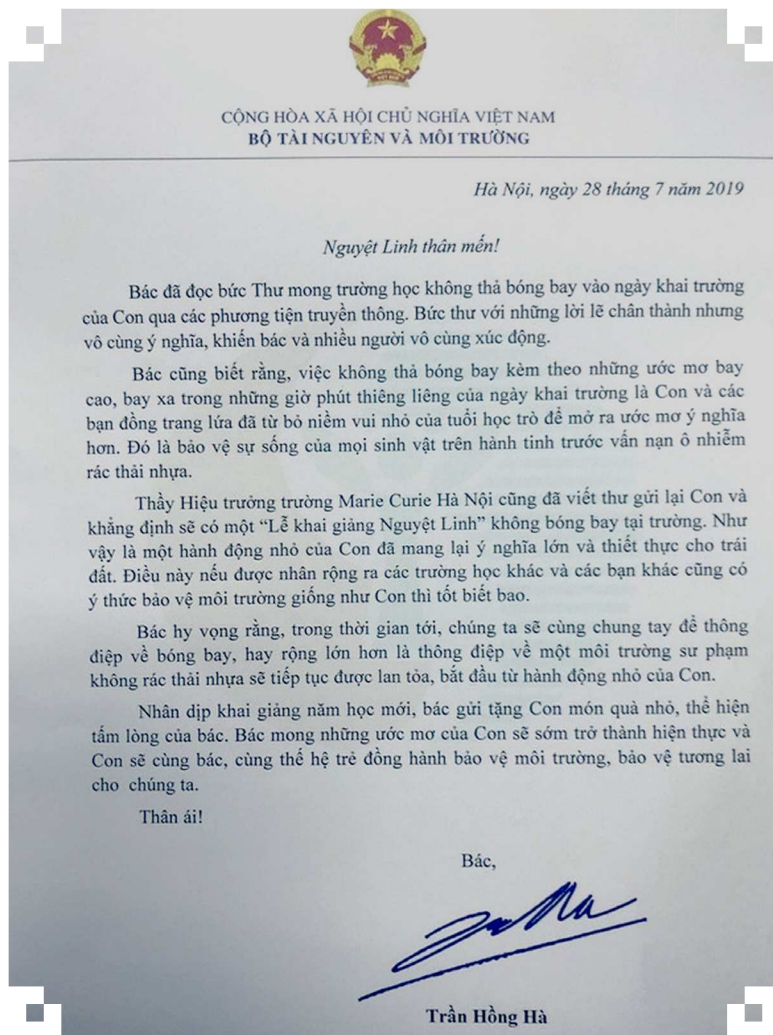
nhựa, đồ nhựa sử dụng một lần bằng các vật liệu thân thiện với môi trường; đồng thời tích cực tham gia các hoạt động của Liên minh các doanh nghiệp chống rác thải nhựa theo kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ. Bộ trưởng tin tưởng sớm nhận được sự phản hồi của các tập đoàn, công ty và vinh hạnh được xướng tên các tập đoàn, công ty như một thành viên tiên phong trong Liên minh chống rác thải nhựa thời gian tới.

Trong nỗ lực chung cùng các nước trên thế giới, Việt Nam đã tích cực đề xuất các sáng kiến, tham gia các cơ chế hợp tác toàn cầu, khu vực để giải quyết rác thải nhựa; đồng thời triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa. Thủ tướng Chính phủ cũng đã có thư kêu gọi và phát động Phong trào chống rác thải nhựa trên toàn quốc. Đến nay đã có rất nhiều công ty, tập đoàn lớn, trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi nhà hàng tham gia Liên minh các doanh nghiệp chống rác thải nhựa■

CHÂU LONG



LAN TỎA THÔNGIỆP VỀ MỘT MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM KHÔNG RÁC THẢI NHỰA



Qua các phương tiện truyền thông đại chúng, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã đọc được bức thư của em Nguyễn Nguyệt Linh gửi hơn 40 trường học trên địa bàn TP. Hà Nội về việc đề xuất không thả bóng bay trong Lễ khai giảng năm học 2019 - 2020. Bộ trưởng đánh giá thông điệp của em Nguyệt Linh là hành động nhỏ, mang ý nghĩa lớn và thiết thực cho Trái đất. Ngày 28/7/2019, Bộ trưởng Trần Hồng Hà đã gửi thư khen ngợi em Nguyễn Nguyệt Linh.

Chiều ngày 29/7, thừa ủy quyền của Bộ trưởng Trần Hồng Hà, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Hoàng Văn Thúc đã tới nhà Nguyệt Linh để trao bức thư của Bộ trưởng. Cùng với lá thư phúc đáp, Bộ trưởng đã gửi tặng Nguyệt Linh món quà nhỏ, đó là một chiếc ba lô, một chiếc bút và bình nước uống bằng chất liệu thân thiện với môi trường.

Hưởng ứng bức thư kêu gọi không thả bóng bay của Nguyệt Linh, nhiều trường học trên cả nước đã gửi thư phản hồi và cam kết không thả bóng bay vào Lễ khai giảng năm học mới như Trường THPT Thăng Long, Phan Huy Chú (Hà Nội); Trung tâm Giáo dục thường xuyên Chu Văn An, THPT Trưng Vương, THCS - THPT Hồng Hà (TP. Hồ Chí Minh)...■

MAI HƯƠNG



▲ Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Hoàng Văn Thúc trao bức thư của Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho Nguyễn Nguyệt Linh



ÁP DỤNG MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

Ngày 14/8/2019, tại Hà Nội, Bộ TN&MT tổ chức Hội thảo quốc tế Quản lý chất thải rắn (CTR) đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tuần hoàn (KTTH).

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân cho biết, thời gian qua, sự gia tăng dân số cùng với phát triển kinh tế - xã hội đã làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng, đồng thời làm tăng lượng CTR phát sinh, gây khó khăn cho công tác quản lý CTR tại Việt Nam. Năm 2015, CTR sinh hoạt đô thị đã tăng gấp 1,6 lần so với năm 2010; dự đoán năm 2020 sẽ tăng gấp 2,37 lần và năm 2025 là 3,2 lần. Bình quân CTR/đầu người tăng từ 0,95 kg/người/ngày năm 2009 lên 1,6 kg/người/ngày năm 2025. Đây sẽ là những áp lực lớn đối với công tác quản lý CTR đô thị trong thời gian tới.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý CTR, Việt Nam đã ban hành các Nghị định, Quyết định về Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR, Quy hoạch xây dựng khu xử lý CTR, đặc biệt là Chỉ thị số 23/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quản lý CTR tại các đô thị và khu công nghiệp. Việc ban hành các chính sách, thể chế trong công tác quản lý CTR đã từng bước đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, Việt Nam cũng cần học hỏi kinh nghiệm quốc tế, bắt nhịp với các phương thức, quản lý hiệu quả trên thế giới, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý CTR đô thị. Quản lý CTR phải đáp ứng yêu cầu phát triển KTTH. Để làm được điều này, cần có sự quan tâm đúng mức, cách tiếp cận mới và coi rác thải là nguồn tài nguyên.

Tại Hội thảo, các chuyên gia quốc tế đã chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác quản lý CTR đô thị, giảm thiểu rác thải nhựa, xây dựng nền KTTH, nhằm giúp cơ quan quản lý tìm ra giải pháp, cũng như xác định lộ trình áp dụng KTTH vào công tác quản lý CTR đô thị tại Việt Nam. Theo



▲ Toàn cảnh Hội thảo quốc tế Quản lý chất thải rắn đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tuần hoàn

đó, việc phát triển KTTH cần chú trọng tái sử dụng các phế liệu và rác thải. Đây được coi là giải pháp giúp các nước phát triển bền vững và thân thiện với môi trường. Hiện nay, quản lý CTR đô thị trong phát triển KTTH là một cách tiếp cận phù hợp với bối cảnh chung của thế giới và đạt được đa lợi ích về kinh tế - xã hội - môi trường, thông qua những bài học của quốc tế, thành công từ các dự án trong nước và các quốc gia trên thế giới. Đây là bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm hoàn thiện các chính sách, công cụ trong quản lý CTR nói chung và CTR đô thị nói riêng.

Việt Nam cũng đã có một số mô hình KTTH như khu công nghiệp sinh thái tại Ninh Bình, Cần Thơ và Đà Nẵng, giúp tiết kiệm 6,5 triệu USD/năm; các mô hình sản xuất sạch hơn tại nhiều nhà máy; chế biến phụ phẩm thủy sản (vỏ tôm, đầu tôm...) tạo ra Chitosan và SSE; sáng kiến Không xả thải ra thiên nhiên (Zero Waste to Nature) do VCCI khởi xướng; tái chế nắp bia Tiger thành sắt làm cầu tại Tiền Giang...

Để thúc đẩy phát triển nền KTTH trong thời gian tới, Việt Nam cần hoàn thiện chính sách, pháp luật trong công tác quản lý CTR nói chung và CTR đô thị nói riêng. Đặc biệt là xây dựng Bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá trình độ công nghệ trong xử lý CTR; đồng thời, thể chế hóa, luật hóa về KTTH, hướng tới thực hiện KTTH trong mọi hoạt động; xác định lộ trình thực hiện KTTH, đẩy mạnh chi tiêu công xanh; thực hiện quản lý chất thải theo hướng coi rác thải là nguồn tài nguyên; đảm bảo việc xử lý, thu hồi và tái sử dụng chất thải được thực hiện theo cách an toàn, khoa học và thân thiện với môi trường, góp phần giảm phát thải khí nhà kính; thúc đẩy các thị trường tái chế; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, nước; tìm kiếm, lựa chọn các mô hình, công nghệ xử lý CTR đô thị phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, đảm bảo tận dụng tối đa được nguồn tài nguyên rác thải, giảm thiểu tiến tới loại bỏ hoàn toàn các loại rác thải không thể tái chế ■

TRẦN HƯƠNG



Bộ TN&MT tích cực chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về quản lý chất thải rắn



▲ Thủ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân chủ trì cuộc họp

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019, thời gian qua, Bộ TN&MT đã phối hợp với các Bộ liên quan (Tư pháp, Xây dựng, Nội vụ...) tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn (CTR), đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm thực hiện phương án thống nhất quản

lý nhà nước về CTR; đánh giá công tác quản lý CTR tại các địa phương nhằm cung cấp thông tin về hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt. Trên cơ sở kết quả kiểm tra công tác quản lý CTR trong thời gian qua và hoàn thiện phương án thống nhất đầu mối quản lý CTR, nhất là CTR sinh hoạt, Bộ TN&MT dự kiến tổ chức Hội nghị toàn quốc về quản lý CTR vào cuối tháng 9/2019, tại Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

- **Hội thảo chuyên đề 1:** Cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý CTR, trong đó tập trung vào các nội dung: Đánh giá việc ban hành các cơ chế chính sách liên quan đến quản lý, xử lý CTR sinh hoạt; công tác đầu tư và xã hội hóa trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt; báo cáo hiện trạng cơ cấu mô hình tổ chức quản lý nhà nước về CTR từ Trung ương đến địa phương và đề xuất giải pháp thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019 của Chính phủ; trao đổi, thảo luận một số nội dung liên quan đến Dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp cấp bách quản lý CTR sinh hoạt, trong đó có nội dung liên quan đến “Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, pháp luật, mô hình tổ chức về quản lý CTR nói chung và CTR sinh hoạt nói riêng”.

- **Hội thảo chuyên đề 2:** Công nghệ xử lý CTR sinh hoạt, tập trung vào các nội dung: Tổng quan về công nghệ xử lý CTR sinh hoạt và hoạt động thẩm định công nghệ xử lý CTR sinh hoạt; rà soát, đánh

giá các công nghệ xử lý CTR sinh hoạt tại Việt Nam, đề xuất giải pháp trong thời gian tới; kinh nghiệm quốc tế về công nghệ xử lý CTR sinh hoạt; đề xuất các công nghệ xử lý CTR sinh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- **Hội thảo chuyên đề 3:** Vai trò của cộng đồng và các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động quản lý, xử lý CTR sinh hoạt, tập trung vào các nội dung: Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên trong công tác quản lý CTR sinh hoạt; tình hình phát sinh chất thải nhựa và đề xuất công tác quản lý chất thải nhựa trong thời gian tới; hoạt động cộng đồng hưởng ứng Phong trào chống rác thải nhựa do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát động; các giải pháp thu hồi và tái chế chất thải nhựa.

- **Hội nghị toàn thể bao gồm các nội dung chính:** Chiếu phim tư liệu về thực trạng quản lý, xử lý CTR sinh hoạt tại Việt Nam; Báo cáo Tổng quan



▲ Hội thảo Mô hình xử lý và công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, ngày 8/5/2019, tại Hà Nội

Mục tiêu của Hội nghị nhằm đánh giá thực trạng, thách thức, cơ hội đối và những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước về CTR, trong đó tập trung vào CTR sinh hoạt; đề xuất, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý CTR sinh hoạt để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành. Đồng thời, thống nhất nhận thức, hành động về các chủ trương, giải pháp trước mắt và lâu dài trong công tác quản lý CTR sinh hoạt ở nước ta trong thời gian tới.

Căn cứ vào kết quả của Hội nghị, Bộ TN&MT sẽ xây dựng Dự thảo Chỉ thị về tăng cường các giải pháp cấp bách quản lý CTR sinh hoạt, trong đó có nội dung liên quan đến “Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, pháp luật, mô hình tổ chức về quản lý CTR nói chung và CTR sinh hoạt nói riêng”, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành.

Tại cuộc họp về công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc quản lý CTR, thay mặt Lãnh đạo Tổng cục Môi trường, Phó Tổng cục trưởng Hoàng Văn Thúc báo cáo Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân về kế hoạch chi tiết tổ chức Hội nghị. Theo đó, Hội nghị sẽ diễn ra 1 Phiên toàn thể và 3 Hội thảo chuyên đề. Bên cạnh đó là triển lãm mô hình, thiết bị, công nghệ trong thu gom, vận chuyển và xử lý CTR. Hiện nay, Tổng cục Môi trường đang tích cực hoàn thiện báo cáo về hiện trạng quản lý CTR trên toàn quốc; Danh mục công nghệ xử lý CTR khuyến cáo áp dụng.

Phát biểu tại cuộc họp, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân nhấn mạnh, Hội nghị là diễn đàn quan trọng để các nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội cùng trao đổi, thảo luận và đánh giá thực trạng công tác quản lý CTR; hoạt động đầu tư, xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt; mô hình, công nghệ xử lý CTR phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam. Thứ trưởng đề nghị, để đảm bảo cho việc tổ chức Hội nghị được thành công, Tổng cục Môi trường cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan chuẩn bị tốt các hoạt động tổ chức Hội nghị, làm rõ các thành phần tham dự, khách mời; xây dựng kịch bản chi tiết về thời gian, nội dung của các tham luận Hội nghị; tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức của các nhà quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc xử lý, phân loại rác tại nguồn và hạn chế rác thải nhựa■

về thực trạng công tác quản lý CTR sinh hoạt trong thời gian qua và định hướng triển khai trong thời gian tới; Báo cáo đánh giá tổng quan về các công nghệ xử lý CTR sinh hoạt đang áp dụng tại Việt Nam và đề xuất định hướng công nghệ xử lý CTR sinh hoạt áp dụng trong thời gian tới; Báo cáo việc rà soát, triển khai thực hiện quy hoạch quản lý CTR và đánh giá hiệu quả của việc đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý CTR sinh hoạt trong thời gian qua; Báo cáo về công tác quản lý, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn TP. Hà Nội... Dự kiến, Thủ tướng Chính phủ sẽ tới dự và phát biểu chỉ đạo về các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chiến lược về quản lý CTR, cụ thể là CTR sinh hoạt.

TRIỂN LÃM VỀ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Trong khuôn khổ Hội nghị toàn quốc về quản lý CTR, Bộ TN&MT sẽ tổ chức về công nghệ xử lý CTR sinh hoạt. Tham dự Triển lãm là cơ hội để các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, các tổ chức, doanh nghiệp tham gia giới thiệu, trưng bày các sản phẩm, mô hình công nghệ xử lý CTR để các đơn vị khác học hỏi, nhân rộng mô hình, qua đó góp phần vào sự nghiệp BVMT.

Các nội dung Triển lãm chính bao gồm: Giới thiệu sản phẩm là các mô hình công nghệ, công nghệ xử lý CTR sinh hoạt; Triển lãm về các sản phẩm, trang thiết bị, máy móc, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực xử lý CTR sinh hoạt; Trưng bày, giới thiệu các sản phẩm tái chế, sản phẩm sinh thái thân thiện với môi trường.

Nhằm tạo điều kiện cho quý đơn vị tham gia triển lãm, Ban Tổ chức sẽ cung cấp miễn phí ít nhất 01 gian hàng tiêu chuẩn 9m² (3mx 3m) để doanh nghiệp trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ■

PƯƠNG TÂM



Đồng hành cùng học sinh trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam hưởng ứng Chiến dịch chống rác thải nhựa

Hưởng ứng Phong trào chống rác thải nhựa, ngày 28/7/2019, tại khuôn viên trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam đã diễn ra Hội chợ đồ tái chế các sản phẩm từ nhựa. Đây là Dự án BVMT mang tên “The Plastic Hero” được thực hiện bởi nhóm học sinh Lý 1 khóa 2017-2020 nhằm nâng cao nhận thức của học sinh về vấn đề ô nhiễm môi trường, đặc biệt là rác thải nhựa.

Tại Hội chợ, rất nhiều hoạt động đã được diễn ra trong không khí sôi nổi và hào hứng. Một trong các hoạt động chính của Hội chợ là hướng dẫn các em học sinh tiểu học làm đồ tái chế. Từ các vật liệu, đồ dùng nhựa bỏ đi, các em học sinh đã được hướng dẫn tái chế thành các sản phẩm hữu dụng trong đời sống hàng ngày, như những bông hoa, lọ hoa làm từ ống hút nhựa, chai nhựa tái chế thành thành các con vật ngộ nghĩnh... Qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của các em học sinh trong việc tái chế các sản phẩm từ nhựa. Hoạt động này thu hút sự quan tâm và hưởng ứng nhiệt tình từ các em học sinh.

Bên cạnh đó là các gian hàng trao đổi, mua bán các sản phẩm thân thiện với môi trường như ống hút tre, túi vải tự thiết kế, đồ sách, truyện cũ lấy các sản phẩm tái chế. Toàn bộ kinh phí thu được của Dự án được sử dụng vào mục đích từ thiện xã hội.

Cùng đồng hành với Dự án “The Plastic Hero” là các tình nguyện viên đến từ các trường THCS, THPT, Đại học của các tỉnh, thành trên toàn quốc. Đặc biệt, Dự án còn nhận được sự quan tâm, động viên, hỗ trợ về mặt chuyên môn từ Tổng cục Môi trường.

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Hưng Thịnh đã có thư ngỏ gửi Dự án. Trong thư, Phó Tổng cục trưởng đánh giá cao tính thiết thực và ý nghĩa thực tiễn của Dự án, góp phần lan tỏa và thu hút sự tham gia đông đảo của các bạn học sinh đối với hoạt động BVMT nói chung và rác thải nhựa nói riêng. Phó Tổng cục trưởng hoan nghênh và khen ngợi các bạn học sinh về ý tưởng cũng như cách thức thực hiện Dự án. Tuy nhiên, để Dự án được triển khai hiệu quả, Phó Tổng cục trưởng đề nghị các bạn



Các bạn học sinh lớp Lý 1 Khóa 2017-2020, Trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam (từ trái sang phải)

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2019

Qua trang fanpage của dự án “The Plastic Hero”, chủ vui mừng được biết, các cháu đang triển khai dự án “The Plastic Hero” nhằm nâng cao nhận thức cho các bạn nhỏ về các vấn đề ô nhiễm môi trường, đặc biệt là rác thải nhựa.

Như chúng ta đã biết, mỗi năm thế giới sử dụng 500 tỷ túi nhựa; tại Việt Nam, con số này là khoảng 5 triệu tấn. Tuy nhiên, trong số đó chỉ khoảng 17% được tái sử dụng, số còn lại được thải ra môi trường và sẽ mất hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm để phân hủy. Đây là gánh nặng cho môi trường, thậm chí dẫn tới thảm họa “ô nhiễm trắng” nếu không có giải pháp xử lý phù hợp và kịp thời. Trước thực trạng đó, nước ta cũng đang triển khai rất nhiều các giải pháp nhằm giảm thiểu phát thải rác thải nhựa. Để đạt được mục tiêu này, rất cần có sự tham gia, chung sức của cả cộng đồng, đặc biệt là học sinh, sinh viên như các cháu.

Do đó, chủ đánh giá cao tính thiết thực và ý nghĩa thực tiễn của dự án, góp phần lan tỏa và thu hút sự tham gia đông đảo của các bạn nhỏ đối với các hoạt động bảo vệ môi trường nói chung và rác thải nhựa nói riêng. Chủ rất hoan nghênh và khen ngợi các cháu về ý tưởng cũng như cách thức thực hiện dự án. Tuy nhiên, để dự án được triển khai hiệu quả, chủ đề nghị các cháu cần tập trung xây dựng các hoạt động cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện để các bạn nhỏ có thể hiểu và áp dụng được. Chủ tin rằng, với sự đầu tư thời gian, trí tuệ và tâm huyết của nhóm thực hiện, dự án sẽ góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu lượng rác thải nhựa thải ra môi trường.

Trong quá trình thực hiện dự án, nếu cần thêm thông tin hay hỗ trợ về mặt chuyên môn, các cháu có thể liên hệ đến Tổng cục Môi trường. Các cô chú rất sẵn lòng hỗ trợ các cháu.

Chúc dự án của các cháu ngày càng phát triển, mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng./.

Thân ái!

Nguyễn Hưng Thịnh
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG



▲ Khu trao đổi, mua bán các sản phẩm thân thiện với môi trường

học sinh cần tập trung xây dựng các hoạt động cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện để các em học sinh tiểu học có thể hiểu và áp dụng được. Phó Tổng cục trưởng tin rằng, với sự đầu tư thời gian, trí tuệ và tâm huyết của nhóm thực hiện, Dự án sẽ góp phần BVMT, giảm thiểu lượng rác thải nhựa ra môi trường■

TRÀ MY



Cùng chung tay hành động chống rác thải nhựa vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp

Tại Hội nghị thượng đỉnh G20 được tổ chức tại Nhật vào cuối tháng 6/2019, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã tái khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc chống rác thải nhựa. Song song đó, Việt Nam đã và đang triển khai nhiều giải pháp mạnh mẽ, với mục tiêu đến năm 2025 sẽ không sử dụng đồ nhựa dùng một lần trên cả nước. Với quyết tâm từ Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương đã tích cực hưởng ứng chiến dịch chống rác thải nhựa.

Rác thải nhựa đang là vấn đề nhức nhối mang tính toàn cầu. Mỗi năm, lượng rác thải nhựa do con người thải ra đủ để phủ kín 4 lần diện tích bề mặt Trái đất, trong đó 13 triệu tấn rác nhựa đổ ra, trôi nổi trên các đại dương. Rác thải nhựa đang hàng ngày, hàng giờ tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, môi trường sống, sức khỏe con người và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Tại Việt Nam, thống kê bình quân, mỗi hộ gia đình sử dụng khoảng 1 kg túi ni lông/tháng. Riêng Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, trung bình mỗi ngày thải ra môi trường khoảng 80 tấn nhựa và ni lông. Ô nhiễm rác thải nhựa, túi ni lông hiện ở mức cao, chiếm khoảng 8-12% trong chất thải rắn sinh hoạt. Thế giới đã đánh giá tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh đối với nước có thu nhập trung bình như Việt Nam chiếm 12% lượng chất thải rắn phát sinh. Nếu trung bình 10% số lượng chất thải nhựa và túi ni lông không được tái sử dụng mà thải bỏ hoàn toàn, lượng chất thải nhựa và túi ni lông thải bỏ ở Việt Nam sẽ xấp xỉ 2,5 triệu tấn/năm. Đây là một áp lực lớn đối với môi trường, trong khi lĩnh vực tái chế chất thải nhựa của Việt Nam vẫn chưa phát triển.

Nhận thức rõ vấn đề này, trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chính sách, chiến lược để kiểm soát rác thải nhựa; thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chú trọng giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng tối đa giá trị của rác thải nhựa cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cùng lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trao cam kết chống rác thải nhựa

PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO CHỐNG RÁC THẢI NHỰA

Năm 2018, Bộ TN&MT đã phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” với sự tham gia của các Bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quốc tế và cam kết của các hiệp hội doanh nghiệp, các siêu thị, trung tâm thương mại trong việc cắt giảm các sản phẩm nhựa, túi ni lông sử dụng một lần. Sự kiện nhằm kêu gọi các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và từng người dân, bằng những hành động thiết thực hãy thay đổi hành vi, thói quen sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa khó phân hủy, sử dụng một lần. Tại sự kiện này, đại diện Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội; các hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất thương mại có sử dụng vật liệu nhựa, các doanh

nh nghiệp phân phối, bán lẻ hàng hóa; đại diện các tổ chức quốc tế, đại sứ quán đã ký cam kết tham gia phong trào “Chống rác thải nhựa”.

Bộ TN&MT cũng là một trong những Bộ, ngành tiên phong trong phong trào “Nói không với rác thải nhựa”. Ngay từ tháng 6/2018, Bộ đã sử dụng bình nước kim loại thay thế cho chai nước nhựa dùng một lần tại các cuộc hội nghị, hội thảo. Hầu hết, các cơ quan trong Bộ đã không sử dụng chai nhựa, túi ni lông khó phân hủy trong các hoạt động hàng ngày. Bên cạnh đó, ngày 11/9/2018, Bộ đã phát động phong trào thi đua “Hành động để giảm thiểu ô nhiễm nhựa và ni lông” kêu gọi mỗi cán bộ, công nhân viên chức và người lao động trong toàn Ngành hãy hành động và vận động gia đình, người thân cùng thực hiện



“Nói không với sản phẩm nhựa và túi ni lông sử dụng một lần”.

Song song với đó, Bộ phối hợp với nhiều địa phương trên cả nước tổ chức các Chiến dịch "Nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần"; thực hiện các hoạt động thu gom và tái chế chất thải nhựa, túi ni lông tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các khu dân cư... để khuyến khích người tiêu dùng cắt giảm tối đa sử dụng các sản phẩm nhựa, túi ni lông và từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi. Đến nay, phong trào “Chống rác thải nhựa” đang được cộng đồng hưởng ứng, quan tâm, đồng thuận cao. Đặc biệt, các Bộ, ngành và địa phương, toàn xã hội đã cùng chung tay tham gia phong trào, góp phần nâng cao nhận thức của người dân, của xã hội về biện pháp giảm thiểu việc sử dụng túi ni lông, ô nhiễm từ chất thải nhựa.

SỰ VÀO CUỘC TÍCH CỰC CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Cùng chung tay giải quyết vấn đề rác thải nhựa, các Bộ, ngành (Công Thương, Y tế) và địa phương (Thừa Thiên - Huế, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội...) đã tích cực vào cuộc trong việc ban hành các kế hoạch hành động và có những hành động thiết thực để phong trào Chống rác thải nhựa được lan tỏa, đi vào thực chất và có chiều sâu.

Ngày 15/7/2019, Bộ Công Thương đã có Chỉ thị số 08/CT - BCT về việc tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong toàn ngành. Theo đó, Bộ yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng Công ty, doanh nghiệp (DN) trong ngành có trách nhiệm phổ biến thông tin, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị tham gia hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa”; đồng thời có hành động thiết thực nhằm hạn chế sử dụng, tiến tới nói không với túi ni lông và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị liên quan rà soát quy định về quản lý chất thải rắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN ngành Công Thương, thống nhất và tăng cường quản lý nhà nước về xả thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường theo cam kết của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu về giải quyết rác thải nhựa; tăng cường quản lý chất thải và phế liệu, trong đó có phế liệu nhựa tại các DN ngành Công Thương, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

Ngoài ra, Bộ Công Thương yêu cầu các

đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu “đến năm 2021 các cửa hàng, chợ, siêu thị ở các đô thị không sử dụng đồ nhựa dùng một lần; đến năm 2025 cả nước không sử dụng đồ nhựa dùng một lần”; lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin về tác hại của việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần... Đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp và hoạt động nhằm thúc đẩy giảm phát thải chất thải nhựa tại địa phương...; nghiên cứu xây dựng, phát động phong trào chống chất thải rắn, chất thải nhựa trong ngành tại địa phương, vận động các DN kinh doanh trong ngành ký cam kết, tuyên bố hành động chống rác thải nhựa.

Ngày 29/7/2019, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-BYT về giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành. Bộ yêu cầu các sở y tế, các cơ quan, tổ chức, công chức, viên chức, người lao động trong ngành hạn chế sử dụng túi, chai, cốc, bát, đĩa, ống hút và các vật dụng khác làm từ nhựa dùng một lần hoặc ni lông khó phân hủy cho mục đích ăn, uống của người bệnh, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế tại các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn của đơn vị... thay thế bằng các vật dụng làm từ vật liệu thân thiện với môi trường hoặc có thể tái sử dụng. Bộ Y tế đề nghị đưa tiêu chí giảm thiểu chất thải nhựa vào nội quy, quy chế hoạt động nội bộ của đơn vị...

Đồng thời, các đơn vị thực hiện phân loại triệt để chất thải nhựa, ni lông khó phân hủy để thu gom, tái chế đúng quy định.

Tổ chức quán triệt, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn, truyền thông, vận động cán bộ, nhân viên y tế, các đơn vị cung cấp dịch vụ, người bệnh, người nhà người bệnh, người sử dụng dịch vụ y tế và cộng đồng về giảm thiểu chất thải nhựa tại đơn vị. Ngành Y tế cũng sẽ tăng cường sử dụng thuốc bằng đường uống, sử dụng các vật dụng, vật tư, thiết bị y tế, bao bì, dụng cụ gói, chứa, đựng thuốc, hóa chất làm từ vật liệu thân thiện với môi trường, hoặc có thể tái sử dụng trong quá trình khám, chẩn đoán, điều trị, trong hoạt động nghiên cứu, kiểm nghiệm, kiểm định và các hoạt động chuyên môn y tế nhằm giảm phát sinh chất thải nhựa; Tổ chức ký cam kết giữa Thủ trưởng đơn vị với Lãnh đạo các khoa, phòng, đơn vị cung cấp dịch vụ tại cơ sở y tế về việc giảm thiểu chất thải nhựa; Nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các giải pháp hiệu quả để giảm thiểu chất thải nhựa trong hoạt động y tế để bảo đảm an toàn cho người bệnh, cộng đồng và môi trường.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT&DL) đã ban hành Công văn số 1857/BVHTTDL-TCDL về việc BVMT, hạn chế sử dụng túi ni lông, ống hút nhựa, cốc nhựa dùng một lần. Theo đó, yêu cầu các Sở VHTT&DL, Sở Du lịch thực hiện và chỉ đạo các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, khu du lịch, điểm du lịch triển khai các biện pháp BVMT, với các nội dung cụ thể là: Tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, nhân viên về công tác BVMT, phát triển du lịch bền vững; đặt các tài liệu truyền thông, thông điệp BVMT, tiết kiệm điện, nước tại khu vực lễ tân, nơi đón tiếp trong cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và trong phòng ngủ



các khách sạn nhằm kêu gọi, hướng dẫn khách du lịch cùng tham gia BVMT; Tăng cường sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng ống hút, cốc... bằng vật liệu có nguồn gốc hữu cơ hoặc có thể dùng nhiều lần; hạn chế sử dụng túi ni lông, ống hút nhựa, cốc nhựa dùng một lần và các sản phẩm khó phân hủy; giảm thiểu rác thải nhựa; chọn lọc và ưu tiên đặt mua sản phẩm có dán nhãn thân thiện với môi trường, sản phẩm sử dụng bao bì hữu cơ, bao bì dễ phân hủy, bao bì sử dụng nhiều lần của các nhà cung cấp vật tư đầu vào cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; Ứng dụng công nghệ quản lý du lịch theo hướng bền vững, xem xét việc áp dụng các tiêu chí chứng nhận nhân du lịch bền vững, tiêu chí khách sạn xanh, nhân tiết kiệm năng lượng; Thu gom, phân loại, xử lý chất thải trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, khu du lịch, điểm du lịch theo đúng quy định; Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm quy định theo thẩm quyền; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về BVMT theo quy định.

Tại địa phương, đi đầu trong Phong trào chống rác thải nhựa, giữa tháng 5/2019, UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế đã phát động Phong trào “Nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần”. Theo đó, tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh không sử dụng nước uống đóng chai nhựa sử dụng một lần và không sử dụng túi ni lông, khăn lau sử dụng một lần trong các hoạt động tại cơ quan và các hội nghị, hội thảo. Cán bộ, đảng viên gương mẫu và tiên phong sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; kiên quyết nói không với túi ni lông và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày; đồng thời, tuyên truyền, vận động người thân, gia đình và bạn bè cùng thực hiện. UBND tỉnh giao các cơ quan chuyên môn tìm kiếm giải pháp, công cụ thay thế bằng vật liệu thân thiện môi trường, đồng thời yêu cầu Sở Tài chính không thanh toán bất kỳ khoản chi nào của các cơ quan, đơn vị có sử dụng các sản phẩm nhựa, ni lông sử dụng một lần.

Tại Lễ ra quân Chống rác thải nhựa vào đầu tháng 6/2019, UBND TP. Hà Nội đã kêu gọi và chứng kiến việc ký bộ quy tắc ứng xử chống rác thải nhựa của 41 Đại sứ quán và các cơ quan ngoại giao đóng trên địa bàn TP, đồng thời đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử giảm thiểu chất thải nhựa tại các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã trên địa bàn.



▲ Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế Phan Ngọc Thọ trao túi giấy gói hàng cho tiểu thương chợ Đông Ba

Trong thời gian qua, Hà Nội đã tập trung triển khai việc tổ chức ký cam kết chống rác thải có nguồn gốc từ nhựa trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và phân phối tiêu dùng của TP. Hà Nội và một số tỉnh, thành phố đến 100% các DN sản xuất và DN phân phối. Mục tiêu đến ngày 31/12/2020, 100% các trung tâm thương mại, siêu thị không dùng túi ni lông.

UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch số 1098/KH-UBND ngày 29/7/2019 thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn TP giai đoạn 2019 – 2021. Theo Kế hoạch, UBND TP đề ra một số nội dung cần thực hiện đó là: Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp cắt giảm sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần (bắt đầu từ ngày 1/8/2019); không bố trí kinh phí cho các khoản chi trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp để mua các sản phẩm nhựa dùng một lần; yêu cầu các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng tiện lợi, nhà sách... sử dụng các bao bì thân thiện với môi

trường, khuyến khích người tiêu dùng mang túi khi mua sắm và các hình thức khác hạn chế sử dụng túi ni lông; đẩy mạnh việc tổ chức thu gom, tái chế chất thải nhựa, túi ni lông trên địa bàn TP; Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về vệ sinh môi trường, xả rác nơi công cộng, sản xuất túi ni lông khó phân hủy...

Nhìn chung, trong thời gian qua, phong trào chống rác thải nhựa đã nhận được sự quan tâm của các Bộ, ngành, địa phương và có sự lan tỏa trong cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, để duy trì và đạt được thành công, phong trào chống rác thải nhựa cần được nhân rộng và trở thành hoạt động thường xuyên hơn trong mỗi cơ quan, đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và mỗi người dân. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có những chính sách tài chính khuyến khích hỗ trợ các nhà sản xuất có công nghệ mới, sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, khuyến khích hỗ trợ người dân sử dụng những sản phẩm thân thiện với môi trường ■

**MAI DUNG
– NGUYỄN HẰNG**



Tăng cường hiệu quả quản lý và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước

TS. TRẦN NGỌC CƯỜNG

Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Đất ngập nước (ĐNN) Việt Nam có diện tích khoảng 12 triệu héc ta, được phân bố ở các vùng sinh thái trên cả nước với sự đa dạng về các kiểu loại và phong phú về đa dạng sinh học (ĐDSH). Ước tính có khoảng 1.028 loài cá, 848 loài chim, 800 loài động vật không xương sống ở hệ sinh thái (HST) nước ngọt và trên 11.000 loài sống ở HST ĐNN biển, ven biển với 6.300 loài sinh vật đáy, 2.500 loài cá, 653 loài rong biển, trên 300 loài san hô, 94 loài cây ngập mặn, 15 loài rắn biển và 25 loài động vật biển có vú.

Các vùng ĐNN không chỉ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường của đất nước, mà còn góp phần vào sự thịnh vượng của toàn cầu. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP, 2008), trung bình mỗi héc ta san hô cung cấp 130.000 đô la Mỹ giá trị hàng hóa và dịch vụ, thậm chí có thể lên tới 1,2 triệu đô la Mỹ. Ở Việt Nam, các vùng ĐNN đã cung cấp lương thực, thủy sản cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu đạt trên 10 tỷ đô la Mỹ trong năm 2017. Do đó, việc bảo tồn và phát triển bền vững (PTBV) các vùng ĐNN là một trong những mục tiêu Việt Nam PTBV.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐNN

Việt Nam chính thức gia nhập Công ước về các vùng ĐNN có tầm quan trọng quốc tế (Công ước Ramsar) từ năm 1989. Từ đó đến nay, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến quản lý ĐNN như: Nghị định số

109/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ về bảo tồn và PTBV các vùng ĐNN; Thông tư số 18/2004/TT-BTNMT ngày 23/8/2004 của Bộ TN&MT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/2003/NĐ-CP; Quyết định số 4/2004/QĐ-BTNMT ngày 5/4/2004 của Bộ TN&MT phê duyệt Kế hoạch hành động về bảo tồn và PTBV ĐNN giai đoạn 2004-2010; Quyết định số 131/2004/QĐ-TTg ngày 16/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ và triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010; Quyết định số 1250/2013/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 8/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Luật BVMT, Luật Thủy sản; Luật ĐDSH (Điều 35. PTBV HST tự nhiên trên vùng ĐNN tự nhiên)...

Các văn bản pháp luật nêu trên đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc quản lý và PTBV ĐNN ở Việt Nam. Trong đó, Nghị định số 109/2003/NĐ-CP là văn bản pháp lý đầu tiên quy định trực tiếp đến bảo tồn, sử dụng bền vững ĐNN, góp phần thực hiện hiệu quả cam kết của Việt Nam là quốc gia thành viên Công ước Ramsar. Việt Nam đã đề cử và được Ban Thư ký Công ước Ramsar công nhận 9 khu ĐNN có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar) gồm: 7 Vườn quốc gia (Xuân Thủy, Nam Định; Ba Bể, Bắc Cạn; Bàu Sấu-Cát Tiên, Đồng Nai; Tràm Chim, Đồng Tháp; Mũi Cà Mau, Cà Mau; Côn Đảo, Bà Rịa

-Vũng Tàu; U Minh Thượng, Kiên Giang) và 2 khu bảo tồn thiên nhiên (Láng Sen, Long An; Vân Long, Ninh Bình). Đồng thời, Việt Nam cũng kiểm soát và hạn chế các hoạt động khai thác trái phép tài nguyên ĐNN, đặc biệt là chuyển đổi mục đích sử dụng ĐNN; nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng trong sử dụng, bảo vệ tài nguyên ĐNN.

Tuy nhiên, công tác quản lý ĐNN còn gặp nhiều thách thức bởi những nguyên nhân:

Các vùng ĐNN đang ngày càng bị tác động mạnh mẽ bởi các hoạt động phát triển kinh tế của con người và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu. Nhiều vùng ĐNN đã bị biến mất hoặc thu hẹp do sức ép khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên các vùng ĐNN gia tăng; suy giảm chất lượng đất và nước làm thay đổi cấu trúc và chức năng dịch vụ hệ sinh thái (HST) ở nhiều vùng ĐNN trên toàn quốc; ĐDSH bị suy giảm nghiêm trọng, số lượng các loài nguy cấp, quý hiếm đang ở mức đe dọa do đánh, bắt quá mức. Theo Sách Đỏ năm 2012 của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (www.iucnredlist.org), Việt Nam có ít nhất 135 loài đang bị đe dọa trên toàn cầu, cư trú tại các sinh cảnh nước ngọt lục địa, bãi triều và ven biển. Số liệu này dự báo có thể gia tăng nếu không có giải pháp quản lý hiệu quả.

Hệ thống pháp luật về ĐNN hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý trước sự biến động không ngừng về diện tích và chất lượng vùng ĐNN. Mặc dù, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhiều ngành, lĩnh vực liên quan đến ĐNN, nhưng chỉ quy định mang tính riêng lẻ cho từng



đối tượng trên vùng ĐNN và chưa quy định cụ thể về quản lý các vùng ĐNN theo đúng đặc tính sinh thái ĐNN, theo hướng dẫn của Công ước Ramsar. Thiếu các quy định pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐNN dẫn đến ô nhiễm, suy thoái, thu hẹp diện tích ĐNN tự nhiên và gây các tổn thất về kinh tế, cũng như ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

Nhận thức về tầm quan trọng, giá trị và chức năng của vùng ĐNN còn hạn chế, nên nhiều vùng ĐNN còn bị coi là đất hoang hóa. Các chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng đất như chuyển từ đất cạn sang ĐNN (đắp đập thủy điện, hồ chứa, nuôi trồng thủy sản, quai đê lấn biển, tái định cư...), hoặc thay đổi chế độ thủy văn vùng ĐNN đã làm suy giảm các giá trị của nhiều vùng ĐNN.

Sự phối hợp của các cơ quan quản lý tài nguyên thiên nhiên các vùng ĐNN từ Trung ương đến địa phương còn chưa thống nhất, dẫn tới sự hạn chế trong bảo vệ các đặc trưng sinh thái của vùng ĐNN.

Các dịch vụ HST của vùng ĐNN chưa được chú trọng trong các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Do đó chưa đánh giá và phát huy được giá trị dịch vụ HST ĐNN, còn tồn

tại các xung đột trong việc hài hòa giữa mục tiêu phát triển và bảo tồn các vùng ĐNN, ảnh hưởng đến sự PTBV nguồn tài nguyên thiên nhiên của vùng ĐNN.

Nguồn lực về tài chính, cơ chế đầu tư trong quản lý ĐNN còn thiếu, chưa đáp ứng với yêu cầu bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN, do đó đã hạn chế đến hiệu quả quản lý các HST, khu bảo tồn vùng ĐNN của Việt Nam.

TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CÁC VÙNG ĐNN

Nhằm tăng cường hiệu quả quản lý các vùng ĐNN và thực hiện cam kết của Việt Nam là quốc gia thành viên Công ước Ramsar trước các áp lực phát triển và tác động của BĐKH, góp phần đạt được mục tiêu PTBV ĐNN, Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN. Ngày 29/7/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 66/2019/NĐ-CP về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN (Nghị định số 66/2019/NĐ-CP) thay thế cho Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ về bảo tồn và PTBV các vùng ĐNN. Nghị

định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2019.

Nghị định số 66/2019/NĐ-CP gồm 5 chương, 33 điều, với mục tiêu hoàn thiện văn bản quy định pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, BVMT và thực hiện hiệu quả trách nhiệm của Việt Nam đối với Công ước Ramsar. Nghị định được áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trực tiếp hoặc liên quan đến bảo tồn và sử dụng các vùng ĐNN trên phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.

Nghị định được xây dựng trên quan điểm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất các quy định của pháp luật, phân công trách nhiệm trong quản lý ĐNN trên toàn quốc để phù hợp với xu hướng biến đổi của ĐNN, tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; Nâng cao hiệu quả bảo tồn và sử dụng khôn khéo ĐNN, đặc biệt là phát huy các giá trị dịch vụ, bảo vệ đặc tính sinh thái của các HST ĐNN có giá trị cao về ĐDSH, môi trường và kinh tế - xã hội; Quản lý ĐNN phải dựa trên phương pháp tiếp cận



▲ Láng Sen là vùng sinh thái cảnh quan tiêu biểu cho kiểu đầm lầy ngập nước nội địa với nhiều quần thể động, thực vật phong phú



HST, quản lý tổng hợp các đối tượng, các mối quan hệ qua lại, tác động lên các thành phần của HST ĐNN và tính đến các yếu tố BĐKH, xuyên biên giới để đảm bảo duy trì chất lượng dịch vụ HST của ĐNN.

Nghị định nêu rõ 3 nguyên tắc bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN gồm: Việc bảo tồn và sử dụng vùng ĐNN phải được thực hiện trên nguyên tắc tiếp cận HST, bảo đảm duy trì toàn vẹn cấu trúc, chức năng, đặc tính sinh thái và ĐDSH của vùng ĐNN; Tăng cường vai trò, sự tham gia của cộng đồng dân cư sinh sống trên, xung quanh vùng ĐNN và các bên liên quan trong bảo tồn, sử dụng bền vững vùng ĐNN; Đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng, hợp lý về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên liên quan trong việc sử dụng dịch vụ HST ĐNN.

Theo Nghị định, công tác quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN được đề cập tới các nội dung: Ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN; các quy định của Công ước Ramsar; Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN trên phạm vi cả nước và từng địa phương; Thống kê, kiểm kê; điều tra, đánh giá, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về các vùng ĐNN; quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường và ĐDSH của các vùng ĐNN quan trọng; lập, thẩm định, ban hành và điều chỉnh Danh mục các vùng ĐNN quan trọng trên phạm vi toàn quốc; Tổ chức lập, thẩm định, thành lập và quản lý các khu bảo tồn ĐNN; đề cử công nhận và quản lý khu Ramsar; hướng dẫn quản lý các vùng ĐNN quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn; Tổ chức việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN; Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN quan trọng; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan, cộng đồng về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN.

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cộng đồng dân cư đầu tư, tham gia vào các hoạt động BVMT, bảo tồn ĐDSH, bảo vệ các HST tự nhiên và loài chim di cư tại vùng ĐNN; Phục hồi các vùng

ĐNN quan trọng, các HST ĐNN tự nhiên đã bị suy thoái hoặc bị khai thác quá mức; duy trì và phòng ngừa sự biến đổi các đặc tính sinh thái vùng ĐNN; Giám sát các hoạt động trên vùng ĐNN quan trọng; phát hiện và thông báo kịp thời với cơ quan chức năng về các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững vùng ĐNN quan trọng; Thực hiện mô hình sinh kế bền vững về môi trường, mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN, các hoạt động du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

Nghị định cũng quy định cụ thể các tiêu chí xác định vùng ĐNN quan trọng; Danh mục các vùng ĐNN quan trọng; điều kiện thành lập khu bảo tồn ĐNN... Khu bảo tồn ĐNN được phân cấp thành cấp quốc gia, cấp tỉnh và phân hạng thành vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan theo quy định của Luật ĐDSH. Theo đó, vùng ĐNN được xem xét thành lập khu bảo tồn ĐNN quốc gia khi là vùng ĐNN quan trọng đối với quốc gia thuộc Danh mục các vùng ĐNN quan trọng được công bố; đáp ứng các tiêu chí của khu bảo tồn cấp quốc gia theo quy định của Luật ĐDSH. Vùng ĐNN được xem xét thành lập khu bảo tồn ĐNN cấp tỉnh khi thuộc Danh mục các vùng ĐNN quan trọng được công bố; đáp ứng các tiêu chí của khu bảo tồn cấp tỉnh theo quy định của Luật ĐDSH.

Nhà nước có chính sách khuyến khích đầu tư cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN quan trọng như ưu tiên hỗ trợ, đầu tư cho các

hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN; hỗ trợ, đầu tư cho các hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN trong khu bảo tồn ĐNN, khu Ramsar, vùng ĐNN quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn và vùng đệm của khu bảo tồn ĐNN.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật quản lý và bảo tồn, sử dụng bền vững vùng ĐNN; đầu tư xây dựng phát triển vùng đệm phục vụ bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng ĐNN trong khu bảo tồn ĐNN, khu Ramsar; các mô hình sinh kế bền vững tại vùng đệm khu bảo tồn ĐNN, mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững vùng ĐNN quan trọng; các hạng mục đầu tư khác liên quan đến quản lý và bảo tồn, sử dụng bền vững vùng ĐNN theo quy định của pháp luật.

Nhà nước ưu đãi đầu tư cho các hoạt động phục hồi các sinh cảnh, môi trường sống của các loài nguy cấp, quý, hiếm; nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; phục hồi đặc tính sinh thái vùng ĐNN quan trọng bị suy thoái; bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm; nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các loài chim di cư, chim nước thuộc các vùng ĐNN quan trọng; chuyển đổi các sinh kế bền vững về môi trường và hài hòa với thiên nhiên, ĐDSH.

Trên cơ sở Nghị định số 66/2019/NĐ-CP, dưới sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ TN&MT, Lãnh đạo Tổng cục Môi trường, Cục Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH đang tích cực chuẩn bị kế hoạch triển khai thực hiện nhằm sớm đưa Nghị định vào cuộc sống■



Hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm tăng cường công tác quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

TRẦN TRỌNG ANH TUẤN
NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Tổng cục Môi trường

Ngày 16/7/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 64/2019/NĐ-CP sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Nghị định được ban hành nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, tăng cường công tác quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Luật Đa dạng sinh học (ĐDSH) năm 2008. Đồng thời cập nhật, bổ sung các loài nguy cấp, quý, hiếm vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ để đáp ứng với tình hình thực tế.

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 64/2019/NĐ-CP

Tại Khoản 3 Điều 40 Luật ĐDSH năm 2008 quy định: “Định kỳ 3 năm một lần hoặc khi có nhu cầu, loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ phải được điều tra, đánh giá quần thể để sửa đổi, bổ sung”. Cũng tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP quy định: “Định kỳ 3 năm một lần hoặc khi thấy cần thiết, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ trên cơ sở đề nghị của Bộ TN&MT”.

Nghị định số 160/2013/NĐ-CP đã ban hành Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bao gồm 83 loài động vật, 17 loài thực vật, 15 giống cây trồng, 06 giống vật nuôi và chế độ quản lý các loài thuộc Danh mục này. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thúc đẩy quản lý loài ưu tiên bảo vệ, đặc biệt làm căn cứ pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2017 và xây dựng, triển khai các chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Trong thời gian qua, Bộ TN&MT đã phối hợp với các Bộ, ngành, tổ chức liên quan tiến hành xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị

định số 160/2013/NĐ-CP, các chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ như: Chương trình quốc gia về bảo tồn hổ giai đoạn 2014 - 2022 (Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ), Kế hoạch hành động khẩn cấp đến năm 2020 để bảo tồn voi ở Việt Nam (Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 19/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ), Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ). Hiện nay, Bộ TN&MT đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo tồn các loài rùa nguy cấp ở Việt Nam.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, các thông tin về loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đã có những thay đổi, đòi hỏi cần có sự điều chỉnh, bổ sung cập nhật như: Một số loài trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP đã có thay đổi về tên khoa học; một số loài đã được giới khoa học công bố tách thành nhiều loài; có loài đã được cơ quan khoa học khẳng định không còn tồn tại ở Việt Nam; một số loài nguy cấp, quý, hiếm đáp ứng tiêu

chí để được công nhận là loài ưu tiên bảo vệ...

Thực hiện Khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, Bộ TN&MT đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai rà soát, đánh giá hiện trạng loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; chủ trì Dự thảo Nghị định của Chính phủ nhằm điều chỉnh, bổ sung Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP. Do đó, việc ban hành Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 là một trong những nội dung quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình hoạt động của các Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia bao gồm Công ước ĐDSH (CBD) và Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).

Tại Điều 8, CBD cũng đã khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng và triển khai các quy định về bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm: “Triển khai hoặc duy trì các quy định pháp luật cần thiết hoặc các điều khoản điều chỉnh khác để bảo vệ các loài nguy cấp và số lượng quần thể đang bị nguy cơ tuyệt chủng”. CITES cũng đã nhấn mạnh: “Các loài động vật và thực vật



hoang dã là một phần không thể thay thế của những hệ sinh thái tự nhiên của Trái đất với những giá trị to lớn về các mặt thẩm mỹ, khoa học, văn hóa, giải trí và kinh tế. Vì vậy, các dân tộc và các quốc gia phải là những người bảo vệ tốt nhất nguồn động, thực vật hoang dã của mình".

Theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, số lượng loài đã được đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục là 15 loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I về Danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại của Công ước CITES năm 2017. Một số loài được đề nghị bổ sung trong Danh mục là những loài đang trong tình trạng sắp có nguy cơ tuyệt chủng ngoài tự nhiên. Việc đưa vào Danh mục nhằm cụ thể hóa việc thực thi Công ước và có các hành động thích hợp để bảo tồn, ngăn chặn sự suy giảm các loài bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam.

Năm 2010, tại Hội nghị lần thứ 10 của các bên tham gia CBD, các nước thành viên đã thông qua và cam kết thực hiện các mục tiêu của Công ước đến năm 2020 (Mục tiêu Aichi), trong đó mục tiêu về bảo tồn các loài bị đe dọa là "Đến năm 2020, ngăn chặn được sự tuyệt chủng của các loài nguy cấp và cải thiện tình trạng bảo tồn của các loài này, đặc biệt là những loài đang bị suy giảm quần thể".

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 64/2019/NĐ-CP

Nghị định số 64/2019/NĐ-CP gồm 2 Điều và 1 Phụ lục. Những nội dung điều chỉnh, bổ sung tại Phụ lục I Danh mục điều chỉnh, bổ sung loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ như sau:

Về thực vật: Bổ sung 09 loài thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bao gồm: Lan hài chai; Lan hài xanh; Lan hài chân tím; Lan hài trân châu; Lan hài hồng; Lan hài đỏ; Lan hài tam đảo; Lan hài thăng heng; Thông đỏ nam. Các loài nêu trên là các nguồn gen quý, hiếm bị khai thác, buôn bán cạn kiệt, đang bị đe dọa tuyệt chủng ngoài tự nhiên và đều đáp ứng các tiêu chí là loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định tại Nghị định số 160/2013/NĐ-CP. Bên cạnh đó, điều chỉnh tên Việt Nam 02 loài là Bách vàng thành Bách vàng



▲ Loài Lan hài hồng và Thần lằn cá sấu được đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ

việt; Hoàng liên trung quốc thành Hoàng liên bắc và tách thành 03 loài nhằm cụ thể hóa các loài thuộc họ Hoàng liên gai trong Danh mục loài ưu tiên bảo vệ là Hoàng liên gai lá dài; Hoàng liên gai lá mocc; Hoàng liên gai lá nhỏ.

Về động vật, trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của Nghị định số 64/2019/NĐ-CP đưa loài Trâu rừng ra khỏi Danh mục, bởi trong nhiều năm qua không còn ghi nhận loài này ở Việt Nam. Đồng thời bổ sung 10 loài bao gồm 03 loài thú, 03 loài bò sát và 04 loài chim nguy cấp, quý, hiếm vào Danh mục gồm: Cây giống đốm; Cây văn bắc; Cây gấm; Tắc kè đuôi vàng; Thần lằn cá sấu; Rùa đầu to; Rẽ mỏ thìa; Trĩ sao; Công; Choắt mỏ vàng. Hiện các loài này đều đang bị đe dọa và đáp ứng các tiêu chí là loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định tại Nghị định số 160/2013/NĐ-CP.

Danh mục điều chỉnh 10 loài bao gồm 06 loài thú, 02 loài bò sát và 02 loài chim. Các loài này được tách thành các loài mới hoặc điều chỉnh tên Việt Nam, tên khoa học cho phù hợp với các kết quả nghiên cứu khoa học mới nhất đã được công bố, cụ thể: Tách loài Vượn siki từ loài

Vượn đen má trắng trong Danh mục loài ưu tiên bảo vệ do trong quá trình nghiên cứu về di truyền học phân tử, các chuyên gia phân loại học linh trưởng thấy có sự khác biệt về di truyền; Tách loài Voọc bạc trường sơn từ loài Voọc bạc đông dương; Điều chỉnh tên khoa học của loài Voọc bạc đông dương (*Trachypithecus villosus* thành *Trachypithecus germaini*); Tách loài Vượn má vàng trung bộ từ loài Vượn đen má hung; Điều chỉnh tên khoa học của loài Voọc xám (Voọc bạc) (*Trachypithecus (phayrei) barbei* thành *Trachypithecus crepusculus*); Điều chỉnh tên khoa học loài Sơn dương; Tách loài Rùa hộp trán vàng miền trung và loài Rùa hộp trán vàng miền nam từ loài Rùa hộp trán vàng miền bắc; Điều chỉnh tên khoa học của loài Hồng hoàng và điều chỉnh tên khoa học loài Niệc nâu.

Việc ban hành Nghị định số 64/2019/NĐ-CP là cần thiết, phù hợp với quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về bảo vệ, phát triển bền vững ĐDSH, bảo vệ các loài nguy cấp, quý, hiếm, đồng thời đảm bảo tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên■



XÂY DỰNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

TRƯƠNG MẠNH TUẤN

Vụ Quản lý chất lượng môi trường

Tổng cục Môi trường

Quan trắc môi trường (QTMT) có vai trò quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về BVMT. Hoạt động QTMT nhằm mục tiêu cung cấp các số liệu hiện trạng về chất lượng môi trường, đánh giá hoạt động xả thải ra môi trường từ đó góp phần giúp cho các cơ quan hữu quan thực hiện chức năng quản lý môi trường. Nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới đều quan tâm, chú trọng tới việc thiết lập các mạng lưới QTMT nhằm đánh giá diễn biến, đưa ra cảnh báo và xây dựng các phương án quản lý phù hợp.

Tại Việt Nam, công tác QTMT cũng luôn được quan tâm, chỉ đạo sát sao. Trong bối cảnh đất nước đang phát triển mạnh mẽ, các hoạt động sản xuất công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ ngày càng nhiều, đã và đang tạo ra những áp lực lớn lên môi trường, đòi hỏi phải xây dựng mạng lưới QTMT, thực hiện quan trắc một cách thường xuyên, liên tục để đánh giá diễn biến và đưa ra những cảnh báo môi trường cho cộng đồng và các cơ quan quản lý.

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CÁC QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI QTMT TẠI VIỆT NAM

Sau nhiều năm triển khai và hoạt động, mạng lưới QTMT ở Việt Nam đã phát triển, đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của công tác quản lý Nhà nước về BVMT. Với vai trò điều phối của Bộ TN&MT hiện nay, mạng lưới các trạm QTMT ngày càng được mở rộng và phát huy hiệu quả nguồn lực cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực của nhiều cơ quan, ngành nghề, viện nghiên cứu như các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, NN&PTNT, Quốc Phòng, Công Thương, Y Tế, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ năm 1994 - 2006, một số Bộ/ngành và địa phương đã hình thành mạng lưới QTMT. Nhưng chưa thống nhất về phương pháp, quy trình, thông số, tần suất quan trắc, một số chương trình không đảm bảo đúng thời điểm, địa điểm quan trắc như kế hoạch đề ra. Hơn thế nữa với kinh phí hạn hẹp, thiết bị lạc hậu

và năng lực cán bộ còn hạn chế, kết quả quan trắc thiếu đồng bộ cả về không gian và thời gian, độ tin cậy chưa cao, đôi khi còn mâu thuẫn với nhau nên khó phân tích, tổng hợp và sử dụng chung. Kết quả quan trắc cũng chưa được tập trung về cơ quan quản lý môi trường quốc gia. Việc QTMT chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của công tác quản lý và BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trên, ngày 29/1/2007 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg về việc "Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia đến năm 2020". Trong đó đề ra mục tiêu tổng quát như: Xây dựng mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia bảo đảm thống nhất trên phạm vi cả nước, đồng bộ, tiên tiến và từng bước hiện đại, đáp ứng nhu cầu thu thập và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về môi trường, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, phục vụ có hiệu quả cho công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, dự báo, cảnh báo, phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, phát triển mạnh và bền vững kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, Quyết định cũng chỉ ra được mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn trong đó chú trọng đến các vấn đề về xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều

hành; tăng cường năng lực trang thiết bị và nhân lực cho mạng lưới quan trắc TN&MT. Mặc dù đã có các quy định chung tại một chương riêng trong Luật BVMT và Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg nhưng qua thực tế quản lý và tổ chức hoạt động của mạng lưới QTMT quốc gia, thống kê môi trường, công bố, công khai thông tin môi trường thời gian qua cho thấy hiện còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng các yêu cầu đặt ra ngày càng cao của công tác quản lý môi trường.

Ngày 12/1/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 90/QĐ-TTg về Quy hoạch mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, thay thế Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg với mục tiêu "Xây dựng được hệ thống quan trắc TN&MT quốc gia hợp lý, thống nhất, đồng bộ, hiện đại, đạt trình độ hàng đầu khu vực Đông Nam Á và trình độ tiên tiến của khu vực châu Á; đáp ứng nhu cầu thông tin điều tra cơ bản phục vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tài nguyên đất, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn, BVMT và các ngành kinh tế kỹ thuật khác; phục vụ dự báo, cảnh báo, phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu".

Để triển khai đồng bộ và hiệu quả Quyết định số



90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ TN&MT cũng đã ban hành Quyết định số 2044/QĐ-BTNMT ngày 7/9/ 2016 về Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 triển khai, thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia. Từ khi có Quyết định số 90/QĐ-TTg, Bộ TN&MT luôn tích cực, chủ động để triển khai thực hiện Quy hoạch.

CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUY HOẠCH

Hiện nay, Tổng cục Môi trường có đủ năng lực thực hiện quan trắc theo Quy hoạch đối với các thành phần môi trường gồm có: Nước mặt (nước biển ven bờ và nước sông), chất lượng không khí, trầm tích..., thực hiện các chương trình quan trắc các vùng kinh tế trọng điểm, các lưu vực sông: Nhuệ - Đáy, Cầu, Đồng Nai, Mã, Hồng - Thái Bình, Đà và Vu Gia - Thu Bồn, khu vực khai thác Bauxite tại Tây Nguyên. Đầu tư, duy trì vận hành hệ thống các Trạm quan trắc không khí tự động tại Hà Nội, Đà Nẵng, Khánh Hòa và sắp tới tại Thừa Thiên - Huế, Phú Thọ, Quảng Ninh...; tăng cường, lắp đặt các Trạm quan trắc nước tự động tại Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nội, Thừa Thiên - Huế...

Bên cạnh mạng lưới QTMT quốc gia do Tổng cục Môi trường làm đầu mối quản lý, còn có một số mạng lưới QTMT do các đơn vị khác trực thuộc Bộ TN&MT làm đầu mối quản lý như mạng lưới QTMT không khí và nước do Tổng cục Khí tượng Thủy văn (trước đây) nay là Trung tâm Khí tượng - Thủy văn quốc gia (Bộ TN&MT) xây dựng.



▲ Trạm quan trắc tự động môi trường không khí, Tổng cục Môi trường tại 556 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội

Mạng lưới trạm này thực hiện QTMT không khí được lồng ghép với các trạm khí tượng; QTMT nước sông, hồ được lồng ghép với các trạm thủy văn. Ngoài ra còn có các điểm quan trắc xâm nhập mặn vùng cửa sông do các trạm thủy văn thực hiện...

Bên cạnh những kết quả đạt được trong thời gian qua, công tác quy hoạch QTMT ở nước ta còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập. Hệ thống trạm QTMT không khí, nước tự động và liên tục còn chưa hoàn thiện theo Quy hoạch mạng lưới QTMT quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg do chi phí đầu tư, duy trì và vận hành các trạm quan trắc tự động còn cao, nhiều tỉnh gặp khó khăn về kinh phí đầu tư và duy trì trạm. Đối với công tác quan trắc định kỳ chỉ được thực hiện ở một số thời điểm nhất định trong năm, nhiều chương trình quan trắc chưa thực hiện được theo kế hoạch mong muốn. Việc chia sẻ thông tin dữ liệu QTMT giữa Trung ương, địa phương còn nhiều hạn chế. Mặt khác, cơ sở dữ liệu môi trường toàn hệ thống hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý môi trường trong việc kiểm soát, theo dõi, cảnh báo diễn biến môi trường và đặc biệt khi có sự cố ô nhiễm môi trường lớn xảy ra. Bên cạnh đó, đứng trước yêu cầu được tiếp cận thông tin về môi trường của xã hội hiện nay ngày càng đòi hỏi phải kịp thời, thông tin đầy đủ và phản ánh sâu sắc hiện trạng môi trường. Nguồn lực thực hiện quan trắc và phân tích môi trường ngày càng tăng về số lượng, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế cả về số lượng và chất lượng.

Các địa phương được đầu tư trang thiết bị chưa đồng bộ. Một số đơn vị có các thiết bị được đầu tư khá lâu vì thế đã cũ và hỏng hóc nhiều, hoặc có thiết bị mới nhưng giữa các đơn vị không có sự đồng bộ về danh mục và đặc tính kỹ thuật của các trang thiết bị...

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Theo quy định tại Khoản 12 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến Quy hoạch số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19/11/2018, Bộ TN&MT được giao trách nhiệm lập, thẩm định và trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể QTMT quốc gia nhằm đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi mới để phục vụ tốt hơn công tác quản lý. Khác với các quy hoạch trước đây, QTMT được lồng ghép chung vào mạng lưới quan trắc tài nguyên, khí tượng thủy văn, lần này Quy hoạch sắp tới được xây dựng riêng cho lĩnh vực môi trường.

Việc xây dựng Quy hoạch này dựa trên quan điểm kế thừa theo các quy hoạch QTMT trước đây đã được phê duyệt tại các Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 90/2016/QĐ-TTg, thể hiện được tính định hướng trong quy hoạch các trạm, điểm quan trắc và hướng tới tăng cường công tác xã hội hóa trong việc huy động các nguồn lực triển khai các chương trình QTMT trong quy hoạch. Quy hoạch mới sẽ góp phần cập nhật các điểm quan trắc, tăng cường cơ chế huy động nguồn lực cho hoạt động QTMT, góp phần đẩy mạnh các hoạt động QTMT nhằm đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.



Đề xuất sửa đổi quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng

ThS. NGUYỄN TRUNG THÀNH

Vụ Môi trường, Bộ Giao thông vận tải

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 114/2014/NĐ-CP VÀ ĐIỀU 4 NGHỊ ĐỊNH SỐ 147/2018/NĐ-CP

Trên cơ sở Luật BVMT năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 114/2014/NĐ-CP nhằm quy định cụ thể đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ và quản lý hoạt động phá dỡ tàu biển tại Việt Nam. Thời gian qua, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã phối hợp với Bộ TN&MT, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị định số 114/2014/NĐ-CP. Trong đó, Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 37/2015/TT-BGTVT quy định về thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ tại Việt Nam; ban hành Quyết định số 4711/QĐ-BGTVT phê duyệt Quy hoạch chi tiết cơ sở phá dỡ tàu giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án phá dỡ tàu biển, qua đó chọn được 4 đơn vị (Công ty TNHH MTV đóng tàu Phà Rừng, Công ty TNHH MTV đóng tàu

Bạch Đằng, Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu, Công ty TNHH MTV đóng tàu Bến Thủy) có thể đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và công nghệ, nguồn nhân lực theo quy định liên quan đến hoạt động phá dỡ tàu biển.

Tuy nhiên, quá trình triển khai gặp một số khó khăn, vướng mắc nên đến nay chưa có doanh nghiệp, cơ sở phá dỡ tàu biển nào được công bố, cấp phép để thực hiện nhập khẩu, phá dỡ tàu biển theo quy định của Nghị định số 114/2014/NĐ-CP.

Trong quá trình thực thi Nghị định số 114/2014/NĐ-CP, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật có điều khoản bãi bỏ, sửa đổi nhiều quy định liên quan đến đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển

đã qua sử dụng, như: Luật số 35/2018/QH14 năm 2018 bãi bỏ quy định về quy hoạch cơ sở phá dỡ tàu biển và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở phá dỡ tàu biển; Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi quy định về doanh nghiệp phá dỡ tàu biển và quy định về điều kiện đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động tại khoản 1 Điều 7 và Điều 12 của Nghị định số 114/2014/NĐ-CP; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP quy định chi tiết tại Chương V các điều kiện, yêu cầu về BVMT đối với hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thủ tục, thời điểm xác nhận hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT, trong đó có sửa đổi quy định về BVMT đối với cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.

Bên cạnh đó, việc quy định thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ tại Thông tư số 37/2015/TT-BGTVT ngày 28/7/2015 là chưa phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Theo quy định của Nghị định số 114/2014/NĐ-CP, để đưa vào hoạt động, cơ sở



▲ Trục vớt tàu biển tại Quy Nhơn, Bình Định



phá dỡ phải có Giấy xác nhận các công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành; Giấy đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Giấy phép xả thải vào nguồn nước; Giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường. Nhưng theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Nghị định số 19/2015/NĐ-CP thì cơ sở phá dỡ phải vận hành một khoảng thời gian nhất định (từ 6 - 12 tháng) mới đáp ứng yêu cầu để hoàn thành các thủ tục về môi trường và được cấp các giấy tờ pháp lý nêu trên.

Qua rà soát cần sửa đổi, bổ sung nội dung 19/22 Điều của Nghị định số 114/2014/NĐ-CP (chiếm khoảng 86%) và bổ sung 1 Điều mới. Như vậy, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 114/2014/NĐ-CP và Điều 4 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP là cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu hiện nay nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các Bộ/ngành thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao.

Dự thảo Nghị định được biên soạn trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 114/2014/NĐ-CP; phù hợp với thực tiễn phá dỡ tàu biển theo Công ước quốc tế Hồng Công về tái chế tàu biển năm 2009. Theo đó, việc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Việc phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng chỉ được thực hiện tại cơ sở phá dỡ tàu biển đã được phép hoạt động theo quy định. Tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ không được hoàn cải, nâng cấp, chuyển đổi mục đích sử dụng và không được chuyển nhượng, mua, bán lại; Tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ không trong tình trạng thể chấp hoặc khiếu nại hàng hải. Doanh nghiệp nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng phải mua bảo hiểm và thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường liên quan đến hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Vận dụng quy định của các điều ước quốc tế liên quan phù hợp với nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật Việt Nam.

NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Chương I (Quy định chung), gồm 5 Điều (từ Điều 1 - 5): Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Nguyên tắc nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Quy định phá dỡ tàu biển Việt Nam, tàu biển

nước ngoài bị chìm đắm tại Việt Nam.

Chương II (Nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ) gồm 8 Điều (từ Điều 6 - 13): Điều kiện của doanh nghiệp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ; Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ; Thủ tục thu hồi Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ. Trong đó, bổ sung vào dự thảo Nghị định các nội dung về thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo quy định của Thông tư số 37/2015/TT-BGTVT ngày 28/7/2015 của Bộ GTVT quy định thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (Bộ GTVT quy định chi tiết theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 114/2014/NĐ-CP).

Từ Điều 10 - 13: Các loại tàu biển đã qua sử dụng được phép nhập khẩu để phá dỡ; Trình tự thực hiện việc mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ; Thẩm quyền phê duyệt chủ trương, quyết định mua tàu biển nước ngoài đã qua sử dụng để phá dỡ; Thủ tục nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.

Chương III (Hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển), gồm 7 Điều (từ Điều 14 - 20): Điều kiện đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Thẩm quyền quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Thủ tục quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Thủ tục cấp lại quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt

động; Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển; Nội dung phương án phá dỡ tàu biển; Trách nhiệm thực hiện phương án phá dỡ tàu biển.

Trong đó, đề nghị bãi bỏ Điều 18 của Nghị định số 114/2014/NĐ-CP quy định về thủ tục phê duyệt kế hoạch phá dỡ tàu biển để thực hiện được việc cắt giảm thủ tục hành chính và triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, quy định để chuyển cho doanh nghiệp tự phê duyệt và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, giám sát; sửa đổi, bổ sung, cắt giảm thủ tục hành chính cho phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch (bãi bỏ Điều 44, Điều 46 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hàng hải Việt Nam).

Chương IV (Điều khoản thi hành) gồm 3 Điều (từ Điều 21 - 23): Hiệu lực thi hành; Trách nhiệm thi hành; Tổ chức thực hiện.

Ngoài ra, Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định bao gồm 6 Mẫu: Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ; Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ; Đơn đề nghị quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Đơn đề nghị cấp lại quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động; Bảng kê danh mục chất nguy hại trên tàu■



Phú Thọ: Đẩy mạnh thực hiện công tác quy hoạch, thu gom và xử lý chất thải rắn

Phú Thọ là một trong những địa phương trên cả nước có tốc độ đô thị hóa nhanh, bên cạnh những lợi ích về kinh tế, địa phương đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường do lượng rác thải rắn, rác thải sinh hoạt phát sinh chưa được thu gom, xử lý triệt để. Trước thực trạng trên, tỉnh đã đẩy mạnh thực hiện công tác quy hoạch quản lý chất thải rắn (CTR), đồng thời đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý rác thải, góp phần cải thiện môi trường trên địa bàn.

THỰC TRẠNG PHÂN LOẠI, THU GOM, XỬ LÝ CTR

Theo Báo cáo của UBND tỉnh Phú Thọ với Đoàn kiểm tra của Bộ TN&MT thực hiện Quyết định số 1330/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2019 về công tác quản lý CTR trên địa bàn, tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 2032/QĐ-UBND về Quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý CTR trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến 2030 (ngày 17/6/2011), sau đó được điều chỉnh tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND (ngày 14/12/2016). Theo điều chỉnh Quy hoạch, đến năm 2030 tỉnh Phú Thọ sẽ xây dựng 2 khu xử lý chất thải tập trung quy mô vùng tại xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh và xã Thọ Văn, huyện Tam Nông (hiện đã dừng đầu tư hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung tại xã Thọ Văn, huyện Tam Nông); Thiết lập 8 trạm trung chuyển CTR tại 7 huyện (Đoan Hùng, Hạ Hòa, Yên Lập, Cẩm Khê (2 trạm), Thanh Sơn, Thanh Thủy và Tân Sơn) để thu gom CTR; Xây dựng 9 điểm xử lý rác thải sinh hoạt tại các huyện (Phù Ninh, Việt Trì, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Yên Lập, Cẩm Khê, Thanh Sơn, Thanh Thủy và Tân Sơn) đến khi khu xử lý tập trung của tỉnh hoàn thành và đi vào hoạt động.

Sau 8 năm thực hiện Quy hoạch, đến nay tỉnh Phú Thọ đã xác định và hình thành mạng lưới thu gom, vận chuyển đảm bảo cự ly vận chuyển hợp lý từ nguồn phát sinh đến nơi xử lý; xác lập được các điểm tập trung CTR, khu liên hợp xử lý CTR, thiết bị xử lý (11 lò đốt, hiện nay còn 7 lò đang hoạt động); cải tạo, nâng cấp Nhà máy xử lý CTR Vân Phú

tại TP. Việt Trì nhằm duy trì xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tỉnh đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải tại Trạm Thán, huyện Phù Ninh và thu hút nhà đầu tư thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, phát điện có công suất 500 tấn/ngày đêm (đã bàn giao mặt bằng, đang trình Bộ Xây dựng thẩm định và Bộ TN&MT thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường). Nhà máy sẽ xử lý, tái sử dụng rác thải như một nguồn tài nguyên để thu hồi năng lượng phát điện, góp phần giảm áp lực thiếu chỗ chôn lấp rác thải hiện nay. Ngoài ra, tỉnh cũng đầu tư xây dựng ô chôn lấp rác thải tro phát sinh tại Nhà máy chế biến phế thải đô thị Việt Trì tại Trạm Thán, huyện Phù Ninh...

Về công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt, hiện lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 700 tấn/ngày, trong đó khu vực đô thị 300 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom đạt 95,5%; khu vực nông thôn khoảng 400 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom khoảng 65 %, với số lượng và thành phần đa dạng. Đối với các đô thị, việc thu gom, vận chuyển do Công ty môi trường đô thị và các ban quản lý công trình công cộng thực hiện (loại hình công ích), phương thức thu gom từ các khu vực xóm, ngõ ra điểm tập kết và sau đó vận chuyển bằng xe chuyên dụng về nơi xử lý. Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển được các đơn vị thu theo đơn giá của tỉnh. Theo đó, rác thải tại TP. Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các thị trấn Phong Châu, Đoan

Hùng, Lâm Thao và Hùng Sơn được thu gom, vận chuyển về Nhà máy chế biến phế thải đô thị Việt Trì xử lý. Tại đây, rác hữu cơ được chế biến thành phân compost theo công nghệ hiếu khí phục vụ cho việc phát triển nông lâm nghiệp; rác thải tái chế được phân loại làm nguyên liệu; rác thải tro được đem chôn lấp; gạch đá, sạn sỏi, thủy tinh xử lý nghiền sàng theo công nghệ hóa rắn, sản phẩm thu hồi là gạch không nung phục vụ cho xây dựng... Đối với khu vực nông thôn, rác thải được thu gom thông qua các hợp tác xã (HTX), tổ dịch vụ vệ sinh môi trường hoặc ban quản lý công trình công cộng. Chất thải được vận chuyển, xử lý bằng các lò đốt, bãi rác tạm hoặc vận chuyển về Nhà máy chế biến phế thải đô thị Việt Trì. Với hình thức xử lý rác thải bằng phương pháp đốt, khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh đã được trang bị 6 lò đốt để xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh đặt tại các xã Vô Tranh (Hạ Hòa), Ngọc Lập (Yên Lập), Hoàng Xá (Thanh Thủy), Phú Lộc (Phù Ninh), Hương Nộn (Tam Nông) và xã Đỗ Sơn (Thanh Ba).

Để phục vụ công tác xử lý CTR, việc đầu tư trang thiết bị cũng được tỉnh quan tâm, hiện nay, 13 huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh đã trang bị được 26 xe ép rác (loại từ 2,5 - 7 tấn); 29 xe ô tô (loại từ 1,5 - 7 tấn); 26 xe công nông; 1.228 xe đẩy tay và các phương tiện thô sơ khác cho 2 Công ty môi trường đô thị, 1 Trung tâm, 7 Ban quản lý công trình công cộng, 29 HTX và 92 tổ, đội vệ



sinh môi trường thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải.

Với những nỗ lực của các ban, ngành trong tỉnh, công tác quản lý, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đã đạt được những kết quả tích cực, tuy nhiên, vẫn còn những vướng mắc như: Do số lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ngày càng tăng và đa dạng chủng loại nên gây khó khăn cho công tác xử lý. Hiện Nhà máy xử lý phế thải đô thị Việt Trì đang hoạt động quá tải, với lượng rác thải phải tiếp nhận hàng ngày 250 - 260 tấn/ngày trong khi công suất thiết kế là 60 tấn/ngày; bãi chôn lấp chất thải trơ của Nhà máy không còn khả năng đáp ứng.

Trong khi đó, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển rác thải chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số khu dân cư mặc dù đã thực hiện công tác phân loại rác thải nhưng việc phân loại tại nguồn chưa triệt để. Bước đầu trên địa bàn tỉnh đã hình thành mạng lưới, tổ dịch vụ vệ sinh môi trường nhưng còn mang tính tự phát, chưa có mô hình thống nhất để giao trách nhiệm trong công tác thu gom, vận chuyển rác thải... Bên cạnh đó, ở một số nơi, sự đồng thuận của người dân chưa cao, còn nặng tâm lý không muốn đặt địa điểm cơ sở xử lý, trạm trung chuyển ở địa phương mình dẫn đến khó khăn trong công tác quy hoạch, lựa chọn vị trí. Ngoài ra, các lò đốt rác thải sinh hoạt tại một số huyện chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với lò đốt chất thải sinh hoạt được quy định tại QCVN 61-MT:2016/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR sinh hoạt) tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh, đặc biệt là mùi và khí thải. Hình thức chôn lấp không hợp vệ sinh đang diễn ra phổ biến trên địa bàn các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, nguồn lực đầu tư phục vụ việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cho khu vực này còn hạn chế.

TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG VỀ CTR

Để tăng cường công tác quản lý CTR trên địa bàn, UBND tỉnh Phú Thọ đã xây dựng “Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020”. Theo đó, mục tiêu của Đề

án nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thu gom xử lý rác thải, cải thiện môi trường; hoàn chỉnh mạng lưới phân loại, thu gom rác thải tại nguồn phù hợp với điều kiện của tỉnh; xây dựng, hoàn chỉnh mạng lưới và tăng cường trang thiết bị cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải cho các khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo hướng giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng rác thải, hạn chế chôn lấp, đảm bảo vệ sinh môi trường. Để án cũng đưa ra mục tiêu cụ thể đối với giai đoạn 2019 - 2020, duy trì công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại 313 khu dân cư ở đô thị và 854 khu dân cư tập trung ở nông thôn...

Nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách và thực hiện mục tiêu trên, tỉnh đã đề ra một số giải pháp, như:

Thứ nhất, rà soát, điều chỉnh quy hoạch các điểm tập trung CTR sinh hoạt trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã; lồng ghép với kế hoạch xây dựng nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với thực tế ở từng địa phương. Phấn đấu sớm hoàn thành xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, phát điện (giai đoạn I) tại xã Trạm Thản để xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trong toàn tỉnh.

Thứ hai, phát huy vai trò trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân trong công tác xã hội hóa về BVMT. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thu gom, vận chuyển thông qua việc thành lập các tổ, đội vệ sinh trên địa bàn các xã, thị trấn kết hợp với việc hướng dẫn người dân thực hiện tốt công tác phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn.

Đẩy mạnh công tác đôn đốc, kiểm tra hiệu quả việc triển khai thực hiện các mô hình thu gom, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn, kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để nhân rộng.

Thứ ba, tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn về đầu tư cho công tác BVMT và thu gom rác thải; Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các lực lượng xã hội tham gia vào lĩnh vực xử lý rác thải; Đổi mới công tác vận động xúc tiến đầu tư cho công tác xử lý CTR; Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực quản lý CTR ngay từ bước lập quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị phân loại, thu gom, vận chuyển CTR; Tìm kiếm các đối tác nước ngoài trong việc xây dựng một số nhà máy tái chế chất thải thành điện theo phương thức BOT hoặc hình thức 100% vốn nước ngoài.

Thứ tư, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật về công nghệ xử lý rác thải; Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các lực lượng xã hội tham gia vào lĩnh vực xử lý rác thải; Tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác vận động xúc tiến đầu tư cho công tác xử lý CTR; Xây dựng kế hoạch và ưu tiên phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách, nguồn vay dài hạn với lãi suất ưu đãi, vốn ODA và các nguồn vốn khác để đầu tư cho công tác thu gom, xử lý CTR tại địa phương.

Thứ năm, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTR; nâng cao trách nhiệm của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp và hộ gia đình trong công tác BVMT■

N. TRANG - C. LOAN



VĂN BẢN MỚI

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BVMT TRONG SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Ngày 5/7/2019, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT trong sản xuất, lắp ráp ô tô. Theo đó, đối tượng áp dụng của Thông tư là các cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu linh kiện ô tô và các tổ chức, cơ quan liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thử nghiệm ô tô, linh kiện ô tô.

Thông tư quy định, hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT kiểu loại sản phẩm, bao gồm: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm; Bản thông tin về linh kiện có các thông số kỹ thuật của sản phẩm kèm theo ảnh chụp tổng thể sản phẩm; Bản sao báo cáo kết quả thử nghiệm linh kiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCKTQG) tương ứng tại Việt Nam...; Bản sao báo cáo kết quả thử nghiệm

về chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT theo các quy định, tiêu chuẩn, QCKTQG hiện hành đối với ô tô tại Việt Nam...

Về trình tự cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT kiểu loại sản phẩm: Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu linh kiện (doanh nghiệp) lập 1 bộ hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm (hồ sơ đăng ký chứng nhận); Cơ quan quản lý chất lượng (QLCL) tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với các hình thức nộp khác, hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ...■

ĐỀ ÁN XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TP. HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

Ngày 8/8/2019, UBND TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 7367/KH-STNMT-CCBVM về triển khai thực hiện Đề án xử lý chất thải y tế (CTYT) nguy hại TP. Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Đề án nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ được UBND TP. Hà Nội giao Sở TN&MT tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 20/3/2019, để triển khai thực hiện Đề án; Phân công rõ trách nhiệm cụ thể và cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, đơn vị thuộc Sở trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện Đề án; Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Đề án đối với các nội dung giao Sở TN&MT, báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu.

Nội dung thực hiện Đề án, bao gồm: Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTYT; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường đối với các cơ sở y tế trên địa bàn TP; Tăng cường năng lực quản lý, quan trắc, giám sát các hoạt động BVMT và đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại nhằm kiểm soát ô nhiễm, từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở y tế; Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý CTYT tại các cơ sở y tế...■

KẾ HOẠCH HƯỞNG ỨNG PHONG TRÀO “CHỐNG RÁC THẢI NHỰA” TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2019 - 2021

UBNĐ TP. Hồ Chí Minh vừa ban hành Kế hoạch hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn TP giai đoạn 2019 - 2021. Phong trào nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi, cắt giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái.

Theo đó, các cơ quan, đơn vị sẽ tổ chức phát động phong trào “Chống rác thải nhựa”, “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”, hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy; tập trung kiểm soát ô nhiễm môi trường về rác thải nhựa; đẩy mạnh việc tổ chức thu gom, tái chế

chất thải nhựa, túi ni lông trên địa bàn TP; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất túi ni lông khó phân hủy, túi ni lông tự phân hủy sinh học và túi ni lông thân thiện với môi trường trên địa bàn TP về chấp hành thực hiện thuế BVMT, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp...

Ngoài ra, UBND TP yêu cầu từ ngày 1/8/2019 trở đi, các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn TP có kế hoạch cắt giảm sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động khác của cơ quan, đơn vị...■



DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC KHU VỰC PHÍA BẮC

TS. TRẦN THỊ MINH HƯƠNG

ThS. NGUYỄN HỮU THẮNG

Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc

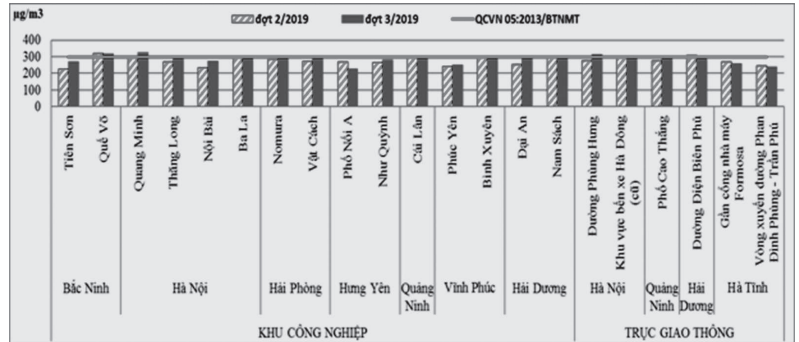
Tổng cục Môi trường

Theo Quyết định số 2387/QĐ-TCMT ngày 28/12/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc đã triển khai Chương trình Quan trắc quốc gia đối với môi trường không khí và nước trên phạm vi các tỉnh miền Bắc, theo đó thực hiện quan trắc môi trường không khí tại 31 điểm thuộc địa bàn các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và một số điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí ở khu đô thị, khu công nghiệp (KCN)... thuộc địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quan trắc môi trường nước trên 5 lưu vực sông (LVS): Cầu, Nhuệ - Đáy, Mã - Chu, Hồng - Thái Bình và Lam - La. Chất lượng môi trường nước được đánh giá dựa theo chỉ số chất lượng nước (WQI) do Tổng cục Môi trường xây dựng và ban hành. Chỉ số WQI được tính từ một số thông số quan trắc chất lượng nước đặc trưng (bao gồm: Nhiệt độ, pH, độ đục, DO, COD, BOD₅, N-NH₄ và TSS), chất lượng môi trường không khí được đánh giá, đối chiếu với QCVN 05:2013/BTNMT (TB 01h). Sau đây là diễn biến chất lượng môi trường không khí và nước được sử dụng từ kết quả quan trắc đợt 3/2019 (tháng 6/2019), so sánh với đợt 2/2019 (tháng 5/2019).

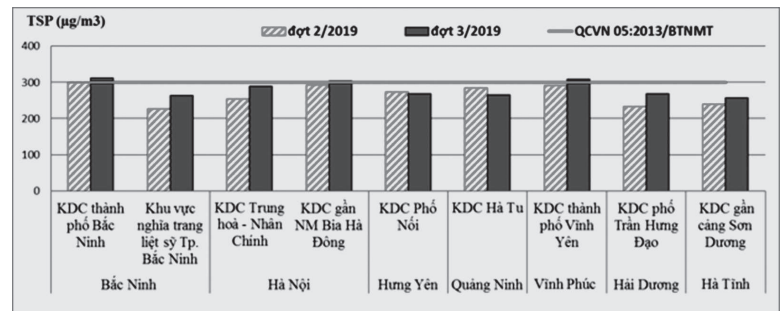
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ ĐỢT 3/2019

Kết quả quan trắc môi trường không khí đợt 3/2019 cho thấy, môi trường không khí các tỉnh miền Bắc tiếp tục bị ô nhiễm tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn tại các trục giao thông lớn và KCN. Các thông số khác PM₁₀, NO₂, CO, SO₂, Pb nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1h).

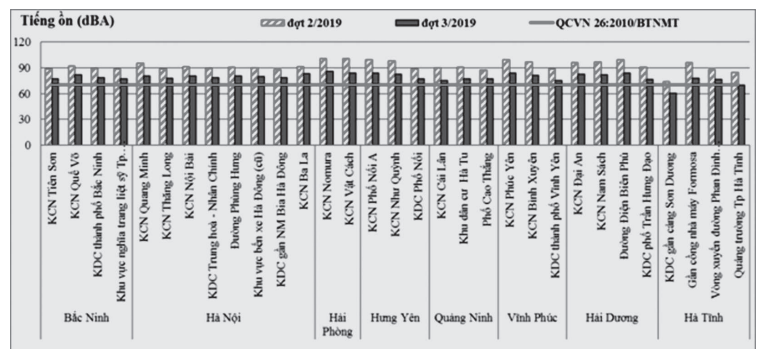
Mức độ ô nhiễm bụi biểu hiện rõ nhất tại các trục giao thông và KCN, tăng nhẹ ở phần lớn các KCN ở Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc so với đợt 2/2019. Giá trị TSP trung bình lớn nhất là 324µg/m³ tại KCN Quang Minh - Hà Nội, vượt QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1h). Đây là điểm quan trắc gần cổng KCN, đường lớn, đông xe cộ, nơi



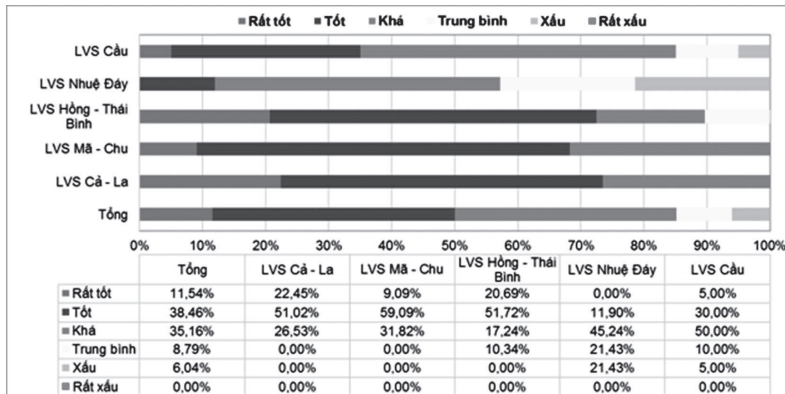
▲ Biểu đồ 1. Giá trị TSP tại KCN và trục giao thông đợt 3/2019



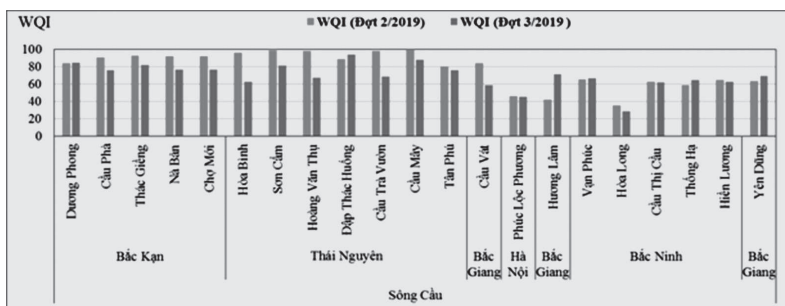
▲ Biểu đồ 2. Giá trị TSP tại các khu dân cư đợt 3/2019



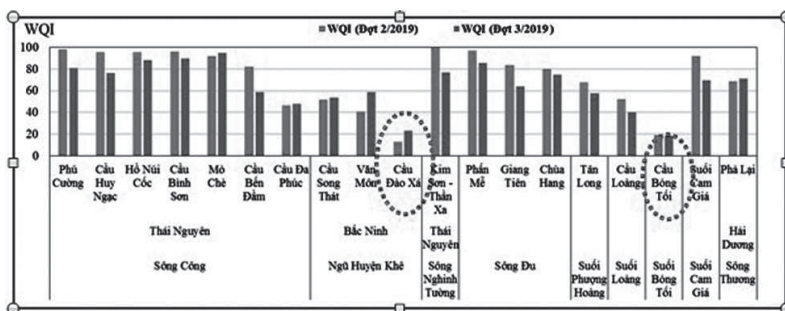
▲ Biểu đồ 3. Giá trị tiếng ồn các tỉnh miền Bắc đợt 3 năm 2019



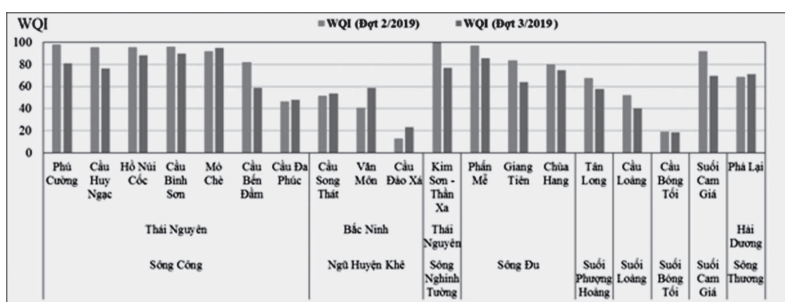
▲ Biểu đồ 4. Chất lượng môi trường nước theo chỉ số WQI trên các LVS phía Bắc đợt 3/2019



▲ Biểu đồ 5. Diễn biến chất lượng môi trường nước trên sông Cầu đợt 3/2019



▲ Biểu đồ 6. Diễn biến chất lượng môi trường nước trên sông Công và các sông khác đợt 3/2019



▲ Biểu đồ 7. Diễn biến chất lượng nước trên các sông nội thành Hà Nội đợt 3/2019

mật độ phương tiện giao thông lớn.

Tại khu dân cư mức độ ô nhiễm bụi thấp hơn so với các trục giao thông và các KCN, có 3/9 điểm quan trắc có giá trị vượt giới hạn quy định theo QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1h), đây là các dân cư nằm gần trục giao thông (TP. Bắc Ninh, gần nhà máy bia Hà Đông và KDC TP. Vĩnh Yên), nồng độ bụi có tăng nhẹ so với đợt 2/2019.

Ô nhiễm tiếng ồn tập trung tại các điểm quan trắc trên tuyến giao thông lớn và điểm gần KCN, đặc biệt vào các giờ cao điểm, mức ồn giao động trong khoảng 70 – 86 dBA, đã chạm và vượt ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

CHẤT LƯỢNG NƯỚC CÁC LVS ĐỢT 3/2019

Kết quả tính toán giá trị WQI cho thấy, trong số 5 LVS thực hiện quan trắc khu vực phía Bắc, LVS Lam - La và Mã - Chu có chất lượng môi trường nước sông đạt mức tốt khá cao, nước sông sử dụng được cho mục đích nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt và các mục đích tương đương khác. LVS Nhuệ - Đáy và LVS Cầu vẫn là các LVS có giá trị WQI ở mức xấu (WQI:10-25).

Lưu vực sông Cầu

Chất lượng nước trên dòng chính sông Cầu giảm dần ở khu vực hạ lưu (từ Cầu Vát đến Yên Dũng), giá trị WQI: 29-75, nước sông sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu và các mục đích tương đương khác do ảnh hưởng của hoạt động dân sinh (hoạt động đò thuyền tại điểm Phúc Lộc Phương, khai thác cát sỏi ở Hương Lâm) và do tiếp nhận nước ô nhiễm từ sông Ngũ Huyện Khê (điểm Hòa Long).

Trên các phụ lưu sông Cầu: Hạ lưu sông Công (khu vực Cầu Đa Phúc), sông Ngũ Huyện Khê, suối Loàng và suối Bóng Tối chất lượng môi trường nước sông ở mức trung bình và ít biến động so với thời điểm quan trắc đợt 2/2019. Giá trị WQI dao động từ 26-50, nước sông chỉ có thể sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác, thậm chí tại một số điểm giá trị WQI khá thấp, điểm cầu Đào Xá (WQI=23), suối Bóng Tối (WQI=18), nước sông bị ô nhiễm nặng cần các biện pháp xử lý trong tương lai.



Lưu vực sông Nhuệ - Đáy

Môi trường nước trên LVS Nhuệ - Đáy tiếp tục bị ô nhiễm tại nhiều khu vực đi qua khu dân cư, làng nghề, cơ sở sản xuất công nghiệp. Các sông nội thành vẫn đang bị ô nhiễm và chưa có dấu hiệu được cải thiện so với đợt 2/2019.

Trên dòng chính sông Nhuệ, chất lượng môi trường nước sông ở mức trung bình (WQI:25-50) và giảm so với thời điểm quan trắc đợt 2/2019, thậm chí tại đoạn sông Nhuệ qua TP. Hà Nội (từ điểm Cầu Tổ đến Cự Đà) chất lượng nước sông ở mức xấu, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai (WQI: 10-25).

Trên sông Đáy, nước sông có thể sử dụng cho mục đích tưới tiêu, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác (WQI:50 - 83) và ít biến động so với đợt 2/2019.

Sông Hoàng Long, Châu Giang và sông Đào, môi trường nước sông khá tốt, nước sông sử dụng được cho mục đích cấp nước sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu và các mục đích tương đương khác (WQI: 50-79).

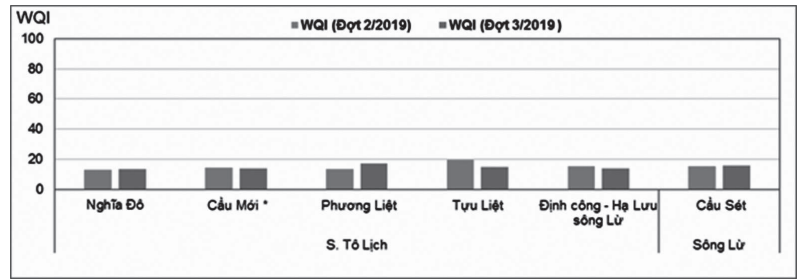
Lưu vực sông Hồng - Thái Bình

Kết quả quan trắc đợt 3/2019 trên LVS Hồng - Thái Bình khá tốt, tuy nhiên cục bộ tại một số đoạn sông như đoạn cầu Phú Lu (Lào Cai); đoạn từ Quy Mông đến cầu Yên Bái (Yên Bái) chất lượng môi trường nước sông giảm so với đợt 2/2019, nước sông chỉ có thể sử dụng được cho mục đích giao thông thủy và các mục đích tương đương khác (WQI: 26-50). Nguyên nhân do ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt TP. Lào Cai và hoạt động khai thác cát sỏi tại Yên Bái.

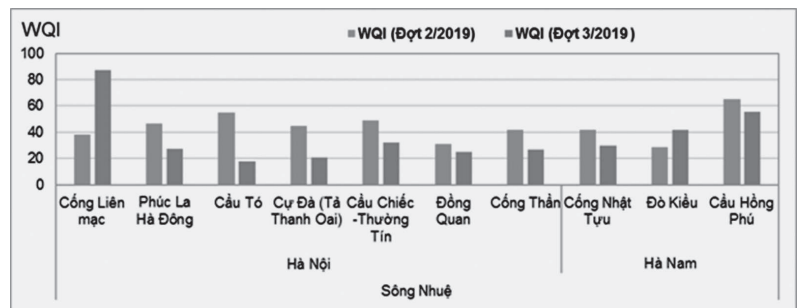
Trên sông Đà, Lô, Thái Bình chất lượng môi trường nước sông vẫn duy trì



▲ Quan trắc môi trường không khí ở khu dân cư TP. Hưng Yên



▲ Biểu đồ 8. Diễn biến chất lượng môi trường nước trên sông Nhuệ đợt 3/2019



▲ Biểu đồ 9. Diễn biến chất lượng môi trường nước trên sông Hồng đợt 3/2019

trạng thái sạch và chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Chất lượng nước Lưu vực sông Mã - Chu

Chất lượng nước LVS Mã - Chu thời điểm quan trắc đợt 3/2019 khá tốt, nước sông sử dụng được cho mục đích cấp nước sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu và các mục đích tương đương khác, giá trị WQI >76.

Các phụ lưu: sông Chu và sông Bưởi, chất lượng nước sông tốt hơn dòng chính sông Mã, nước sông sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt.

Lưu vực sông Lam - La và các sông phụ lưu

Chất lượng môi trường nước LVS Lam - La và các sông phụ lưu chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, giá trị WQI nằm trong khoảng 76 - 93, phản ánh nước sông có thể sử dụng được cho mục đích tưới tiêu, nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt.

Như vậy, môi trường không khí bị ô nhiễm bởi TSP, tiếng ồn và gia tăng so với đợt 2/2019. Giá trị TSP tăng cao tập trung tại các trục giao thông, khu nội đô của Hà Nội và Quảng Ninh. Các thông số khác (CO, NO₂, SO₂ và Pb) đều nằm trong giới hạn quy định theo QCVN 05 - MT:2013/BTNMT.

Môi trường nước trên các LVS (Hồng - Thái Bình, Mã - Chu và Lam - La) duy trì ở mức tốt đến rất tốt, nước sông có thể dùng được cho mục đích cấp nước sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu và các mục đích tương đương khác. Trong đó, LVS Nhuệ - Đáy, Cầu vẫn là các LVS có giá trị WQI ở mức xấu và trung bình cao, chưa có dấu hiệu được cải thiện so với đợt 2/2019, đặc biệt tại đoạn sông Tô Lịch, Sét, Lừ chảy qua TP. Hà Nội trên LVS Nhuệ - Đáy; sông Ngũ Huyện Khê và khu vực suối Loàng, cầu Bổng Tỏi trên LVS Cầu■



Đẩy mạnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong công tác bảo vệ môi trường

ThS. NGUYỄN XUÂN THỦY

Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường
Tổng cục Môi trường

Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 với xu hướng phát triển dựa trên nền tảng tích hợp cao độ của hệ thống kết nối số hóa, vật lý, sinh học và sự đột phá của internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới. Làn sóng công nghệ mới này đang diễn ra với tốc độ khác nhau tại các quốc gia trên thế giới, tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, dẫn đến việc thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất của xã hội.

Hiện nay, Việt Nam đang ở trong giai đoạn đầu của cuộc CMCN 4.0. Cuộc CMCN 4.0 đã tác động tích cực tới lĩnh vực môi trường nhờ các công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu và thân thiện với môi trường. Ngoài ra, công nghệ thông tin (CNTT), kỹ thuật số cũng mang hiệu quả cao cho công tác quản lý, điều hành và tác nghiệp trong lĩnh vực môi trường. Các công nghệ giám sát môi trường đang phát triển nhanh với sự hỗ trợ bởi internet kết nối vạn vật, giúp thu thập và xử lý thông tin liên tục 24/7 theo thời gian thực.

THỰC TRẠNG MỘT SỐ ỨNG DỤNG CNTT TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Trong thời gian qua, thực hiện chiến lược của ngành TN&MT, Tổng cục Môi trường (TCMT) đã xây dựng tổ chức hệ thống ngành từ Trung ương đến địa phương để thống nhất quản lý và đẩy mạnh thực hiện Chiến lược ứng dụng CNTT trong ngành TN&MT với các nhiệm vụ chính: Thực hiện chiến lược, xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL), tin học hóa phục vụ cải cách hành chính; có tầm nhìn và cách tiếp cận hệ thống trong công tác ứng dụng CNTT, đánh giá đúng vai trò của CNTT; xây dựng, xác định rõ các định hướng và bước đi cụ thể trong ứng dụng CNTT; tham mưu cho lãnh đạo các cấp về sự cần thiết, cũng như triển vọng và lợi ích của ứng dụng CNTT, kiện toàn bộ máy quản lý chuyên trách về CNTT các cấp nhằm tạo nền tảng cho ứng dụng CNTT của ngành trong thời gian tới.

Năm 2012, Cổng Thông tin điện tử của TCMT (VEA Portal) được công nhận đứng thứ 3 châu Á, giải thưởng Chính phủ điện tử xanh; Năm 2013, TCMT đứng thứ 2, cơ quan cấp Tổng cục ứng dụng CNTT hiệu quả; Năm 2017, TCMT được xếp hạng là đơn vị đứng đầu về ứng dụng CNTT trong ngành TN&MT. Việc ứng dụng CNTT tại TCMT được đẩy mạnh nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo TCMT và Lãnh đạo các cấp với mong muốn thúc đẩy ứng dụng CNTT vào mọi hoạt động của TCMT và là phương tiện quan trọng đối với các hoạt động quản lý, điều hành và tác nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi và tiên quyết trong ứng dụng CNTT hiệu quả tại một đơn vị. Mặt khác, TCMT đã nhận được sự hỗ trợ về tài chính, cơ sở hạ tầng, cũng như đào tạo, chuyển giao CNTT của nước ngoài, như: Dự án CSDL đa dạng sinh học quốc gia (NDBS) góp phần tích cực cho công tác quản lý nhà nước và triển khai các văn bản pháp luật về đa dạng sinh học ở Việt Nam, đồng thời là cơ sở giúp cho việc thực hiện tốt hơn các thỏa thuận quốc tế; Xây dựng và đưa hệ thống E-manifest vào sử dụng như một công cụ quản lý chính thống trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chất thải nguy hại và là bước tiến quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính và áp dụng công nghệ thông tin

trong công tác quản lý.

Bộ TN&MT nói chung và Tổng cục Môi trường nói riêng đã và đang đẩy mạnh việc hoàn thành việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền. Đến hết quý I/2018, Bộ TN&MT đã hoàn thành và đưa vào triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) cho 82 thủ tục hành chính (TTHC), trong đó có 67 DVC mức độ 3, 15 DVC mức độ 4. Ngoài ra, Bộ đã hoàn thành triển khai đối với 11 TTHC dưới hình thức DVCTT mức độ 4 và kết nối với Cổng thông tin Một cửa quốc gia.

Tính đến tháng 7/2018, VEA Portal đã đạt khoảng 62 triệu lượt truy cập khai thác sử dụng; Tổng cục đã xây dựng và duy trì hệ thống thông tin môi trường đầu mạng phục vụ mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia; đẩy mạnh việc chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường trong mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia và địa phương. Hệ thống Thư điện tử của Tổng cục (Mail.vea.gov.vn) đã có hơn 600 tài khoản sử dụng, trong đó có khoảng 300 tài khoản thường xuyên sử dụng. Bên cạnh đó, TCMT đã triển khai Chương trình phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng.

Công nghệ viễn thám kết hợp với GIS cũng được đẩy mạnh ứng dụng vào công tác quản lý và BVMT như: Đánh



giá tác động môi trường để giám sát và dự báo sự cố môi trường về lũ lụt, trượt đất, sự cố địa chấn, đánh giá và quản lý rủi ro vùng biển, kiểm soát ô nhiễm không khí, giám sát sự phân bố và định lượng chất gây ô nhiễm nước.

Như vậy, có thể nói việc nâng cao nhận thức về ứng dụng và đào tạo nguồn nhân lực CNTT để đáp ứng nhu cầu phát triển của TCMT là việc làm có tính chất then chốt, quyết định trực tiếp đến kết quả của việc ứng dụng CNTT một cách có hiệu quả. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm qua, TCMT đã có những cơ chế, chính sách cụ thể trong việc ứng dụng CNTT như thường xuyên mở các khóa đào tạo ứng dụng về CNTT phục vụ quản lý và nghiệp vụ chuyên môn. Từ làm việc bàn giấy đến nay trên 90% cán bộ, công nhân viên chức trong TCMT đã có thể sử dụng máy vi tính thành thạo trong công việc như soạn thảo văn bản, tìm kiếm thông tin trên mạng internet, gửi và nhận thông tin qua hệ thống thư điện tử...

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như việc triển khai chưa đồng bộ, chồng chéo, trùng lặp, sự phối hợp giữa các đơn vị còn hạn chế; Hạ tầng CNTT chưa ổn định và nguồn nhân lực còn thiếu; Chưa xây dựng các chuẩn về cơ sở hạ tầng, chuẩn dữ liệu chuyên ngành các ứng dụng CNTT chính thức làm cơ sở áp dụng trong toàn ngành.

MỤC TIÊU CMCN 4.0 TRONG CÔNG TÁC BVMT

Quyết định số 192/2017/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025 đã đề ra mục tiêu: Phát triển các công nghệ xử lý, tái chế chất thải, phân tích, quan trắc, giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường; công nghệ sử dụng bền vững tài nguyên và phục hồi môi trường phù hợp với điều kiện của Việt Nam và xu hướng của thế giới; đẩy mạnh ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ.

Phát triển sản xuất thiết bị và sản phẩm đáp ứng cơ bản nhu cầu BVMT trong nước, từng bước tiến tới xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế và năng lực cạnh tranh; năng lực sản xuất trong nước đáp ứng khoảng 70 - 80% nhu cầu thiết bị xử lý nước cấp và nước thải, 60 - 70% nhu cầu

thiết bị xử lý và tái chế chất thải rắn, 70 - 80% nhu cầu thiết bị xử lý khí thải, khoảng 50 - 60% nhu cầu thiết bị thu gom, vận chuyển và phân loại chất thải, 40 - 50% nhu cầu thiết bị quan trắc môi trường; 60 - 70% nhu cầu sản phẩm BVMT; 40 - 50% thiết bị sản xuất năng lượng tái tạo; 60 - 70% thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả; 20 - 30% thiết bị, phương tiện sử dụng năng lượng tái tạo; xuất khẩu được 20 - 30% các sản phẩm của ngành công nghiệp môi trường.

Hoàn thành kiến trúc Chính phủ điện tử, tăng cường ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ điện tử phục công tác quản lý, điều hành tác nghiệp trong quản lý môi trường, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, rút ngắn các quy trình thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về môi trường đồng bộ, thống nhất kết nối giữa trung ương và địa phương, đảm bảo khai thác hiệu quả, phục vụ yêu cầu quản lý, nghiên cứu trong công tác BVMT.

ĐẨY MẠNH CUỘC CMCN 4.0 TRONG CÔNG TÁC BVMT

Ứng dụng CNTT, chuyển đổi công nghệ số BVMT: CNTT là yếu tố quan trọng triển khai CMCN 4.0 nói chung và ngành TN&MT nói riêng. Để đảm bảo điều kiện triển khai, cần hình thành, hoàn thiện và vận hành hạ tầng cơ bản của ngành TN&MT, tuân thủ kiến trúc Chính phủ điện tử ngành, bảo đảm an toàn thông tin gồm: hạ tầng kỹ thuật công nghệ; hạ tầng dữ liệu; hạ tầng

tri thức. CSDL đóng vai trò trung tâm, là tiền đề, điều kiện cần và đủ để đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội phục vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên, BVMT, thích ứng với BĐKH, phát triển bền vững đất nước.

Ứng dụng công nghệ trong giám sát các hoạt động môi trường: Công nghệ 4.0 tập trung chủ yếu phát triển công nghệ điện tử, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo, với sự hỗ trợ của internet kết nối vạn vật, việc thu thập thông tin, xử lý thông tin một cách chính xác, nhanh chóng và hiện đại. Có thể ứng dụng các sản phẩm của công nghệ 4.0 trong các lĩnh vực như quan trắc tự động môi trường ở các điểm xả thải, đo tự động mức độ ô nhiễm đối với các yếu tố môi trường như nước thải, không khí, áp dụng trong dự báo cảnh báo khí tượng thủy văn kết nối mặt đất với vệ tinh..., từ đó có hệ thống dữ liệu rất tốt và chính xác để phục vụ công tác quản lý.

Sử dụng và phát triển các nguồn năng lượng sạch thay thế các nguồn tài nguyên hóa thạch: CMCN 4.0 đem lại các công nghệ để phát triển nguồn năng lượng sạch (năng lượng tái tạo) để thay thế nguồn năng lượng hóa thạch gây ô nhiễm môi trường. Việt Nam với đường bờ biển dài 3.260 km, có tổng bức xạ năng lượng mặt trời khoảng 5kW/h/m²/ngày ở các tỉnh miền Trung và miền Nam, khoảng 4kW/h/m²/ngày ở các tỉnh miền Bắc với trị số tổng xạ khá lớn từ 100-175 kcal/cm².năm, năng lượng gió ước tính khoảng 500-1000 kWh/m²/năm. Năng lượng mặt trời được xác định là một trong các nguồn năng lượng dồi dào tại Việt Nam, việc khai thác và



tận dụng có hiệu quả công nghệ của cuộc CMCN 4.0 sẽ mang lại nguồn năng lượng thân thiện với môi trường này.

Sử dụng công nghệ sạch, BVMT, thúc đẩy công nghệ các sản phẩm thân thiện với môi trường: Việc ứng dụng công nghệ thông minh của CMCN 4.0 làm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ, giảm tiêu hao nhiên liệu, chi phí sản xuất. CMCN 4.0 đem lại nhiều công nghệ sạch, được các doanh nghiệp sử dụng để cải thiện môi trường.

Ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng và đa dạng sinh học: Với công nghệ 4.0 thực chất là sự kết nối giữa không gian thực và không gian số, tận dụng kết hợp với công nghệ không gian vũ trụ, vệ tinh để giám sát mặt đất, nhất là các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ứng dụng ảnh chụp vệ tinh, kết hợp hệ thống thông tin địa lý (GIS) và số hóa nắm bắt chính xác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, từ đó sẽ có biện pháp quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và BVMT.

Ứng dụng công nghệ 4.0 để phát triển xanh trong chuyển đổi mô hình kinh tế từ “nâu” sang “xanh”: Công nghệ 4.0 phải được ứng dụng trong giảm tiêu thụ năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, tận dụng chất thải công nghiệp và sinh hoạt trong kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải bằng không. Đẩy mạnh phát triển công nghệ sinh học trong khôi phục, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

Với mục tiêu là quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó BĐKH; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Bộ TN&MT đã xác định, việc nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ trong giai đoạn CMCN 4.0 được ưu tiên là những công nghệ về quan trắc môi trường, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước; những công nghệ sản xuất giảm thiểu ô nhiễm, giảm chất thải... được đặc biệt ưu tiên.

Do đó, một số nội dung trọng tâm về ứng dụng CMCN 4.0 trong công tác quản lý, BVMT thời gian tới của Tổng cục Môi trường là: Ứng dụng công nghệ 4.0 để giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường; Thực hiện số hóa CSDL về môi trường phục vụ công tác quản lý; tiếp tục chỉ đạo, điều hành thông qua hệ thống Chính phủ điện tử, tiến tới thực hiện giải quyết công việc không giấy; Thúc đẩy phát triển, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường trong các dự án đầu tư mới, trong các dự án xử lý chất thải, BVMT; Phát triển các công nghệ ít phát thải, các sản phẩm thân thiện với môi trường, năng lượng tái tạo■

BẮC NINH: CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT PHẢI CÀI ĐỊNH VỊ GPS

Vừa qua, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh đã có công văn yêu cầu các phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt chuyên dụng phải cài đặt định vị GPS. Theo đó, các huyện, thị xã, thành phố phải chỉ đạo các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thực hiện kết nối dữ liệu của đường truyền tín hiệu thiết bị định vị GPS trên các phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt chuyên dụng và hình ảnh từ camera tại trạm cân, đồng hồ hiển thị cân tại các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt về bộ phận chức năng của địa phương kể từ ngày 1/8/2019. Đồng thời, các đơn vị cần cải tạo, lắp đặt bổ sung các thùng chứa nước rỉ rác trên các phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt đảm bảo không rò rỉ nước rỉ rác ra ngoài môi trường trong quá trình vận chuyển; Phân công cán bộ theo dõi, giám sát và tổ chức nghiệm thu, quyết toán đảm bảo minh bạch, đúng quy định của pháp luật; báo cáo UBND tỉnh và Sở TN&MT trước ngày 15 hàng tháng. Các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải không tổ chức nghiệm thu khối lượng và thanh quyết toán đối với các trường hợp: Xe vận chuyển rác không lắp đặt hoặc có lắp đặt thiết bị định vị GPS nhưng không truyền tải về được trung tâm giám sát tại Sở TN&MT; trạm cân tại các khu xử lý không truyền tín hiệu về Sở TN&MT hàng ngày.

Để thực hiện tốt hoạt động này, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh giao Sở TN&MT sử dụng thiết bị hiển thị và đường truyền tín hiệu đã có, quản lý, theo dõi các thông số kỹ thuật của lò đốt, chất lượng khí thải và công tác bảo vệ môi trường chung của các nhà máy theo quy định của pháp luật, kịp thời chấn chỉnh và xử lý các hành vi vi phạm. Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Sở TN&MT, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát công tác vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn; rà soát toàn bộ phương tiện thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, xử lý nghiêm ở mức độ cao nhất các trường hợp phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt vi phạm khi tham gia giao thông và làm rơi vãi rác thải, nước rỉ rác ra đường■



BẢO TỒN HỔ TẠI VIỆT NAM

Lựa chọn giữa bảo tồn nguyên vị và chuyển vị

Quần thể hổ tại Việt Nam đang ngày càng suy giảm nghiêm trọng, từ khoảng 400 cá thể vào những năm 1970 xuống còn khoảng dưới 5 cá thể hổ ngoài tự nhiên vào năm 2015. Kể từ năm 2009, không có ghi nhận thực tế nào (ảnh chụp, mẫu vật) về hổ hoang dã tại Việt Nam. Hổ Việt Nam hiện đang nằm chấp chới giữa tình trạng “tuyệt chủng trong tự nhiên” và “đang bị đe dọa tuyệt chủng”. Bảo tồn loài hổ đang là yêu cầu cấp thiết của các quốc gia có hổ, trong đó có Việt Nam. Câu hỏi đặt ra là Việt Nam nên lựa chọn hình thức bảo tồn nào, bảo tồn nguyên vị hay chuyển vị, để xây dựng và thực hiện các bước đi cần thiết trong những năm tiếp theo.

TÌNH TRẠNG LOÀI HỔ TRONG TỰ NHIÊN

Trong Công ước CITES, hổ (*Panthera tigris*) được liệt kê trong Phụ lục I, tức là “loài động vật hoang dã (ĐVHD) bị đe dọa tuyệt chủng, bị cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật khai thác từ tự nhiên vì mục đích thương mại” (Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp). Hổ hoang dã (bao gồm 9 phân loài, trong đó có 3 phân loài đã bị tuyệt chủng) sinh sống trong nhiều sinh cảnh khác nhau ở 13 quốc gia, chủ yếu khu vực châu Á. Ấn Độ hiện là quốc gia có số cá thể hổ trong tự nhiên lớn nhất với 3.890 cá thể, chiếm hơn 57% tổng số cá thể hổ sống trong tự nhiên (tính đến tháng 4/2016), tiếp đó là Nga (433 cá thể), Indônêxia (371), Malaixia (250), Nepal (198), Thái Lan (189). Butan và Bangladesh mỗi nước còn khoảng 100 cá thể. Campuchia tuyên bố hổ của nước này đã tuyệt chủng cách đây vài năm. Phân loài tại Việt Nam là hổ Đông Dương (*tigris corbeti*), thường được tìm thấy ở Đông Dương (Campuchia, Lào, Việt Nam) và các nước Trung Quốc, Malaixia, Myanma, Thái Lan.

Tại Việt Nam, quần thể hổ suy giảm nhanh chóng từ khoảng 400 cá thể vào những năm 1970 xuống còn khoảng 200 cá thể vào năm 1998. Cũng trong năm này, WWF thống kê được 47 điểm tại Việt Nam có hổ sinh sống trong tự nhiên, chủ yếu ở các tỉnh Lai Châu, Thanh Hóa, Quảng Nam, Kon Tum, Đắk Lắk. Năm 2010, CITES Việt Nam ước tính có ít hơn 50 cá thể hổ còn sống ngoài tự nhiên. Năm 2011, khảo sát của Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật tại 6 tỉnh Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Điện Biên, Kon Tum và Đắk Lắk dựa trên các dấu hiệu đặc trưng và phỏng vấn, ước tính quần thể hổ hoang dã còn khoảng từ 27 đến 47 cá thể (bao gồm cả các cá thể ở khu vực chung biên giới với Campuchia và Lào). Năm 2015, Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc

tế (IUCN) xác định Việt Nam chỉ còn dưới 5 cá thể hổ ngoài tự nhiên.

Chiếu vào các quy định hiện hành (Hộp 1), loài hổ hoang dã Việt Nam hiện nằm chấp chới giữa tình trạng “tuyệt chủng trong tự nhiên” và “đang bị đe dọa tuyệt chủng”. Mặc dù chưa bị tuyên bố chính thức tuyệt chủng trong tự nhiên, nhiều nhà khoa học và chuyên gia bảo tồn cho rằng trên thực tế hổ không còn tồn tại trong tự nhiên tại Việt Nam.

Nhìn chung, các nhà bảo tồn thường có xu hướng thiên về bảo tồn nguyên vị (in-situ) do phương pháp này đem lại nhiều lợi ích nhờ bảo vệ sinh cảnh, duy trì các chức năng hệ sinh thái (HST) của rừng và nhiều loài động, thực vật rừng, đảm bảo không làm gián đoạn quá trình tiến hóa tự nhiên của sinh vật rừng, đặc biệt là các loài được ưu tiên bảo vệ. Tuy nhiên, với hiện trạng và điều kiện của Việt Nam hiện nay, phương án bảo tồn nguyên vị, tái thả hổ vào tự nhiên, là không khả thi. Nếu chỉ xét ở phạm

vi trong nước, hy vọng duy trì và phát triển đàn hổ tại Việt Nam hiện nay có lẽ vẫn chủ yếu nằm ở phương án nuôi bảo tồn (tức là bảo tồn chuyển vị - ex-situ) và chờ đến thời điểm thích hợp để tái thả.

THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN CHUYỂN VỊ ĐỐI VỚI LOÀI HỔ

Hiện nay, tại Việt Nam có 3 giải pháp đang được thực hiện một cách tích cực, đó là tăng cường quản lý, giám sát hoạt động gây nuôi bảo tồn hổ; tăng cường hiệu quả trong công tác phòng ngừa, đấu tranh và xử lý các hành vi vi phạm về bảo tồn hổ và con mồi của hổ; đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức nhằm ngăn chặn việc sử dụng các sản phẩm từ hổ, con mồi của hổ và ĐVHD trái phép. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi cũng đang gặp nhiều trở ngại, bất cập về quy định pháp luật lẫn năng lực thực thi và kiểm tra, giám sát.

Khó bảo tồn nguồn gen thuần chủng: Điều tra



của Trung tâm Giáo dục thiên nhiên (ENV) cho thấy, đến tháng 5/2019, cả nước có 16 cơ sở đăng ký nuôi nhốt hổ với 243 cá thể, tuy nhiên phần lớn trong số này là hổ nhập từ nước ngoài, thuộc các phân loài như hổ bengal (*Panthera tigris tigris*), hổ si-be-ri (*Panthera tigris altaica*). Hổ Đông Dương hiện còn rất ít trong các trại nuôi và không thuần chủng. Điều này khiến công tác tái thả, phục hồi đàn hổ trong tự nhiên tại Việt Nam càng khó khăn hơn.

Hạn chế trong công tác quản lý các cơ sở nuôi hổ: Về lý thuyết, các cơ sở hoặc trang trại gây nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, bảo tồn hổ cũng có thể đóng góp vào giải pháp bảo tồn chuyển vị, nếu đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn cần thiết. Công tác nuôi bảo tồn tại một số vườn thú của nhà nước và tư nhân hiện nay có thể coi là đã đáp ứng một phần các yêu cầu nghiêm ngặt của bảo tồn chuyển vị đối với các cá thể hổ còn sống. Dù vậy, vẫn phải lưu ý rằng hổ đang được nuôi trong các cơ sở này phần lớn vẫn có nguồn gốc nhập ngoại, phổ biến là hổ Bengal, không phải là loài hổ Đông Dương bản địa. Một trong những bất cập hiện nay là các “tiêu chuẩn” chưa được quy định rõ ràng, các “yêu cầu” không được tuân thủ và quản lý, chấn chỉnh, xử phạt kịp thời, dẫn đến tình trạng nhập nhèm về mục đích nuôi, lợi dụng danh nghĩa nuôi bảo tồn để buôn bán hổ trái pháp luật. Điển hình là vụ hổ tấn công người tại Khu sinh thái Thanh Cảnh (Bình Dương) ngày 4/6/2019, cơ quan chức năng

mới điều tra và xác định một loạt vi phạm tại cơ sở nuôi hổ này là giấy phép quá hạn, chuồng trại quá sơ sài, nhân viên chăm sóc không được đào tạo chuyên nghiệp, không có lối thoát hiểm nhanh nhất cho người...

Thiếu năng lực tiếp nhận, cứu hộ hổ: Trong khi loài voi được đầu tư hàng trăm tỷ đồng để bảo tồn, thì kinh phí dành cho bảo tồn hổ lại rất hạn chế, dẫn đến thiếu hụt nghiêm trọng về số lượng, cũng như năng lực tiếp nhận của các trung tâm cứu hộ ĐVHD. Ngay cả cơ sở bảo tồn có bề dày kinh nghiệm bậc nhất ở Việt Nam là Thảo Cầm Viên Sài Gòn cũng đang ở trong tình trạng quá tải. Hiện Thảo Cầm Viên đang có 16 cá thể hổ, trong khi quy

hoạch chỉ tính cho 14 cá thể. Điều này dẫn đến việc áp dụng tràn lan phương án hợp thức hóa sai phạm tại các cơ sở nuôi hổ, gia hạn giấy phép cho các cơ sở nuôi vi phạm, thậm chí vi phạm nghiêm trọng các quy định về gây nuôi, bảo tồn các loài nguy cấp, quý hiếm thuộc danh mục cấm nuôi vì mục đích thương mại, trong đó có hổ.

Thiếu chuyên gia bảo tồn hổ: Khái niệm “bảo tồn” ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp, tức là bao gồm việc đảm bảo cá thể hổ được bảo tồn có thể sống trong môi trường tương tự trong tự nhiên, phát triển bình thường, không bị lai tạp và không mất bản năng sinh tồn trong tự nhiên. Các nghiên cứu về tập tính loài hổ cho thấy, để đảm bảo kỹ năng săn

• Một loài được xác định là tuyệt chủng trong tự nhiên nếu: • Đã thực hiện các điều tra, tìm kiếm toàn diện trong tự nhiên; • Và • Không phát hiện được [loài được khảo sát] trong tự nhiên trong một khoảng thời gian bằng vòng đời hoặc đủ dài để phục hồi loài đó.	1. Loài ĐVHD, thực vật hoang dã được xác định là loài có số lượng cá thể còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng khi có một trong các điều kiện sau: a) Suy giảm quần thể ít nhất 50% theo quan sát hoặc ước tính trong mười (10) năm gần nhất hoặc ba (03) thế hệ cuối tính đến thời điểm đánh giá; hoặc được dự báo suy giảm ít nhất 50% trong 10 năm hoặc ba (03) thế hệ tiếp theo tính từ thời điểm đánh giá; b) Nơi cư trú hoặc phân bố ước tính dưới 500 km² và quần thể bị chia cắt nghiêm trọng hoặc suy giảm liên tục về khu vực phân bố, nơi cư trú; c) Quần thể loài ước tính dưới 2.500 cá thể trưởng thành và có một trong các điều kiện: suy giảm liên tục theo quan sát hoặc ước tính số lượng cá thể từ 20% trở lên trong năm (05) năm gần nhất hoặc hai (02) thế hệ cuối tính đến thời điểm đánh giá; suy giảm liên tục số lượng cá thể trưởng thành, cấu trúc quần thể có dạng bị chia cắt và không có tiểu quần thể nào ước tính có trên 250 cá thể trưởng thành hoặc chỉ có một tiểu quần thể duy nhất; d) Quần thể loài ước tính có dưới 250 cá thể trưởng thành; đ) Xác suất bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên của loài từ 20% trở lên trong vòng 20 năm tiếp theo hoặc năm (05) thế hệ tiếp theo tính từ thời điểm lập hồ sơ.
Xác định loài tuyệt chủng trong tự nhiên (EW) <i>Bộ KH&MT, Queensland</i>	Xác định loài có số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng <i>Điều 5, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP</i>

▲ *Hộp 1: Xác định các loài tuyệt chủng trong tự nhiên và đang bị đe dọa tuyệt chủng*



mỗi, hổ con phải được luyện đúng cách từ 6 - 15 tháng tuổi. Hiện Việt Nam đang thiếu đội ngũ chuyên gia bảo tồn hổ ở trình độ này.

ĐIỀU KIỆN CẦN VÀ ĐỦ ĐỂ BẢO TỒN HỔ TRONG TỰ NHIÊN

Hổ là một loài có tính biểu tượng cao và được kính ngưỡng trong nhiều nền văn hóa. Trong tự nhiên, hổ là một trong những loài chủ chốt, đứng đầu chuỗi thức ăn và giữ cân bằng giữa quần thể các loài ăn cỏ với mức độ phong phú của các loài thực vật tại nơi chúng sinh sống, qua đó đảm bảo các khu rừng được duy trì và cung cấp đầy đủ cho con người các dịch vụ HST vốn có. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, việc giữ rừng và duy trì các dịch vụ HST như cung cấp sản vật, giữ nước, giữ đất, giảm tần suất xuất hiện và tác hại của các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, bão, lũ... là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Về mặt lý thuyết, bảo tồn hổ trong tự nhiên cũng giúp bảo tồn các loài động, thực vật rừng khác, nhờ đó làm tăng mức độ ĐDSH và sự giàu có của rừng. Tuy nhiên, trong bối cảnh của Việt Nam hiện nay, khi các loài ăn cỏ cũng đã bị săn, bắn, bẫy, bắt đến mức tận diệt, số lượng cá thể còn lại rất ít, vai trò của loài hổ trong HST cũng không còn ý nghĩa quan trọng để duy trì sự cân bằng trong HST.

Để hổ có thể sống trong điều kiện tự nhiên, các “điều kiện cần” tối thiểu phải bao gồm có đủ thức ăn, tức là có đủ số lượng cá thể các loài thú ăn cỏ và thú ăn thịt nhỏ hơn, và đủ không gian sống. Mỗi con hổ cần khoảng 10 - 20kg thịt mỗi ngày. Tuy nhiên, do không thường xuyên săn được mồi, hổ có thể ăn một lần từ 18 - 45 kg thịt và nhịn ăn trong nhiều ngày tiếp theo. Trung bình mỗi năm, một con hổ cần đến khoảng 50 con mồi to bằng con nai hay khoảng 1 con/tuần. Về cơ bản, rừng ở Việt Nam không còn đủ thú làm mồi sẵn cho hổ. Mặt khác, không gian sống của hổ phụ thuộc một phần vào thức ăn. Rừng càng ít thú săn, hổ càng phải đi xa hơn để kiếm ăn. Một cá thể hổ cái thường hoạt động trong lãnh thổ tối thiểu khoảng 30 km². Con đực cần nhiều không gian hơn, thường ít nhất cũng vào khoảng 100 km². Các nghiên cứu gần đây cho thấy, một cá thể hổ đực trưởng thành có thể di chuyển trong phạm vi từ 150 - 1.000 km². Trong những năm qua, rừng Việt Nam bị khai thác và chia cắt, khiến những vùng rừng còn đủ rộng để hổ sinh sống còn lại rất ít. Những vùng rừng nhỏ, nếu thả hổ vào sẽ gây cạn kiệt các loài thú nhỏ trong một thời gian ngắn và gây nguy hiểm cho chính con người. Các khu vực lý tưởng có thể tái thả hổ vào hoang dã có thể là một vài VQG có diện tích lớn và các khu vực giáp biên giới với Campuchia và Lào, đòi hỏi sự phối hợp hết sức chặt chẽ và hiệu quả giữa 3 nước.

Điều kiện đủ để hổ có thể sống trong tự nhiên bao gồm các hoạt động bảo vệ, bảo tồn, thực thi pháp luật nhằm hạn chế nạn săn bắt trái phép, đảm bảo tính toàn

vẹn của các khu rừng và đấu tranh hiệu quả, chống tình trạng buôn bán hổ và các bộ phận của hổ. Tuy nhiên, công tác thực thi pháp luật bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH rừng ở Việt Nam hiện còn gặp nhiều thách thức và hiệu quả không cao.

CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN HỔ TẠI VIỆT NAM VÀ CƠ HỘI CHO BẢO TỒN NGUYÊN VỊ ĐỐI VỚI LOÀI HỔ

Tại Hội nghị thượng đỉnh về Hổ tại Saint Petersburg vào năm 2010, lãnh đạo 13 quốc gia có hổ đã cam kết nhân đôi số lượng hổ hoang dã vào năm 2022. Chỉ tiêu nhân đôi được áp dụng cho số cá thể hổ tại cả 13 quốc gia, không nhất thiết yêu cầu mỗi quốc gia đều phải nhân đôi số lượng hổ của mình. Việt Nam cam kết “tăng số lượng hổ tự nhiên và con mồi bằng việc giảm thiểu tối đa những mối đe dọa mà hổ phải đối mặt”.

Tháng 4/2014, Thủ tướng Chính phủ ban

hành Quyết định số 539/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo tồn hổ giai đoạn 2014 - 2022. Chương trình đặt mục tiêu “Bảo vệ, bảo tồn hổ, sinh cảnh và con mồi của hổ, góp phần ngăn chặn sự suy giảm, từng bước phục hồi, cải thiện và tăng số lượng hổ tự nhiên đến năm 2022 theo mục tiêu đã được xác định tại Chương trình bảo tồn hổ toàn cầu mà Việt Nam đã cam kết tham gia thực hiện” thông qua 7 nhóm giải pháp chính, trong đó có các giải pháp: Xác lập khu vực ưu tiên bảo tồn hổ và đề xuất xây dựng các hành lang bảo tồn sinh cảnh sống của hổ trong tự nhiên; Xây dựng chương trình giám sát quần thể hổ và con mồi của hổ trong tự nhiên; Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động gây nuôi bảo tồn hổ; Tăng cường hiệu quả trong công tác phòng ngừa, đấu tranh và xử lý các hành vi vi phạm về bảo tồn hổ và con mồi của hổ; Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng



▲ Hổ Việt Nam hiện đang nằm trong tình trạng “tuyệt chủng trong tự nhiên” và “bị đe dọa tuyệt chủng”



cao nhận thức nhằm ngăn chặn việc sử dụng các sản phẩm từ hổ, con mồi của hổ và ĐVHD trái phép; Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, thiết lập cơ chế tài chính phù hợp với yêu cầu nhằm tăng cường công tác bảo tồn hổ; Đẩy mạnh hợp tác liên biên giới với các nước có chung đường biên giới, các nước trong khu vực và toàn cầu về công tác bảo tồn hổ.

Tính đến thời điểm này, khi thời hạn cuối để thực hiện Chương trình quốc gia về bảo tồn hổ - 2014 giai đoạn 2022 còn hơn 3 năm và với mức đầu tư hiện tại, khó có thể nói Việt Nam sẽ đạt được mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Ở tầm quốc tế, nhiều tín hiệu tích cực đã được ghi nhận ở một số nước như Nepal, Nga, Thái Lan, Ấn Độ. Số cá thể hổ được ghi nhận tăng 61% tại VQG Primorskii Krai (Nga) vào năm 2017, tăng 63% tại Nepal trong 5 năm (từ năm 2008 - 2013). Tuy nhiên, mục tiêu nhân đôi số lượng hổ trong tự nhiên vẫn còn gặp nhiều thách thức và rất khó đạt được.

Năm 2010, Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về bảo tồn hổ đã xây dựng một chương trình Khôi phục hổ toàn cầu (GTRP) trong 12 năm với chi phí dự kiến 350 triệu USD cho 5 năm đầu tiên. Một số tổ chức bảo tồn, cơ quan quản lý tại các quốc gia có hổ đang sử dụng nguồn kinh phí này cho công tác bảo tồn hổ. WWF đã bắt đầu triển khai thực hiện kế hoạch tái thả hổ ở Khu bảo tồn Mondulkiri (Campuchia) và khu vực giáp ranh thuộc VQG Yok Đôn (Việt Nam). Kế hoạch bắt đầu với việc đánh giá, kiểm soát và tăng môi sống của hổ trong khu vực, đồng thời tăng cường thực thi pháp luật và tuyên truyền, giáo dục về ý thức bảo tồn ĐDSH, bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm cho chính quyền và người dân địa phương ở khu vực này. Tuy nhiên, giai đoạn này có thể rất dài, nhanh nhất cũng phải mất hơn 5 năm, chậm thì lên đến 20 năm. Vì vậy, giai đoạn trước mắt, nên ưu tiên cho việc tăng cường năng lực quản lý và thực hiện các giải pháp bảo tồn chuyển vị, tức là nuôi sinh sản và chọn lọc các cá thể hổ thuần chủng trong môi trường nuôi nhốt hoặc bán hoang dã.

Giải pháp cấp bách cho bảo tồn chuyển vị hiện nay nên bao gồm: Chọn các cá thể hổ phù hợp để nuôi sinh trưởng, sinh sản; Đầu tư hợp lý để tăng cường năng lực tiếp nhận của các cơ sở bảo tồn hổ (về số lượng cơ sở bảo tồn, năng lực tiếp nhận, cán bộ có chuyên môn...); Tăng cường quản lý các cơ sở nuôi hổ của Nhà nước và tư nhân, đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật về nuôi, bảo tồn hổ, xử phạt thích đáng các hành vi vi phạm; Tăng cường thực thi pháp luật và giáo dục tại các khu vực phù hợp điều kiện tái thả hổ nhằm chuẩn bị cho việc thực hiện giải pháp bảo tồn nguyên vị đối với loài hổ trong tương lai; Hợp tác chặt chẽ với 12 quốc gia có hổ còn lại, đặc biệt là Campuchia và Lào trong việc bảo tồn xuyên biên giới, trong đó có bảo tồn hổ. ■

TRẦN LÊ TRÀ

XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẰNG CÔNG NGHỆ CƠ ĐIỆN



Ngày 16/8/2019, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Hepza) đã tiếp nhận công nghệ về giải pháp xử lý nước thải toàn diện bằng công nghệ cơ điện. Đây là giải pháp hữu ích cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định về BVMT.

Giải pháp xử lý nước thải này sử dụng 9 công nghệ về cơ điện và nhiệt điện khác nhau để phá hủy tất cả hóa chất, ký sinh trùng, vi khuẩn, trích xuất các kim loại nặng đến 99%, giảm lượng ôxi cần thiết cung cấp cho vi sinh vật để ôxi hóa các chất hữu cơ xuống còn ít hơn 3% so với ban đầu. Công nghệ này không sử dụng hóa chất xử lý, do đó nguồn nước thải ra bên ngoài không chứa chất ô nhiễm. Trong hệ thống không cần phải thay bộ lọc, tự động sẽ thu gom các chất cặn bã và nén chúng thành một loại tạp chất có thể dùng để đốt.

Với giải pháp xử lý bằng công nghệ cơ điện, tất cả nước thải ban đầu sẽ được thu gom mà không cần phân loại A hay loại B và xử lý toàn bộ lượng bùn thải, rác thải hòa lẫn trong nước. Do đó, doanh nghiệp không cần đến bên thứ ba để xử lý và góp phần giảm chi phí đầu tư. Đặc biệt, nước thải sau xử lý có thể được tái sử dụng vì giải pháp này bảo đảm nguồn nước đầu ra đạt chuẩn trong sinh hoạt và sản xuất. Bên cạnh đó, giải pháp xử lý còn cho ra một lượng than nhiệt tương ứng, sử dụng làm chất đốt công nghiệp, giúp tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp... ■

PV



Đà Nẵng: Tập trung giải quyết ô nhiễm tại bãi rác Khánh Sơn

Khánh Sơn là bãi rác duy nhất của Đà Nẵng, bình quân mỗi ngày tiếp nhận 1.100 tấn rác thải sinh hoạt, chưa tính rác thải y tế và công nghiệp. Sau gần 30 năm tồn tại, đến nay, bãi rác đã tiếp nhận 3,2 triệu tấn rác và dự tính chỉ còn hoạt động gần 200 ngày nữa là phải đóng cửa vì không còn khả năng tiếp nhận rác. Thời gian gần đây (từ ngày 6 - 8/7/2019), đã xảy ra việc người dân Khánh Sơn chặn xe chở rác, phản đối việc vận chuyển rác vào bãi rác, khiến 2.000 tấn rác bị ùn ứ. Trước tình hình đó, chính quyền TP. Đà Nẵng đã có nhiều cuộc đối thoại với người dân và cuối cùng đưa ra chủ trương nâng cấp bãi rác Khánh Sơn thành Khu liên hợp xử lý chất thải rắn (CTR) với công nghệ hiện đại, tiên tiến để giải quyết tổng thể bài toán về rác của TP.

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CTR Ở TP. ĐÀ NẴNG

Những năm gần đây, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) của TP tăng nhanh cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đến năm 2019, khối lượng CTRS đã được thu gom của toàn TP đạt khoảng 1.100 tấn/ngày (chiếm 95%), được vận chuyển đến Khu xử lý chất thải (XLCT) Khánh Sơn để chôn lấp. Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), dự báo lượng CTRS của TP đến năm 2025

sẽ tăng lên 1.800 tấn/ngày; đến năm 2030 là 2.400 tấn/ngày và đến năm 2040 là 3.000 tấn/ngày.

Khu XLCT Khánh Sơn bắt đầu hoạt động từ ngày 1/1/2007, đến nay đã chôn lấp hơn 3,2 triệu tấn rác thải. Các ô rác số 1, 2 đã được phủ bạt; đang vận hành ô rác số 3, 4, 5 với cao trình hiện tại là +41 m, +45 m, +45 m. Với lượng CTRS phát sinh như hiện nay, đến cuối năm 2019, đầu năm 2020, nếu không thực hiện các giải pháp nâng cấp, cải tạo, các ô rác sẽ đạt cao trình thiết kế. Khi đó, TP sẽ phải đối mặt với vấn đề an ninh rác rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, mỹ quan đô thị và hình ảnh của TP.

Bãi rác Khánh Sơn đang vận hành công trình xử lý CTR đô thị với công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh. Tuy nhiên, trong thời gian khai thác, bãi rác Khánh Sơn là một trong những điểm ô nhiễm môi trường nghiêm

trọng, gây bức xúc cho người dân. Mặc dù chính quyền TP đã triển khai nhiều giải pháp, nhưng bãi rác Khánh Sơn vẫn chưa bảo đảm tiêu chuẩn của một bãi rác chôn lấp hợp vệ sinh. Việc thực hiện chôn lấp rác chưa bảo đảm đúng quy trình, quy chuẩn; việc phun chế phẩm, lấp đất ngay sau khi đổ rác cũng thực hiện chưa tốt, phát tán mùi hôi. Ngoài ra, một số điều kiện khác như khoảng cách giữa bãi rác và khu vực dân cư, việc thu gom xử lý nước rỉ rác... vẫn chưa bảo đảm, gây bức xúc trong nhân dân.

Để giải quyết tổng thể vấn đề rác thải, UBND TP. Đà Nẵng đã thống nhất định hướng triển khai nâng cấp, cải tạo bãi rác Khánh Sơn, bảo đảm các tiêu chuẩn về XLCT và khôi phục môi trường tại khu vực, trong đó bao gồm các hạng mục đầu tư các nhà máy xử lý rác công nghệ tiên tiến; nâng cấp, cải tạo các hạng mục hiện hữu, quy hoạch lại khu vực bãi rác, nghiên cứu đền bù, giải tỏa các hộ dân không bảo đảm khoảng cách an toàn; đưa Dự án Khu Liên hợp xử lý CTR tại xã Hòa Nhơn vào quy hoạch dự phòng tương lai...

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ, XỬ LÝ CTRS CỦA TP. ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2025

Trước thực trạng quản lý CTRS của TP, ngày 19/12/2018, Hội đồng nhân dân (HĐND) TP. Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết số 204/NQ-HĐND về việc quản lý CTRS trên địa bàn TP, trong đó đề ra các mục tiêu cụ thể:



▲ Trung bình mỗi ngày, bãi rác Khánh Sơn tiếp nhận 1.100 tấn rác



Đến năm 2025, 95% tổng lượng CTRSH phát sinh được thu gom và xử lý hợp vệ sinh; tỷ lệ CTRSH tái chế, tái sử dụng đạt 12% (năm 2020) và 15% (năm 2025); tất cả các phường, xã tổ chức phân loại CTRSH tại hộ gia đình; đảm bảo 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ quan, tổ chức thực hiện phân loại CTR; các khu dân cư, khu đô thị có điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH được quy hoạch, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT; trạm trung chuyển CTRSH ở quận nội thành có công nghệ tiên tiến, kết hợp công năng phân loại rác sinh hoạt; đáp ứng đủ phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH và đạt yêu cầu kỹ thuật; không để rơi vãi CTRSH, rò rỉ nước rỉ rác tại điểm tập kết và trên đường vận chuyển. Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTRSH phải đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 25%; đến năm 2020 dừng hoạt động chôn lấp CTRSH không đảm bảo vệ sinh tại bãi chôn lấp; đầu tư xây dựng mới nhà máy xử lý CTR và nâng cấp các công trình đảm bảo xử lý triệt để các nguồn thải phát sinh từ bãi chôn lấp rác Khánh Sơn, quận Liên Chiểu; khuyến khích, vận động các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trên địa bàn TP không dùng túi ni lông khó phân hủy; kêu gọi, vận động các nhà hàng, khách sạn, cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn TP không dùng sản phẩm nhựa khó phân hủy, sử dụng một lần để đựng thức ăn, đồ uống cho khách hàng; khuyến khích việc đầu tư

sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thay thế.

Với các mục tiêu đề ra, UBND TP. Đà Nẵng đang triển khai lập kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 204/NQ-HĐND của HĐND TP, đồng thời ban hành các Kế hoạch và Quyết định đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục tại bãi rác Khánh Sơn; Dự án Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước rỉ rác (giai đoạn 2); Dự án Trạm trung chuyển rác tại khu vực đường Lê Thanh Nghị; Kế hoạch thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đến năm 2025.

Thực hiện Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 4/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch TP. Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định khu xử lý CTR Khánh Sơn là địa điểm xử lý CTR tập trung của TP, có diện tích 100 ha; UBND TP đã thống nhất triển khai đầu tư nâng cấp Khu XLCT Khánh Sơn thành Khu liên hợp xử lý CTR nhằm giải quyết kịp thời vấn đề xử lý CTR đang rất cấp bách, có nguy cơ

gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, xã hội, ô nhiễm môi trường; phù hợp với quy hoạch chung của TP. Đà Nẵng; đáp ứng Chiến lược quốc gia về quản lý CTRSH; khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường tại khu vực; cải thiện chất lượng môi trường sống của người dân xung quanh.

Đối với yêu cầu công nghệ - môi trường - kinh tế, các hạng mục, dự án đầu tư xử lý CTR của TP phải đảm bảo công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên tại khu vực; phù hợp với thành phần, tính chất rác thải của TP để xử lý hiệu quả, an toàn và không gây ô nhiễm môi trường; công nghệ, thiết bị XLCT phải được tổ chức, đơn vị có chức năng chứng nhận, thẩm định theo quy định của Việt Nam; tận thu những giá trị của CTR để tái tạo tài nguyên, hạn chế tối đa việc sử dụng nhiều nguyên, nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất (điện, nước...); chi phí xử lý rác thải phù hợp với khả năng chi trả của ngân sách TP.

Có thể nói, việc nâng cấp, cải tạo bãi rác Khánh Sơn là yêu cầu cấp bách của TP. Đà Nẵng. Do vậy, việc định hướng quy hoạch nâng cấp bãi rác trong giai đoạn hiện nay là hướng đi đúng, gắn với quy hoạch chung và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của TP. Tuy nhiên, ngoài việc giải quyết bài toán về xử lý CTR, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, thì việc nâng cấp bãi rác cũng cần gắn liền với lợi ích, cuộc sống và sinh hoạt của người dân, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, dân cư khu vực ■

XUÂN NGO



▲ Hộc rác số 3 được xử lý phủ bạt, hạn chế ô nhiễm sau nhiều phản ánh của người dân Khánh Sơn



VIỆN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (IESE) - TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG: 30 NĂM XÂY DỰNG, TRƯỞNG THÀNH VÀ GẮN BÓ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

GS.TS. NGUYỄN VIỆT ANH

Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường (IESE)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường (IESE) là Trung tâm Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Khu công nghiệp (CEETIA) được thành lập từ năm 1989, do GS. TSKH.NGND. Phạm Ngọc Đăng, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng (ĐHXD) làm Giám đốc. Năm 2007, IESE được thành lập trên cơ sở nâng cấp và hợp nhất CEETIA với Khoa Kỹ thuật Môi trường (KTMT) Trường ĐHXD theo Quyết định số 8168/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Năm 2014, IESE chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế tự hạch toán theo Nghị định số 115/NĐ-CP và Quyết định số 1542/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Viện được Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN số A-724 năm 2008, bổ sung thêm ngành nghề năm 2015. Năm 1994, Trạm Quan trắc và phân tích môi trường phía Bắc thuộc Mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia được thành lập, đặt tại Trung tâm CEETIA.

Hiện IESE có 62 cán bộ và cộng tác viên (trong đó có 2 GS.TSKH, 3 GS.TS, 14 PGS. TS, 15 TS, 20 ThS, 8 ĐH và CĐ). Nguồn nhân lực chủ chốt của Viện gồm các GS, PGS, GV, NCV của Khoa KTMT và các Khoa khác thuộc Trường ĐHXD.

Từ khi hình thành ngành và đào tạo khóa sinh viên đầu tiên tại Khoa Xây dựng (năm 1956) đến nay Viện đã có 63 năm kinh nghiệm về đào tạo. Với lĩnh vực nghiên cứu KTMT, tư vấn, quan trắc và phân tích môi trường, triển khai ứng dụng, thiết kế, lắp đặt và cải tạo các hệ thống kiểm soát ô nhiễm môi trường, thực hiện các dịch vụ KH&CN về môi trường đến nay CEETIA đã tròn 30 năm kinh nghiệm.

MỘT SỐ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Về giáo dục, đào tạo và truyền thông môi trường

Tính đến năm 2019, cùng với Khoa KTMT và các đơn vị thuộc Trường ĐHXD, IESE đã tham gia đào tạo được khoảng 5.000 kỹ sư Cấp thoát nước - Môi trường nước, Hệ thống kỹ thuật trong công trình (trước đây là Thông gió - Cấp nhiệt; Vi khí hậu - Môi trường không khí), Công nghệ kỹ thuật môi trường; khoảng 400 Thạc sỹ KTMT, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, trên 30 Tiến sỹ Công nghệ môi trường, Cấp thoát nước, Vi khí hậu và Môi trường không khí; Biên soạn nhiều giáo trình, tài liệu khoa học phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực BVMT. Các tài liệu, giáo trình này được dùng để

giảng dạy cho sinh viên và nghiên cứu sinh ngành kỹ thuật hạ tầng và kỹ thuật, khoa học môi trường tại Trường ĐHXD, cũng như ở các trường đại học khác. Ngoài ra, IESE đã tổ chức khoảng 150 khóa tập huấn ngắn hạn về quan trắc môi trường, quản lý môi trường, công nghệ xử lý nước và nước thải, quản lý vận hành và bảo dưỡng các công trình cấp thoát nước, hệ thống kỹ thuật trong công trình... cho cán bộ các Bộ/ngành, địa phương, doanh nghiệp, dự án phát triển và cho các nước vùng Trung Á, Lào, Ethiopia,... Nhiều

khóa tập huấn, hoạt động truyền thông được tổ chức trên cả nước, đóng góp thiết thực trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về sức khỏe, vệ sinh và BVMT.

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về BVMT

Từ khi mới thành lập, CEETIA và IESE được giao thực hiện và hoàn thành nhiều đề tài KH&CN cấp Nhà nước, tiêu biểu như 3 đề tài thuộc Chương trình sử dụng hợp lý tài nguyên và BVMT (KT 02.03, KT 02.05, KH&CN 07.11 (1991-2000); Đề tài nhánh KH 08-02: Quy hoạch môi trường



▲ Ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới xử lý nước cấp cho doanh nghiệp cấp nước



▲ Hệ pilot xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp theo công nghệ mới DS-BB



nước vùng đồng bằng sông Hồng (2001 -2003); Đánh giá diễn biến môi trường 2 vùng trọng điểm kinh tế (2002 - 2003); Đánh giá tác động sản xuất vật liệu amiăng đối với sức khỏe và đề xuất chính sách phù hợp (2002 - 2003); Nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo Nghị định thư với Đức: Các giải pháp thu gom và xử lý tổng hợp chất thải theo mô hình bán tập trung cho các đô thị Việt Nam. Nghiên cứu điển hình ở TP. Hà Nội (Semi-san) (2009 - 2011); Nghiên cứu ứng dụng màng lọc nano xử lý nước biển thành nước sinh hoạt (2010 - 2012); Dự án sản xuất thử nghiệm: Thiết bị xử lý nước thải tại chỗ hợp khối theo kiểu mô đun, tiêu thụ ít năng lượng (2012 - 2014); Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu phát thải CO₂ trong sản xuất gạch ngói, gốm sứ, Chương trình BDKH-35/2013 (2013 - 2014); Nghiên cứu phát triển công nghệ thân thiện môi trường trong xử lý rác thải sinh hoạt, KC.08.27/11-15 (2013 - 2015).

Bên cạnh đó, CEETIA và IESE đã chủ trì thực hiện khoảng 150 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp tỉnh/thành phố, theo các hướng trọng tâm: Xây dựng chiến lược, chính sách và kế hoạch BVMT quốc gia và địa phương; Nghiên cứu giải quyết vấn đề cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường cho đô thị, nông thôn, cơ sở công nghiệp; Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, nước, chất thải rắn, tiếng ồn... Một số đề tài NCKH, triển khai ứng dụng tiêu biểu: Lập Báo cáo hiện trạng môi trường Việt Nam hàng năm



▲ Lắp đặt Bể xử lý nước thải chế tạo sẵn cho khu Đền Thượng, Tây Thiên, Vĩnh Phúc



▲ Mô hình Bãi chôn lấp xanh tại IESE



▲ Công trình xây dựng Hệ thống hồ sinh học kiểm soát ô nhiễm do nước thải Công ty Gang thép Formosa Hà Tĩnh, do IESE và các đối tác thiết kế, thi công xây dựng, đưa vào vận hành tháng 7/2017

(Bộ TN&MT, 1996 - 2005); Quan trắc và phân tích môi trường các tỉnh phía Bắc (Bộ TN&MT, Bộ GD&ĐT, 1996 - 2018); Xử lý nước thải theo mô hình phân tán cho các đô thị Việt Nam; Các giải pháp vệ sinh chi phí thấp và bền vững trong điều kiện Việt Nam (Bộ GD&ĐT, 2001 -2003, 2003 - 2004); Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và lắp đặt lò đốt rác thải công nghiệp nguy hại và chất thải y tế cùng với thiết bị xử lý khí thải lò đốt (Bộ KH&CN, 2002 - 2003); Nghiên cứu tuần hoàn và xử lý nước rỉ bãi chôn lấp rác (Bộ GD&ĐT, 2006); Nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm thiểu diện tích chôn lấp thông qua phát triển công nghệ xử lý rác thải qui mô nhỏ - Ứng dụng cho khu vực dân cư ven đô (Bộ Xây dựng, 2015). Ngoài ra, Viện còn thực hiện nhiều đề tài liên quan đến: Các giải pháp cải thiện môi trường nước một số sông, hồ đô thị (Bộ GD&ĐT, 2007; Sở KH&CN Hà Nội, 2007 và 2016 - 2018); Xây dựng mô hình BVMT tiên tiến trong cộng đồng dân cư (Bộ TN&MT, 2006 - 2007); Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme làm giá thể vi sinh và ứng dụng trong xử lý nước thải (Sở KH&CN Hà Nội, 2005 - 2006); Nghiên cứu

chế tạo các modun xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ (Bộ GD&ĐT, 2007-2008); Nghiên cứu xử lý amoni trong nước ngầm (Bộ GD&ĐT, 2007-2008); Nghiên cứu áp dụng công nghệ tuyển nổi để xử lý nước cấp và bùn cặn (Bộ Xây dựng và Sở KH&CN Hà Nội, 2007 - 2009)...

Dịch vụ tư vấn KH&CN, triển khai ứng dụng công nghệ môi trường vào thực tế

IESE đã thực hiện nhiều hợp đồng dịch vụ KHCN: Tư vấn thiết kế, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và quản lý dự án, đánh giá hồ sơ thầu, lập Báo cáo môi trường chiến lược (ĐMC), Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), tập huấn và chuyển giao công nghệ quản lý vận hành, khai thác các hệ thống, công trình cấp nước, xử lý nước, hệ thống kỹ thuật trong công trình dân dụng và công nghiệp, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, quan trắc, phân tích chất lượng môi trường. Đồng thời, IESE đã thực hiện khoảng trên 150 báo cáo ĐTM khác nhau.

Là một đơn vị có thế mạnh trong nghiên cứu, triển khai các thành tựu KHCN, ứng dụng vào thực tiễn, CEETIA và IESE đã ứng dụng thành công



▲ IESE thiết kế, thi công Hệ thống hồ sinh học & bãi lọc trồng cây kiểm soát sự cố do nước thải công nghiệp



▲ Tập huấn vận hành Cụm bể xử lý nước thải chế tạo sẵn cho đơn vị bộ đội trên đảo tiền tiêu

hàng trăm công trình cấp thoát nước, xử lý nước cấp, nước thải, xử lý chất thải rắn, nước rác, xử lý bùn cặn, khí thải, thông gió, điều hòa không khí, cấp nhiệt,... ở khắp cả nước. Một số công trình tiêu biểu như: Nghiên cứu chế tạo thành công lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại có bộ xử lý khói thải, công suất 125-150 kg/h, triển khai lắp đặt cho Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn vận hành từ năm 2003. Công trình nhận được Huy chương tại Hội chợ Công nghệ - Thiết bị Techmart 2003, được cấp bằng Sở hữu trí tuệ; Trạm XLNT công suất 250 m³/ngày, Bệnh viện Đa khoa Hà Giang (2003); Trạm XLNT Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh; Trạm XLNT Bệnh viện Lao phổi TW Phúc Yên (2008); Hệ thống Cấp nước và XLNT Công ty Super phốt phát và hóa chất Lâm Thao (1997); Trạm XLNT Khu du lịch Vườn Đào, Bãi Cháy, 2.500 m³/ngày (1998); Trạm XLNT Cung Quy hoạch, Mỹ Đình, Hà Nội, 100 m³/ngày (2010); Bể XLNT Nhà đón tiếp, Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Vũng Chùa, Quảng Bình (2017); Thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hồ quang nấu thép, Công ty Bê tông Thép Ninh Bình (1998); Thiết kế hệ thống điều hòa không khí Nhà thi đấu Phú Thọ (2009); Thiết kế hệ thống cấp khí sạch và điều hòa không khí, Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An (2015); Thiết kế, lắp đặt hệ thống lọc nước Tổ hợp Artemis, Hà Nội (2017), Tú Hiệp - Hồng Hà Dầu khí, Hà Nội (2018).

IESE đã nghiên cứu thành công, chế tạo và lắp đặt hàng trăm hệ thống XLNT kiểu mô đun chế

tạo sẵn bằng composite, như: Các bể XLNT chế tạo sẵn, công suất 20 m³/ngày cho Khu biệt thự sinh thái Đông Anh, Hà Nội (2010); 50 m³/ngày, Khu biệt thự cao cấp trong khuôn viên Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình, Hà Nội (2010); 25 m³/ngày, Công ty Đá ốp lát cao cấp Vicostone (2011); 20 m³/ngày, Bến tàu du lịch đảo Cát Bà, Hải Phòng (2011); 50 m³/ngày cho Khu di tích - danh lam thắng cảnh Tây Thiên, Vĩnh Phúc (2012); 25 m³/ngày, Công ty Đá ốp lát Stylestone (2013); 50 m³/ngày, Khu di tích lịch sử Đá Chông (K9) (2014); 150 m³/ngày, Làng hoa Thụy Khuê, Hà Nội (2014). Giải pháp bể XLNT chế tạo sẵn kiểu mô đun của IESE đã được nhận Huy chương tại Hội chợ Công nghệ - Thiết bị Việt Nam Techmart 2003 và 2015, được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Bằng sáng chế.

Đặc biệt, IESE đã chủ trì thiết kế, thi công, đưa vào sử dụng thành công Hệ thống hồ sinh học kiểm soát sự cố do nước thải cho Khu Liên hợp Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh, công suất 36.000m³/ngày (2016 - 2017); Công ty Dệt Pacific Crystal, công suất 4.500m³/ngày (2017 - 2018). Giải pháp này đã và đang góp phần quan trọng trong kiểm soát ô nhiễm do nước thải công nghiệp tại các cơ sở sản xuất, và trở thành một mô hình cho kiểm soát sự cố do nước thải công nghiệp ở Việt Nam.

Phục vụ công tác quản lý môi trường của Nhà nước

Nhiều năm qua, các cán bộ, chuyên gia của CEETIA và IESE đã có nhiều đóng góp tích cực, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về BVMT. GS.TSKH. Phạm Ngọc Đăng, GS. TS. Trần Hiếu Nhuệ và các chuyên gia CEETIA đã tham gia biên soạn, đóng góp ý kiến

cho bộ Luật BVMT đầu tiên của nước ta (ban hành năm 1993). Từ năm 1995 đến 2005, liên tục hàng năm CEETIA được giao chủ trì nghiên cứu xây dựng Báo cáo Hiện trạng môi trường Việt Nam của Bộ KH-CN&MT trước đây, nay là Bộ TN&MT để trình Quốc hội. Các chuyên gia của IESE thường xuyên tham gia các Hội đồng kỹ thuật, Tổ chuyên gia, tham gia xây dựng, tư vấn phản biện nhiều chính sách, văn bản pháp quy về BVMT cùng các cơ quan quản lý Nhà nước. CEETIA và IESE đã tham gia xây dựng Chính sách, Chiến lược BVMT quốc gia và Chiến lược BVMT cho một số ngành kinh tế, một số tỉnh/thành phố; Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn lập Báo cáo ĐTM cho các dự án quy hoạch phát triển KT-XH, xây dựng cảng, phát triển giao thông đường bộ, đầu tư sản xuất giấy và bột giấy.

Từ năm 1995 đến nay, Trạm Quan trắc và phân tích môi trường đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ thường xuyên do Tổng cục Môi trường giao, định kỳ 6 lần/năm quan trắc môi trường các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Vinh và Huế, thực hiện các đợt quan trắc môi trường đột xuất về ô nhiễm công nghiệp. Kết quả quan trắc được sử dụng làm cơ sở dữ liệu phục vụ lập Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia hàng năm và công tác quản lý môi trường nói chung.

Hợp tác quốc tế về BVMT

Là một địa chỉ tin cậy của các đối tác quốc tế, CEETIA và IESE đã triển khai nhiều dự án hợp tác quốc tế như: Tăng cường năng lực trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực KH-CN môi trường ở phía Bắc (ESTNV) do SDC, Thụy Sĩ tài trợ (1998 - 2003 và 2003 - 2007); Dự án với IDRC



(Canada) về Nghiên cứu đánh giá môi trường KCN Thượng Đình và Hồ Tây; JSPS, hợp tác với Đại học Kumamoto, Osaka, Nhật Bản (1998 – 2002); Đánh giá tác động môi trường không khí Hà Nội, với Trung tâm Đông-Tây, Chương trình Môi trường Mỹ - Á, nhiều hoạt động với các tổ chức quốc tế như UNDP, UN-HABITAT, WHO, UNIDO, UNEP, WB, ADB, JICA, DANIDA, SIDA, KOICA, GIZ, BC...

Trước bối cảnh hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư vào Việt Nam thời gian gần đây, các hoạt động hợp tác quốc tế của IESE ngày càng được đẩy mạnh, tiêu biểu như: Chương trình Liên kết với châu Á do EU tài trợ Asia-Link: Biên soạn tài liệu giảng dạy đại học về Vệ sinh chi phí thấp và bền vững (LCST) (2004-2005); Hợp tác với các trường đại học ở Nhật Bản về đào tạo và NCKJ trong lĩnh vực KTMT: ĐHTH Kitakyushu, Kumamoto, Kyoto, Tokyo,... (2002 đến nay); Hợp tác với Quỹ Bill & Melinda Gates (BMGF): Nghiên cứu tài chính của quản lý phân bùn, nhìn từ góc độ doanh nghiệp (2011 – 2012); Hợp tác với Viện Công nghệ Nước Thụy Sĩ (SANDEC, EAWAG): Mô hình quản lý và công nghệ xử lý phân bùn, thu hồi tài nguyên phù hợp (PURR) (2013 – 2018); Hợp tác với ĐHTH KU Leuven, Bỉ, Công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học với màng lọc (MBR), VLIR-OUS tài trợ (2014 – 2015); Xây dựng Chương trình đào tạo mới về các thành phố thông minh và bền vững ở châu

Á (SAUNAC), Erasmus+, EU tài trợ (2016 – 2019); Nghiên cứu ứng dụng các công cụ vệ tinh viễn thám trắc địa và mô hình phục vụ quản lý tài nguyên nước ngầm đồng bằng sông Hồng, USAID, Hoa Kỳ tài trợ (2017 – 2018); So sánh mối quan hệ thực nghiệm của MODIS AOD và bụi giữa Hà Nội và Seoul (2017 – 2018); Nghiên cứu kiểm soát ô nhiễm do nước thải công nghiệp theo lưu vực sông, Quỹ KWEF, Nhật Bản tài trợ (2017 – 2019); Nghiên cứu tối ưu nhà kính trồng cà chua tích hợp năng lượng mặt trời và các công nghệ hiệu quả năng lượng, IFS tài trợ (2018); Hợp tác với ĐHQG Seoul (SNU) về Cấp nước và Vệ sinh bền vững (WASAT), do Hàn Quốc tài trợ (2017 – 2020).

Khen thưởng vì những thành tích trong BVMT

Tập thể và các cá nhân của CEETIA, IESE đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Chính phủ, Bộ/ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội như: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Bộ KH&CN, Bộ TN&MT, Bộ GD&ĐT, UBND TP. Hà Nội; Bằng khen của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam; Giải thưởng Môi trường của Bộ TN&MT; Cúp Môi trường Việt Nam; Giải thưởng Thăng Long về KH-CN... Các chuyên gia của CEETIA và IESE đã có 05 Bằng Sáng chế độc quyền, 01 Bằng Giải pháp hữu ích cho các sản phẩm KHCN.

Giai đoạn từ năm 2014 đến nay, đứng trước tình hình mới, IESE đã mạnh dạn cải tổ lại bộ máy theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa hoạt động. IESE đã áp dụng hệ thống quản lý doanh nghiệp ISO, được cấp các chứng chỉ năng lực hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quan trắc, phân tích môi trường, thiết kế, thi công các công trình kỹ thuật hạ

tầng và môi trường,... Trước bối cảnh mới, IESE tập trung phát huy mạnh hơn nữa tiềm năng của đội ngũ cán bộ khoa học trong Trường ĐHXD; cộng tác viên, doanh nghiệp, hợp tác quốc tế, nghiên cứu các công nghệ mới trong lĩnh vực kỹ thuật hạ tầng và kỹ thuật môi trường; triển khai các giải pháp công nghệ môi trường thông minh, kiểm soát ô nhiễm công nghiệp, xử lý và thu hồi các chất có ích từ nước thải, bùn, chất thải rắn, thúc đẩy phát triển công trình xanh, thành phố thông minh.

KẾT LUẬN

Nhìn lại 30 năm xây dựng và trưởng thành, Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường (IESE), Trường ĐHXD đã phát triển đúng hướng, đạt được nhiều thành tựu toàn diện và đáng tự hào. IESE thực sự đã trở thành một chỗ dựa tin cậy, nơi các cán bộ khoa học của Trường ĐHXD có cơ hội phát huy năng lực và trưởng thành, là địa chỉ tin cậy về nghiên cứu, ứng dụng, cung cấp dịch vụ KHCN về kỹ thuật hạ tầng và KTMT, đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp BVMT của đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, khi nước ta đang trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các vấn đề thực tiễn như ô nhiễm môi trường, suy thoái và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, những ảnh hưởng của BĐKH ngày càng gia tăng khốc liệt, đòi hỏi phải có giải pháp thích ứng cho phù hợp. Xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa, các yêu cầu BVMT và phát triển bền vững, thực thi kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đang đặt ra những thách thức lớn, đồng thời cũng là những cơ hội không nhỏ đối với IESE. Tập thể cán bộ Viện quyết tâm duy trì và nâng cao uy tín, thương hiệu của IESE, góp phần tích cực hơn cho sự phát triển của Trường ĐHXD, của sự nghiệp BVMT, phát triển bền vững của đất nước. ■



▲ IESE tổ chức Hội nghị - Triển lãm quốc tế FSM3



▲ Sinh viên quốc tế thăm mô hình Thu gom nước mưa & Mái nhà xanh tại IESE



CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC MET: CAM KẾT MANG NGUỒN NƯỚC SẠCH CHO BÀ CON VÙNG KHÓ KHĂN



▲ Ông Vũ Tiến Anh - Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ xử lý nước TA

Nước sạch luôn là mối quan tâm hàng đầu của mọi người dân Việt Nam, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, nơi mà nguồn nước đang ngày càng trở nên khó khăn do sự suy giảm của mực nước ngầm, cũng như tình trạng ô nhiễm nguồn nước ngày càng trở nên trầm trọng do các hoạt động của con người. Với cam kết mang nguồn nước sạch cho bà con vùng khó khăn, ông Vũ Tiến Anh - Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ xử lý nước TA đã chia sẻ với phóng viên Tạp chí Môi trường về công nghệ xử lý nước MET (công nghệ năng lượng cơ học), cũng như các hoạt động Công ty triển khai trong thời gian qua.

*** Ông có thể chia sẻ rõ hơn về công nghệ xử lý nước MET?**

Ông Vũ Tiến Anh: Năm 2011, trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng cao, các hệ thống xử lý nước ngầm không đáp ứng triệt để về yêu cầu chất lượng, khối lượng cho người dân, vì thế, Công ty TNHH công nghệ xử lý nước TA đã thiết kế và thành công hệ thống xử lý nước ngầm dùng cho sinh hoạt bằng công nghệ MET. Đặc biệt, năm 2018, Công ty đã thành công trong việc chế tạo hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường mà xã hội quan tâm.

Công nghệ xử lý nước MET khác so với những công nghệ xử lý nước hiện nay. Khi nước vào máy, đủ áp lực dòng nước chảy qua van hơi tự do vào khu vực phân tách, tại đây dòng nước bị phân tách thành các tia nhỏ, nước ở dạng phân tử được hòa trộn với ôxi không khí tạo kết tủa dạng ôxit kim loại lắng lại trên bề mặt cát, phần nước còn lại được thấm qua các lớp vật liệu xuống đáy bể. Dòng nước không bị đẩy ra ngoài tiếp tục được phân tách thành dạng bụi nước được xử lý yếm khí trong hệ thống. Dòng nước thấm xuống đáy bể được hút ngược trở lại hệ thống để xử lý nhờ áp lực dòng và áp suất nén do nước thấm. Bên cạnh nguyên lý cơ học, hệ thống còn sử dụng một hỗn hợp chuyên biệt

được tính toán riêng theo từng loại nước thải nhằm xử lý các thành phần ô nhiễm đặc trưng của loại nước thải đó.

Đặc biệt, MET có thể xử lý triệt để các chất có hại trong nước như chất rắn lơ lửng, kim loại nặng, chất khí, vi sinh vật..., nhưng vẫn giữ được các chất khoáng có lợi cho cơ thể và không gây ra mùi. Nước sau xử lý đáp ứng được những tiêu chuẩn như QCVN 14:2008/BTNM và QCVN 40:2011/BTNMT của Bộ TN&MT. Công nghệ này yêu cầu đầu tư thấp nhưng độ bền cao, hoạt động ở mức áp suất thấp, máy được làm bằng nhựa PVC (có độ bền tới 50 năm). Bên cạnh đó, chi phí vận hành thấp, máy hoạt động không cần các lõi lọc và có thể vận hành mà không có điện, hay các hóa chất, không giới hạn khối lượng nước được xử lý. Công nghệ MET còn tiết kiệm được 75% diện tích so với

các phương thức xử lý nước truyền thống và có thể xử lý nhiều nguồn nước khác nhau (nước ngầm, mưa, sông suối, nước thải công nghiệp...). Hệ thống hoạt động hoàn toàn tự động mà không cần đến nhân sự có trình độ cao, có thể sử dụng lao động phổ thông để vận hành hệ thống.

Với những ưu điểm như trên, công nghệ MET đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Bằng chứng nhận sáng chế độc quyền và còn vinh dự nhận được rất nhiều bằng sáng chế của các tổ chức quốc tế khác như: Huy chương bạc tại Cuộc thi Japan Design, Idea & Invention Expo (Nhật Bản) năm 2018; Huy chương vàng về công nghệ xử lý nước thải công nghiệp tại Hội chợ Kaohsiung International Invention & Design Expo 2018 (Đài Loan); Huy chương vàng Cuộc thi Giải pháp công nghệ toàn cầu iCAN 2017



(Canada); Giải Sáng tạo Cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo phụ nữ và tương lai của nền kinh tế xanh (Việt Nam)...

*** Công nghệ này đã được áp dụng hiệu quả ở những địa phương nào, thưa ông?**

Ông Vũ Tiến Anh: Thời gian qua, Công ty đã triển khai lắp đặt hệ thống xử lý nước bằng công nghệ MET cho khoảng 700 hộ gia đình tại một số khu vực nông thôn ở Hà Nam, Thanh Hóa, Hải Phòng, Thái Bình, Thái Nguyên... và ký kết với các công ty như: Xi măng Chínfon (Hải Phòng), gỗ Bình Minh (Ninh Bình), ống nhựa DISMY (Hưng Yên), Poshaco, Cao su Đồng Nai, cơ sở sản xuất rượu tại Lập Lễ, Hải Phòng... Đây là bước chuyển mình thành công đối với công nghệ MET nói chung và ngành công nghiệp môi trường nói riêng. Với việc các công ty nước ngoài tin tưởng và sử dụng những công nghệ được kỹ sư trong nước chế tạo, đây là động lực cho sự phát triển không ngừng của ngành dịch vụ môi trường nước ta trong tương lai gần.

Quá trình sử dụng công nghệ MET cho thấy nhiều ưu điểm như: Hệ thống hoạt động ổn định, công suất lớn, xử lý được nhiều nguồn nước khác nhau (kể cả nguồn nước bị ô nhiễm); loại bỏ hoàn toàn các chất rắn lơ lửng và các chất khoáng không có lợi cho con người (như asen, phèn, sắt...) và giữ lại các chất khoáng có lợi cho sức khỏe; xử lý triệt để các chất khí như metan, hydro sulfur, amoni,...; tuổi thọ của máy có thể lên đến hơn 10 năm... Chất lượng nước sau xử lý bằng công nghệ MET được kiểm tra đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế (QCVN 01:2009/BYT, QCVN 02:2009/BYT); nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp sau xử lý đạt các quy chuẩn theo QCVN 14:2008/BTNM và QCVN 40:2011/BTNMT của Bộ TN&MT.

*** Được biết, Công nghệ MET cam kết mang nguồn nước sạch tới cho bà con vùng khó khăn, vậy Công ty đã triển khai những hoạt động gì?**

Ông Vũ Tiến Anh: Công nghệ xử lý nước thải MET dù mới được nghiên cứu và phát triển từ năm 2012 nhưng đã gặt hái được nhiều thành công. Không chỉ được sự tin tưởng hợp tác của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, Công ty đã kết hợp với Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển (PHAD), thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam lên kế hoạch kêu gọi nguồn tài trợ nhằm mang đến nguồn nước sạch cho bà con vùng khó khăn, thiếu nguồn nước sạch sinh hoạt. Khi đã đủ kinh phí triển khai, Công ty và PHAD đã chọn

địa bàn xã Hà Lâm, huyện Hà Trung, Thanh Hóa để thực hiện chiến dịch mang nguồn nước sạch đến cộng đồng.

Xã Hà Lâm có đặc điểm là xã có kinh tế khó khăn. Người dân nơi đây chủ yếu trồng lúa và làm hoa màu là chủ yếu. Điều kiện cơ sở vật chất thiếu thốn không có điều kiện đầu tư các công trình lọc nước riêng cho gia đình. Vùng này còn thường hay xảy ra bão lũ nên tình trạng nước sạch lại càng thêm khan hiếm. Các nguồn nước tự nhiên nơi đây đa số bị nhiễm phèn nặng hoặc bị ô nhiễm thuốc sâu và phân bón hóa học. Từ những khó khăn của xã, ngày 19/9/2018, buổi họp đầu tiên được tổ chức nhằm mục đích giới thiệu về kế hoạch nước sạch tại xã Hà Lâm. Buổi họp có sự tham gia của lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền địa phương, các ban, ngành liên quan và đại diện người dân các thôn trong xã. Khi nghe Công ty trình bày kế hoạch triển khai của dự án, chính quyền địa phương và đại diện người dân nhiệt tình hưởng ứng, bởi nhiều năm nay, xã luôn bị thiếu nguồn nước sạch cho sinh hoạt. Người dân ở đây chủ yếu sử dụng nguồn nước từ giếng đào, giếng khoan. Đối với 1 số người dân tộc thiểu số phải dùng cả nước sông, suối mới đủ cho sinh hoạt. Trong cuộc họp, Công ty giới thiệu các ưu điểm vượt trội của công nghệ MET mang lại. Đồng thời, cam kết với chính quyền và người dân: Luôn đảm bảo mang đến nguồn nước sạch, an toàn và hợp vệ sinh đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt.

*** Để phát triển công nghệ này, cũng như mang đến cho người dân nguồn nước sạch, ông có đề xuất, kiến nghị gì?**

Ông Vũ Tiến Anh: Nhằm đưa công nghệ MET được sử dụng rộng rãi, phổ biến, với sứ mệnh hồi sinh lại những dòng sông bị ô nhiễm, Công ty mong muốn tham gia xử lý nước từ đầu nguồn của các dòng sông qua việc lắp đặt MET cho các trạm xử lý nước. Khi ấy, không cần phải lắp từng thiết bị cho hộ gia đình. Đây chính là câu trả lời cho giá trị cốt lõi của Công ty: Khởi nghiệp vì lợi ích cộng đồng.

Với định hướng này, Công ty đang phối hợp cộng tác với các tổ chức phi Chính phủ nhằm mang đến cho người dân nguồn nước sạch nhưng gần như không phải mất tiền. Khi sử dụng công nghệ này tại các trạm xử lý nước công cộng, người dân ở các vùng sâu, vùng xa, nông thôn chỉ phải bỏ ra một số chi phí nhỏ để quản lý, trông coi công trình.

Ngoài ra, khi tham gia vào Cổng thông tin Đổi mới sáng tạo và Chuyển giao công nghệ (Techport.vn) do Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh vận hành, Công ty cũng mong muốn phổ biến rộng rãi công nghệ MET qua các buổi giới thiệu công nghệ; kết nối với các nơi có nhu cầu và được tạo điều kiện triển khai ứng dụng rộng rãi trên địa bàn thành phố, qua đó, người dân được "hưởng thụ" nguồn nước sạch. Đồng thời, Công ty mong được tiếp cận nhiều hơn nữa tới những hoạt động chiều sâu trong cộng đồng khởi nghiệp, cũng như nhiều hỗ trợ thiết thực từ các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhằm cung cấp nước sạch cho người dân, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng trên cả nước.

*** Trân trọng cảm ơn ông!**

ĐỨC ANH (Thực hiện)



XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ NHỰA TÁI CHẾ - GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIỆU QUẢ

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã thành công trong việc nghiên cứu tái chế rác thải nhựa (RTN) và ứng dụng vào thực tiễn, giải quyết các thách thức về ô nhiễm môi trường do RTN. Nhằm biến rác thải nhựa thành những sản phẩm mới, Công ty Dow Chemical Việt Nam (Dow) và Công ty TNHH DEEP C đã ký Thỏa thuận Hợp tác về việc xây dựng đường giao thông từ nhựa tái chế đầu tiên tại Tổ hợp công nghiệp DEEP C tại TP. Hải Phòng. Đây được xem là giải pháp cứu cánh nhằm giảm thiểu ô nhiễm trắng - chất thải nhựa đối với Việt Nam nói riêng và nhiều quốc gia trên thế giới nói chung. Để tìm hiểu rõ hơn về Dự án này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Ekkasit Lakkananithiphan - Tổng Giám đốc Công ty Dow Chemical Việt Nam.



▲ Ông Ekkasit Lakkananithiphan - Tổng Giám đốc Công ty Dow Chemical Việt Nam

***Ông có thể giới thiệu đôi nét về Dự án hợp tác xây dựng đường giao thông từ nhựa tái chế đầu tiên tại Việt Nam?**

Ông Ekkasit Lakkananithiphan: Theo nội dung Thỏa thuận đã ký kết, đoạn đường giao thông thử nghiệm làm từ nhựa tái chế đầu tiên dài 1 km tại Khu công nghiệp Đình Vũ (DEEP C), sẽ hoàn thành vào tháng 9/2019 và chuyển hóa gần 4 tấn bao bì nhựa dẻo - tương đương với khoảng 1 triệu bao bì nhựa từ các khách hàng của Dow tại các khu vực lân cận cung cấp. Các loại bao bì nhựa dẻo đã qua sử dụng như màng nhựa polyethylen, sau khi làm sạch, sấy khô và nghiền nhỏ, nhựa được trộn với nhựa đường ở nhiệt độ khoảng 150 - 180°C. Ở nhiệt độ này, nhựa bị nóng chảy hoàn toàn, hòa với nhựa đường giúp nâng cao độ bền cho con đường. Đường giao thông được làm từ nhựa tái chế còn có khả năng giảm khí thải nhà kính bằng cách thay thế một phần chất nhựa bitum cần có trong nhựa đường. Đây cũng là một minh chứng cho thấy rác thải nhựa có khả năng trở thành một nguồn tài nguyên tái tạo có giá trị, góp phần phát triển nền kinh tế tuần hoàn nhựa.

Vừa qua, Đoàn chuyên gia của Công ty TNHH Dow Chemical Việt Nam đã tiến

hành những bước thí nghiệm đầu tiên tại Trung tâm tư vấn phát triển thuộc trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Theo đó, tại trạm trộn bê tông nhựa asphalt, các kỹ sư đã thực hiện 4 mẫu gồm một mẫu trộn bê tông nhựa thông thường và ba mẫu có thành phần là RTN sau khi đã được làm sạch, sấy khô, nghiền nhỏ, trộn với cốt liệu. Đối với mẫu có trộn phế thải nhựa, sau khi nung trộn ở nhiệt độ 170°C, các chuyên gia của Đại học Hàng hải tiến hành đúc khuôn bằng máy đầm và chính thức thử độ dẻo, ổn định, độ rỗng cốt liệu, rỗng dư... cũng như các thông số kỹ thuật khác để so sánh với mẫu đường bê tông thông thường. Các thông số kỹ thuật của mẫu bê tông có trộn phế thải nhựa không những đạt tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8860 - 1:2011 về bê tông nhựa - phương

pháp thử, mà một số tiêu chí còn có phần tốt hơn.

Trên cơ sở kết quả thí nghiệm khả quan trên, Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với trường Đại học Hàng hải triển khai những bước tiếp theo để có được kết quả hoàn thiện hơn, đồng thời sớm đưa vào triển khai 1 km đường thử nghiệm đầu tiên từ bê tông nhựa có trộn RTN, trước khi nhân rộng trên toàn Khu công nghiệp DEEP C.

Theo thống kê của các chuyên gia về môi trường, ước tính đến nay, con người trên thế giới đã sản xuất khoảng 8,3 tỷ tấn nhựa, trong đó 6,3 tỷ tấn đã trở thành phế thải và 79% trong số đó hiện còn đang nằm tại các bãi rác hoặc ngoài môi trường tự nhiên. Hy vọng, trong tương lai, Dự án sẽ thu hút chính quyền địa phương, các đơn vị thu gom rác thải và chuỗi giá trị ngành



nhựa cùng nhau giải quyết các vấn đề liên quan đến rác thải biển và rác thải nhựa tại Việt Nam, đồng thời phát triển thị trường đầu ra tốt hơn cho RTN. Sự hợp tác liên kết trên là một giải pháp cho sự phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

***Thời gian qua, Công ty Dow Chemical Việt Nam đã áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn như thế nào, thưa ông?**

Ông Ekkasit Lakkananithiphan: Dow đã có mặt ở Việt Nam kể từ năm 1995. Hiện nay, Công ty có khoảng 110 nhân viên tại 3 cơ sở, phục vụ khách hàng trong các ngành chăm sóc người tiêu dùng, cơ sở hạ tầng và công nghiệp đóng gói bao bì. Dow là đối tác đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam bằng cách tạo giá trị gia tăng cho những ngành công nghiệp sản xuất tiên tiến, cung cấp các giải pháp đổi mới sáng tạo và bền vững, nhằm giúp Việt Nam giải quyết các thách thức, đồng thời cũng là một thành viên quan tâm chăm lo đến cộng đồng.

Trong những năm qua, Công ty không chỉ tập trung vào sản xuất xanh mà luôn tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, tạo cơ hội để họ tiếp cận, nhận diện sản phẩm thân thiện với môi trường qua thông tin trên bao bì, nhãn hàng hóa. Từ đó xây dựng chính sách tài chính, khuyến khích người tiêu dùng thực hiện tiêu dùng xanh.

Hiện nay, Dow là thành viên sáng lập của Liên minh chấm dứt rác thải nhựa (AEPW), một tổ chức mới thành lập với cam kết ủng hộ hơn 1 tỷ USD với mục tiêu huy động 1,5 tỷ USD trong 5 năm tới để phát triển và mở rộng các giải pháp quản lý chất thải nhựa và thúc đẩy các giải pháp sau khi sử dụng nhựa. AEPW hiện bao gồm gần 30 công ty, sẽ phát triển, mở rộng các giải pháp nhằm giảm thiểu và quản lý chất thải nhựa; thúc đẩy các giải pháp bằng cách chuyển sang nền kinh tế tuần hoàn cho nhựa. Thành viên của AEPW là đại diện của các công ty và tổ chức toàn cầu ở khắp Bắc, Nam Mỹ, châu Âu, Á, Phi và Trung Đông. AEPW sẽ đầu tư và thúc đẩy tiến độ trong 4 lĩnh vực chính: Phát triển cơ sở hạ tầng để thu gom, quản lý chất thải, gia tăng tái chế; Đổi mới sáng tạo để cải tiến, mở rộng các công nghệ mới giúp tái chế, thu hồi nhựa dễ dàng hơn và tạo ra giá trị từ tất cả các loại nhựa đã qua sử dụng; Giáo dục, hợp tác với Chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng để kêu gọi hành động; Dọn dẹp các khu vực tập trung chất thải nhựa đang tồn tại trong môi trường, đặc biệt là các hệ thống dẫn chất thải chính như các dòng sông, đại dương.

Vai trò lãnh đạo tiên phong của Dow trong AEPW thể hiện qua những hành động, cam kết và sự đầu tư của công ty nhằm loại bỏ RTN khỏi môi trường. Tháng 10/2018, Dow đã hỗ trợ Circulation Capital (công ty quản lý đầu tư nhằm ngăn chặn tình trạng thải nhựa ra đại dương) tái chế và quản lý chất thải trên khắp

khu vực Nam, Đông Nam Á. Dow cũng là thành viên của Hợp tác hành động nhựa toàn cầu tại Diễn đàn kinh tế thế giới, với mục đích trở thành cầu nối giữa các doanh nghiệp, xã hội dân sự, chính quyền quốc gia, địa phương, nhóm cộng đồng và chuyên gia để cùng nhau hợp tác giải quyết ô nhiễm RTN. Năm 2018, các nhân viên của Dow đã tham gia thực hiện 55 chương trình dọn dẹp rác thải trên toàn cầu, loại bỏ gần 24 tấn rác thải trên bãi biển và đường thủy.

Đổi mới sản phẩm là một phần quan trọng khác trong nỗ lực chấm dứt RTN ra môi trường của Dow. Công nghệ RecycleReady của Dow cho phép các nhà sản xuất tạo ra bao bì đủ tiêu chuẩn dán nhãn "Tái chế -How2Recycle" của Liên minh bao bì bền vững và đáp ứng việc tái chế thông qua các dòng tái chế polyetylen. Dow cũng tiếp tục tập trung vào các công

nghệ tương thích hóa cho

phép vật liệu đóng gói đa lớp được tái chế thành các sản phẩm mới. Từ năm 2014, Dow đã triển khai Chương trình thu thập nhựa khó tái chế và sau đó biến chúng trở thành những tài nguyên có giá trị. Tính đến tháng 7/2018, Chương trình đã thu gom được hơn 176.500 túi và chuyển hơn 115 tấn nhựa từ các bãi chôn lấp để đem đi tái chế.

Một bước tiến nữa mà Dow đang thực hiện để hoàn thiện các hoạt động kinh tế tuần hoàn của mình là thúc đẩy phát triển các mô hình kinh doanh tái chế thương mại mới và chiến lược tăng trưởng nhằm đem lại lợi nhuận từ việc tái chế chất thải nhựa trên toàn cầu.

***Để triển khai áp dụng Dự án này tại Việt Nam, cũng như đẩy mạnh thực hiện kinh tế tuần hoàn, trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch gì?**



▲ Bê tông làm từ RTN đang trong quá trình nghiên cứu, kiểm nghiệm trước khi áp dụng vào thực tế



Ông Ekkasit Lakkananithiphan: Những loại nhựa dùng một lần không thể tái chế, thay vì kết thúc ở bãi chôn lấp hay thải ra biển, sẽ được sử dụng để làm những con đường. Không những giải quyết vấn đề về môi trường, việc này còn mở ra thị trường cho loại rác nhựa, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. Khó khăn lớn nhất của Dự án cũng là việc kết nối các bên liên quan với nhau.

Áp dụng triết đề “tư duy tuần hoàn” trong hoạt động thiết kế, sản xuất và tái chế hàng hóa, nền kinh tế tuần hoàn sẽ mở ra cơ hội thị trường trị giá ít nhất 4,5 nghìn tỷ USD cho doanh nghiệp, tạo ra hàng trăm triệu việc làm mới, giúp doanh nghiệp giảm thiểu bớt các rủi ro đến từ việc khan hiếm nguyên liệu và biến động giá tài nguyên, cũng như tạo điều kiện để doanh nghiệp đón đầu chính sách khi các nhà lập pháp sẽ xây dựng thêm nhiều chính sách mới để định hướng hoạt động của doanh nghiệp theo Chiến lược tăng trưởng xanh, bền vững của quốc gia.

Tại Hội nghị Đại dương của chúng ta, tổ chức tại Bali, Indônêxia, tháng 10/2018, Dow đã công bố kế hoạch tài trợ thêm 1 triệu USD cho Tổ chức BVMT biển trong hai năm (2019 - 2020) để hỗ trợ giải pháp thu gom và tái chế rác thải cho các nước Đông Nam Á. Số tiền này sẽ được sử dụng cho dự án tăng cường năng lực của tổ chức phi Chính phủ địa phương và hợp tác với lãnh đạo thành phố để phát triển, mở rộng, nhân rộng những giải pháp thu gom, tái chế rác thải hiệu quả.

Thông qua việc áp dụng tư duy kinh tế tuần hoàn, hợp tác xuyên suốt chuỗi giá trị và cải tiến sản phẩm mới, cũng như cam kết của nhân viên, khách hàng nhằm chấm dứt tình trạng ô nhiễm rác thải nhựa, trong thời gian tới, Dow sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác trong ngành, chính quyền địa phương, quốc gia, quốc tế, tổ chức phi Chính phủ và người tiêu dùng để đảm bảo phát triển các giải pháp kinh tế tuần hoàn cho ngành nhựa.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

HỒNG NHUNG (Thực hiện)

****Xin ông cho biết lý do để Công ty tham gia hưởng ứng Phong trào Chống rác thải nhựa BVMT do Thủ tướng Chính phủ và Bộ TN&MT phát động?***

Ông Ganesan: Ngày nay, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường trở nên bức thiết hơn bao giờ hết, đặc biệt là các vấn đề về rác thải nhựa. Tất cả chúng ta đều nhận thấy rằng, rác thải nhựa là một vấn đề phức tạp không thể giải quyết được bởi một cá nhân hay một tổ chức, mà nó đòi hỏi một giải pháp đồng bộ với sự tham gia và cam kết thực hiện dài hạn của tất cả cơ quan, ban, ngành, các tổ chức và cá nhân. Điều này cũng thể hiện rõ trong Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó Chính phủ đã đưa ra các chủ trương xã hội hóa công tác BVMT, qua đó kêu gọi các tổ chức và các cá nhân cùng tham gia, đóng góp sáng kiến, hành động thiết thực.

Về phía Tập đoàn Nestlé, chúng tôi đã đưa ra cam kết tái chế và tái sử dụng 100% bao bì sản phẩm đến năm 2025 trên toàn cầu. Để hiện thực hóa cam kết này, Nestlé Việt Nam đã hợp tác với các doanh nghiệp trong ngành, tổ chức xã hội, cũng như cơ quan Chính phủ triển khai nhiều sáng kiến và tổ chức nhiều hoạt động trong Phong trào Chống rác thải nhựa BVMT.

****Để thực hiện cam kết này, Công ty có giải pháp gì nhằm đặt ra mục tiêu tái chế và tái sử dụng các bao bì sản phẩm không chất thải rắn ra môi trường?***

Ông Ganesan: Để hiện thực hóa mục tiêu trên, Nestlé thực hiện hàng loạt các sáng kiến, thông qua hoạt động hợp tác, phối hợp với nhiều tổ chức môi trường của Chính phủ, cụ thể: Công ty đi tiên phong hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và bao bì, ký kết thành lập Liên minh Tái chế Bao bì - PRO Vietnam với mong muốn góp phần vì một Việt Nam Xanh - Sạch - Đẹp, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua việc làm cho quá trình thu gom và tái chế bao bì sản phẩm được thực hiện theo cách dễ tiếp cận và bền vững. Tham gia Liên minh chống rác thải nhựa do Bộ TN&MT tổ chức với sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với các cam kết 100% rác thải từ nhà máy được thu gom, phân loại tại nguồn; 100% các nhà máy không chôn lấp rác thải rắn ra môi trường.

Trong dịp hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới và Ngày biển đảo Việt Nam năm 2019, Công ty đã tham gia thực hiện Chương trình nâng cao nhận thức và hỗ trợ trang bị thùng rác phân loại rác tại nguồn cho người dân tỉnh Bạc Liêu do Bộ TN&MT tổ chức; Liên kết với Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai trồng cây vì môi trường; Tham gia Ngày hội tái chế chất thải.

Từ năm 2018, Nestlé Việt Nam đồng hành đồng hành cùng doanh nghiệp xã hội mGreen triển khai sáng kiến “Phân loại và tái chế rác thải” tại các tòa nhà dân cư và trường học tại khu đô thị Vinhomes Central Park, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh xây dựng thói quen phân loại rác tại nguồn cho người dân và các em học sinh để hỗ trợ thu gom, xử lý rác tái chế.

Mùa hè năm 2019, Công ty triển khai Chương trình



Công ty Nestlé Việt Nam: Hiện thực hóa các cam kết bảo vệ môi trường, phát triển bền vững



▲ Ông Ganesan Ampalavanar - Tổng Giám đốc Công ty Nestlé Việt Nam

"Cùng Nestlé lan tỏa hè vui", nhằm nâng cao ý thức cho người tiêu dùng, kêu gọi mọi người giữ gìn môi trường sạch, đẹp và bỏ rác đúng nơi quy định, triển khai ở một loạt địa điểm công cộng của 19 tỉnh/thành phố trên toàn quốc, thu đổi trên 13.000 vỏ chai sản phẩm đã qua sử dụng.

Đối với Nestlé Việt Nam, các hoạt động và mục tiêu BVMT kể trên được thực hiện một cách nhất quán và đồng bộ tại tất cả các địa phương mà Công ty có hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty liên tục tổ chức các hoạt động để góp phần nâng cao nhận thức về vấn đề rác thải nhựa của nhân viên. Một trong những hoạt động điển hình là việc tình nguyện làm sạch bãi biển tổ chức ngày 9/6/2019. Trong 1 ngày, hơn 300 nhân viên Công ty Nestlé Việt Nam đã làm sạch bãi biển thuộc thị trấn Phước Hải, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thu gom hơn 1,1 tấn rác các loại, để đưa về khu xử lý rác tập trung.

***Được biết, từ năm 2018, Nestlé Việt Nam đồng hành cùng mGreen triển khai Chương trình "Phân loại và tái chế rác thải" tại các toà nhà dân cư và trường học tại khu đô thị. Đây là sáng kiến thuộc chuỗi các hoạt động thực hiện nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi góp phần BVMT và hành tinh. Vậy**

Nestlé Việt Nam, Top 10 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam tiếp tục khẳng định cam kết thực hiện các mục tiêu BVMT và phát triển bền vững do Thủ tướng Chính phủ phát động và Tập đoàn Nestlé đề ra. Đồng thời, Nestlé Việt Nam còn đi tiên phong hiện thực hóa hàng loạt sáng kiến cũng như hợp tác với các doanh nghiệp hưởng ứng "Tháng hành động vì môi trường". Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với ông Ganesan Ampalavanar - Tổng Giám đốc Công ty Nestlé Việt Nam về việc triển khai các sáng kiến để giảm thiểu rác thải nhựa, BVMT.

đến nay hoạt động này diễn ra như thế nào?

Ông Ganesan: Trong khuôn khổ Dự án này, Nestlé Việt Nam tiếp tục đồng hành cùng mGreen triển khai tại trường Tiểu học và Trung học Vinschool Central Park. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Dự án kết hợp với nhà trường cùng các em học sinh phân loại và thu gom được hơn 2,2 tấn rác thải các loại trong trường. Bên cạnh đó, Dự án còn thành lập Câu lạc bộ Đại sứ môi trường gồm các em học sinh là nòng cốt tuyên truyền về vấn đề BVMT trong các lớp. Dự kiến trong năm nay chúng tôi sẽ mở rộng Dự án tại một số trường tiểu học và THCS ở quận Bình Thạnh, thu hút sự tham gia của hơn 3.500 em học sinh. Mục tiêu và ưu tiên của chúng tôi là tăng cường kết nối với nhà trường và phụ huynh học sinh để cùng lan tỏa thông điệp và chung tay hành động BVMT. ***Để triển khai hiệu quả và lâu dài các cam kết chống**

rác thải nhựa cũng như công tác BVMT cho tương lai, ông có kiến nghị, đề xuất gì với các cơ quan chức năng?

Ông Ganesan: Chúng tôi kiên trì thực hiện các sáng kiến để hiện thực hóa mục tiêu tái chế và tái sử dụng 100% bao bì sản phẩm đến năm 2025 mà Tập đoàn Nestlé đã đưa ra. Bên cạnh đó, Nestlé Việt Nam cũng là một đơn vị đi tiên phong trong việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, một mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất và dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất, loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường xuyên suốt các hoạt động sản xuất. Nhờ đó, Nestlé Việt Nam đã được vinh dự bình chọn Top 10 Doanh nghiệp bền vững của Việt Nam.

Để triển khai hiệu quả và lâu dài các cam kết chống rác thải nhựa, chúng tôi cho rằng cần thúc đẩy và mở rộng mô hình kinh tế tuần hoàn. Cùng với đó, Chính



▲ Đại diện Công ty Nestlé Việt Nam trao tặng thùng rác cho người dân tỉnh Bạc Liêu



▲ Nestlé Việt Nam đồng hành cùng mGreen triển khai dự án tại trường Tiểu học và Trung học

phủ và các bên liên quan cần quan tâm phát triển việc thu gom và tái chế bao bì, hướng đến giảm thiểu lượng bao bì thải ra môi trường cũng như có cơ chế, chính sách phù hợp vào việc khuyến khích người tiêu dùng, doanh nghiệp có sáng kiến, đóng góp tích cực trong hoạt động chống rác thải nhựa nói riêng và BVMT nói chung.

***Là thương hiệu lớn trên thế giới với thời gian hơn 150 năm hoạt động, vậy Nestlé có đóng góp gì vào sự phát triển bền vững của Việt Nam?**

Ông Ganesan: Tháng 7 vừa qua, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân đã có buổi làm việc với Công ty Nestlé Việt Nam. Bên cạnh việc chia sẻ về các sáng kiến cũng như thành quả đã đạt được, chúng tôi cam kết tiếp tục chia sẻ kinh nghiệm thực tế, đồng thời tăng cường hỗ trợ công tác tuyên truyền hoạt động BVMT, hướng tới phát triển bền vững và sắp tới là “Hội nghị Toàn quốc về quản lý chất thải rắn” do Thủ tướng Chính phủ chủ trì.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)

Một bãi rác tồn tại hơn 20 năm, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe và cuộc sống sinh hoạt của người dân đã được biến thành công viên xanh mát. Người làm nên điều kỳ diệu này là doanh nhân Trần Văn Kiều (sinh năm 1977) - Giám đốc Công ty TNHH Tân Thiên Phú.

Sinh ra và lớn lên ở làng nghề cơ khí nổi tiếng xã Xuân Tiến (huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định), anh Kiều luôn ấp ủ dự định nghiên cứu, sáng tạo ra những loại máy móc hữu ích phục vụ cuộc sống, giảm sức lao động cho người dân. Hiện thực hóa ước mơ, năm 2009, anh cho ra đời các sản phẩm đầu tay như máy nghiền rơm, ấp trứng... Tiếp đó, năm 2012, anh nghiên cứu, chế tạo thành công máy nghiền rác, có thể nghiền, cắt được nhiều loại rác khác nhau. Tuy nhiên, qua thực tế, máy nghiền rác mới chỉ làm giảm thể tích rác thải, kéo dài thời gian khai thác bãi chôn lấp, chưa giải quyết triệt để vấn đề tồn đọng trong công tác xử lý rác thải. Vì vậy, anh quyết định chuyển hướng sang nghiên cứu công nghệ lò đốt. Sau 2 năm nghiên cứu công nghệ xử lý rác của một số nước tiên tiến trên thế giới, bằng phương pháp tổng hợp, sáng tạo, anh Kiều đã chế tạo thành công Lò đốt rác thải sinh hoạt (RTSH) bằng phương pháp đốt tự nhiệt phân, tự sinh năng lượng Losiho.

Đặc biệt, năm 2017, thực hiện chủ trương xã hội hóa trong công tác xử lý rác thải của tỉnh Nam Định, anh Kiều làm đơn xin phép UBND huyện Xuân Trường cho triển khai Dự án “Tổ hợp xử lý rác thải sinh hoạt” tại bãi rác thị trấn. Mô hình công viên bãi rác được khởi công ngày 11/5/2017, trên diện tích 2 ha, với tổng mức đầu tư hơn 8 tỷ đồng, đến nay đã hoàn thành các hạng mục xây dựng. Đây là công viên cây xanh kết hợp với khu vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao được xây dựng trên nền bãi rác đã bị quá tải trước đây của thị trấn Xuân Trường. Công viên có khu xử lý rác rộng 2.500 m², với hệ thống xử lý rác Losiho khép kín từ khâu thu gom, phân loại, xử lý và tái chế các loại chất thải sinh hoạt, công suất 50 tấn rác/ngày, có thể xử lý rác cho 5 - 7 xã. Tại đây, các loại rác thu gom, sau khi phân loại, được tái chế; số không thể tận dụng sẽ phân thành rác hữu cơ và vô cơ. Rác vô cơ được đem đốt, còn rác hữu cơ xử lý thành đất trồng cây. Lò đốt RTSH Losiho được chia thành hai ngăn: Buồng đốt sơ cấp và buồng đốt thứ cấp. Buồng đốt sơ cấp gồm không gian sấy, không gian cháy chính; buồng đốt thứ cấp gồm không gian cháy kiệt, khoang lưu khí, các chất đốt kiệt ngăn ngừa tái sinh khí độc. Lượng nhiệt duy trì quá trình cháy trong lò do rác thải tạo ra trên cơ sở tận dụng tối đa các nhiệt bức xạ, nhiệt lượng trong quá trình phản ứng hóa học, phân hủy rác mà không cần bất kỳ nguồn năng lượng khác từ bên ngoài. Khí gas sinh ra từ quá trình nhiệt phân không chỉ đốt cháy rác ở buồng đốt sơ cấp mà còn được chuyển lên buồng đốt thứ cấp để đốt triệt để



Người biến bãi rác thành... công viên

khí độc trước khi qua thiết bị xử lý khí, rồi thải ra môi trường. Sau khi rác được đốt thành tro xỉ, có thể sàng lọc để làm phân bón, phụ gia sản xuất vật liệu gạch không nung... Lò đốt Losiho có những ưu điểm vượt trội như: Diện tích đất lò đốt không lớn, công suất 100 tấn/ngày/lò; kinh phí đầu tư, chi phí vận hành thấp, tiêu tốn ít nhiên liệu nên khả năng đốt được duy trì liên tục, không gây tồn trữ rác thải; hệ thống lò đốt thiết kế cháy tối đa, xử lý khói triệt để, không gây ô nhiễm môi trường. Dự án hoàn thành đã góp phần giải quyết vấn đề xử lý RTSH trên địa bàn thị trấn, hạn chế tỷ lệ chôn lấp xuống còn dưới 10%.

Theo kết quả lấy mẫu phân tích của Sở TN&MT tỉnh Nam Định, Trung tâm Quan trắc môi trường (Tổng cục Môi trường) năm 2016, khí phát thải từ Lò đốt RTSH Losiho đảm bảo các chỉ tiêu, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Năm 2017, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) đã cấp Bằng độc quyền sáng chế cho Lò đốt. Sản phẩm cũng đã được bình chọn là một trong 10 sản phẩm dịch vụ tiêu biểu vì thiên nhiên, môi trường bền vững, do Ban Tổ chức Chương trình công nghệ xanh quốc gia chứng nhận. Đặc biệt, năm 2018, Công viên bãi rác do anh Trần Văn Kiều làm chủ còn vinh dự đón Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về tham quan. Tại đây, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đánh giá cao sự sáng tạo của Ban Giám đốc, đội ngũ kỹ sư của Công ty TNHH Tân Thiên Phú. Thủ tướng yêu cầu UBND tỉnh Nam Định, huyện Xuân Trường tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện để Công ty TNHH Tân Thiên Phú, cũng như các doanh nghiệp trên địa bàn nhân rộng mô hình công viên cây xanh, xử lý rác thải bằng công nghệ Lò đốt Losiho, chung tay BVMT, xây dựng nông thôn mới bền vững.

Mô hình công viên còn có thêm nhiều hạng mục trồng cây xanh, hoa, xây dựng khu vui chơi, giải trí. Theo



▲ Nhìn từ trên cao, công viên bãi rác rợp bóng cây xanh

đó, sau khi san lấp, xử lý hết số rác hiện có, trên nền bãi rác cũ, anh Kiều phân chia thành các khu trồng cây bóng mát và dành 1 phần để đầu tư xây dựng sân tập các môn thể thao như cầu lông, bóng đá, bóng bàn, hồ nước nhân tạo... Hiện anh Kiều đã trồng được khoảng 50 cây bóng mát trong khuôn viên. Ở các khu vực như tường bao dẫn vào bãi rác, cây, hoa cũng đã phủ kín bề mặt. Như vậy, ngoài việc xử lý rác thải, Công viên bãi rác của anh Kiều còn trở thành “điểm đến thân thiện”, thu hút hàng trăm lượt người đến thăm quan, vui chơi mỗi ngày.

Với những sáng tạo và cống hiến hữu ích, anh Trần Văn Kiều là một trong những tài năng trẻ được Chủ tịch nước gặp mặt, biểu dương, tặng Danh hiệu “Doanh nhân thời đại Hồ Chí Minh” giai đoạn 2011 - 2015; Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng “Giải thưởng Lương Định Của”

(năm 2011); Bộ Khoa học và Công nghệ tặng Giải thưởng “Tài năng trẻ khoa học công nghệ Việt Nam” (năm 2012); Huy chương Vàng “Đổi mới - sáng tạo” của Bộ Khoa học và Công nghệ (năm 2014). Anh cũng là một trong những điển hình tiên tiến được tuyên dương nhân kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc.

Hiện nay, Lò đốt RTSH Losiho đã được nhiều địa phương đưa vào sử dụng. Tính đến đầu năm 2019, Công ty TNHH Tân Thiên Phú đã cung cấp ra thị trường 150 lò đốt rác thương hiệu Losiho trên toàn quốc, chiếm thị phần số 1 Việt Nam về sản lượng lò đốt rác thải sinh hoạt. Thời gian tới, anh Trần Văn Kiều cùng cán bộ công nhân viên Công ty sẽ tập trung vào các sản phẩm Lò đốt Losiho, hoàn thiện hệ thống xử lý khí thải thân thiện với môi trường.

**NGUYỄN ĐÌNH VIỆT
LÊ PHƯƠNG**



Làng tre Phú An - Khu bảo tồn hệ sinh thái tre xanh của Việt Nam

Làng tre Phú An có tên đầy đủ là Khu Bảo tàng sinh thái tre và bảo tồn thực vật Phú An, thuộc xã Phú An (thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương), được đánh giá là có bộ sưu tập tre lớn nhất Đông Nam Á. Nơi đây lưu giữ khoảng 1.500 bụi tre với 300 mẫu tre, trúc, nứa, thuộc 17 giống (chiếm 90% giống tre của Việt Nam). Trong đó, có nhiều giống tre quý hiếm như mai ống, vàng sọc, ngà... Đây là khu bảo tồn hệ sinh thái tre xanh đầu tiên tại Việt Nam, cũng như Đông Nam Á. Phú An đã được nhận Giải thưởng Xích đạo của Liên hợp quốc về đa dạng sinh học, phục vụ cho phát triển cộng đồng, ứng phó với biến đổi khí hậu (năm 2010); được công nhận là thành viên của Hiệp hội các vườn thực vật nổi tiếng Pháp từ năm 2016.

ĐA DẠNG, PHONG PHÚ CỦA HỆ SINH THÁI TRE

Làng tre Phú An có tổng diện tích khoảng 3 ha, không gian thoáng đãng, được thiết kế thành 2 khu: Khu bảo tàng và khu nghiên cứu. Tại khu bảo tàng, tre được trồng theo đúng thổ nhưỡng và khí hậu từng loài, có giống phải trồng trên gò đất cao, bởi chúng sống ở cao nguyên; nhiều bụi được trồng quanh ao, đầm ngập nước, vì là loài sống ở đồng bằng. Đến Khu bảo tàng làng tre An Phú, du khách sẽ thấy được sự đa dạng, phong phú của hệ sinh thái tre và tham quan các sản phẩm độc đáo làm từ chính loài cây này, tạo nên khung cảnh miền quê Việt Nam hiền hòa và thơ mộng.

Khu nghiên cứu dành cho các chuyên gia, sinh viên để khám phá, tìm kiếm phương thức bảo tồn và phát triển giống tre. Đây cũng là địa điểm lý tưởng để những người yêu thiên nhiên, thích sự tĩnh lặng tìm hiểu về phương pháp gây giống, phát triển các loại tre thông qua hình ảnh, mô hình, phim tư liệu... Các bộ sưu tập tre được bố trí theo từng khu vực, có chỉ dẫn cụ thể như tên địa phương, tên khoa học, tọa độ tìm thấy, thời gian, tên người sưu tập và bảng mô tả khoa học bằng 3 thứ tiếng Việt, Pháp, Anh. Đặc biệt, làng Tre Phú An đã phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện mô hình trồng rau an toàn và nghiên cứu, phát triển mô hình trồng nấm từ cây

lục bình, vừa có thực phẩm sạch, vừa giải quyết vấn đề lục bình dày đặc trên sông, gây ô nhiễm nguồn nước.

Hàng năm, làng tre Phú An đón tiếp gần 30.000 lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan, học tập, nghiên cứu về công tác bảo tồn tre xanh Việt Nam. Đây cũng là nơi cung ứng cây giống và hướng dẫn kỹ thuật trồng tre, cây cảnh cho các trường học, cơ quan, doanh trại quân đội, góp phần cải thiện môi trường và tạo mảng xanh trên địa bàn huyện Bến Cát (Bình Dương).

NGƯỜI “NẶNG LÒNG” VỚI TRE

Nói đến Phú An không thể không nhắc đến TS. Diệp Thị Mỹ Hạnh - Giảng viên trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) - người sáng lập làng tre. Năm 1999, trong một lần TS. Diệp Thị Mỹ Hạnh trở lại quê hương Phú An, người dân nơi đây nhắc nhở bà, dù làm gì, ở đâu cũng đừng quên quê nhà. Lời nhắc đó đã thôi thúc bà nảy sinh ý tưởng xây dựng vùng sinh thái từ cây tre tại đây và từ năm 1999, Dự án xây dựng Khu bảo tồn sinh thái tre được hình thành dựa trên công trình nghiên cứu khoa học của TS. Diệp Thị Mỹ Hạnh; tiếp đó là Dự án Khu bảo tàng sinh thái tre và bảo tồn thực vật Phú An; Chương trình hợp tác giữa



▲ TS. Diệp Thị Mỹ Hạnh

tỉnh Bình Dương, vùng Rhône - Alpes (Pháp), Vườn thiên nhiên Pilat (Pháp) và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (2003 - 2008). Đến tháng 4/2008, Dự án khánh thành, chia thành 2 Trung tâm hoạt động độc lập, bắt đầu đưa vào phục vụ hoạt động du lịch.

Mục đích của TS. Diệp Thị Mỹ Hạnh khi phát triển làng tre Phú An là nghiên cứu khoa học về sưu tập, bảo tồn tre; tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường từ tre và nâng cao giá trị cây tre Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu, vì cây tre sinh trưởng nhanh, có sinh khối lớn nên khả năng cố định các bon cao. Cùng với đó, tổ chức đào tạo, hướng dẫn cho sinh viên trong và ngoài nước về bảo tồn đa dạng sinh học, BVMT thông qua Chương trình Lớp học Xanh; tạo ra nơi tham quan cho cộng đồng, giúp tăng cường truyền thông về bảo



tồn tại nguyên thiên nhiên và BVMT.

TS. Diệp Thị Mỹ Hạnh đã lặn lội khắp cả 3 miền Bắc - Trung - Nam để sưu tập các loại tre, nghiên cứu đặc tính của từng loại, rồi nhân giống và trồng tại Phú An, từ đó hình thành làng tre phong phú như bây giờ. Bà đã đưa những giống tre từ cao nguyên về trồng trên vùng đất đắp cao, hay một số giống ở khu vực miền Tây, rồi xây thêm dòng kênh nhân tạo, tạo khung cảnh hữu tình, thơ mộng. Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, đã có lúc làng tre Phú An tưởng chừng không thể vượt qua những khó khăn về tài chính, phương thức quản lý và đòi hỏi tri thức chuyên môn trong bảo tồn thực vật... Nhưng với quyết tâm, tình yêu dành cho cây tre và con người, Tiến sỹ đã giúp làng tre Phú An tồn tại và phát triển. Đến nay, làng tre được đặt tên là Trung tâm nghiên cứu, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, trực thuộc trường Đại học Khoa học Tự nhiên (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh).

Hiện tại, TS. Diệp Thị Mỹ Hạnh mong muốn phát triển phong trào trồng tre cảnh cho mọi gia đình trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Ước tính, trung bình mỗi chậu tre cảnh đặt ở góc nhà, hay hành lang, có thể hấp



▲ Làng tre Phú An với 1.500 bụi tre xanh

thu khoảng 3 kg khí CO₂. Như vậy, nếu vận động được 1 triệu người trồng tre, sẽ giảm được 3 triệu kg CO₂, giải phóng 18.000 tấn oxygen. Cùng với đó, thông qua Chương trình giáo dục yêu mến thiên nhiên và kỹ năng sống, Lớp học Xanh, giới thiệu cây tre, phương pháp trồng và bảo tồn các giống tre xanh, giúp học sinh nâng cao khả năng quan sát, yêu thiên nhiên với hình bóng cây tre.

Có thể thấy, tre là một loại cây rất gần gũi với con người Việt Nam, dù đi bất cứ nơi đâu trên dải đất hình chữ S, hình ảnh cây tre cũng luôn xuất hiện trong tâm thức mỗi người. Nhưng hiện nay, những lũy tre làng, những hàng tre chót vót ngã nghiêng đang mất dần tại các làng quê Việt Nam. Vì vậy, việc gìn giữ, phát triển những bụi tre xanh để bảo tồn sắc thái Việt là điều rất đáng trân trọng.

PHẠM THỊ THU HƯƠNG

CẤM SỬ DỤNG SẢN PHẨM NHỰA DÙNG MỘT LẦN TRÊN VỊNH HẠ LONG

UBND TP. Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) vừa quyết định cấm bán và sử dụng các loại sản phẩm nhựa dùng một lần đối với tất cả các tàu, doanh nghiệp và du khách trên vịnh Hạ Long, bắt đầu từ 1/9/2019. Đây là giải pháp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rác thải nhựa đối với cảnh quan và môi trường vịnh Hạ Long.

Theo đó, các tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động du lịch, dịch vụ như: Tàu du lịch, bán hàng, xuồng cao tốc, chèo đò, kayak, ngọc trai... sẽ không sử dụng, bán các sản phẩm nhựa dùng một lần (cốc nhựa, ống hút nhựa, chai nước nhựa, hộp, bát đĩa đựng thức ăn, túi ni lông). Các tổ chức, cá nhân có hoạt động du lịch,

dịch vụ có trách nhiệm tuyên truyền, thông báo cho du khách không mang xuống tàu và sử dụng các sản phẩm từ nhựa dùng một lần khi tham quan vịnh Hạ Long.

Trước đó, Ban quản lý vịnh và 15 doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ du lịch như: Xuồng cao tốc, kayak, đò chèo tay trên vịnh đã thống nhất từ ngày 1/8/2019, sẽ không sử dụng chai nhựa đựng nước, túi ni lông... Như vậy, ít nhất, mỗi ngày sẽ không còn khoảng 5.000 chai nước và 5.000 khăn giấy ướt được phát miễn phí cho du khách như trước đây nhằm bảo vệ vịnh Hạ Long trước nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

BÙI HẰNG



BẢO TỒN CÁC LOÀI ĐỘNG, THỰC VẬT QUÝ, HIẾM VÀ THỦY HẢI SẢN TỰ NHIÊN Ở ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp là một trong những tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long phong phú về đa dạng sinh học (ĐDSH) các vùng đất ngập nước (ĐNN), chủ yếu tập trung ở Vườn quốc gia (VQG) Tràm Chim, Khu du lịch (KDL) sinh thái Gáo Giồng, KDL Xẻo Quýt. Những năm gần đây, phần lớn diện tích ĐNN trong khu vực Đồng Tháp Mười được sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, do đó các khu ĐNN tự nhiên ngày càng thu hẹp, là một trong những nguyên nhân làm suy giảm nghiêm trọng quần xã động, thực, vật tiêu biểu và nhiều loài thủy hải sản có giá trị về nguồn gen quý, hiếm của vùng. Để bảo tồn và phát triển ĐDSH, sử dụng bền vững tài nguyên, tỉnh Đồng Tháp đã đẩy mạnh công tác bảo vệ các loài động, thực vật và nhiều loài thủy hải sản tự nhiên trong vùng.

Trong năm qua, Đồng Tháp đã tăng cường công tác tuyên truyền bảo tồn ĐDSH, được nhân dân trong tỉnh ủng hộ cao. Nhờ thông báo kịp thời của người dân, từ đầu năm đến nay, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý kịp thời nhiều vụ vi phạm về mua bán, vận chuyển động vật hoang dã (ĐVHD), trong đó thả về môi trường tự nhiên 296 cá thể chim, cò, 25,7 kg rắn các loại. Đồng thời, tỉnh vừa tiếp nhận 4 trường hợp người dân tự nguyện giao nộp ĐVHD, trong đó 1 cá thể cú lợn lưng

xám, 1 cá thể giang sen và 1 cá thể rùa rừng được giao cho VQG Tràm Chim chăm sóc, thả về môi trường tự nhiên. Tại TP. Sa Đéc, nhiều doanh nghiệp đã hỗ trợ cá giống gồm các loài cá bản địa, có giá trị kinh tế như: mè vinh, he vàng, tra, hô, chà, ét mồi, tra bần, bông lau, với số lượng hơn 1 triệu con thả về với thiên nhiên.

Công tác bảo tồn các loài chim quý hiếm (như sếu đầu đỏ, ngan cánh trắng, già đầy nhỏ, diệc Sumatra, bồ nông chân xám, giang sen, nhạn ốc và công đất...) đã được triển khai thực hiện tại các khu rừng đặc dụng trong vùng. Trong đó, việc phục hồi quần thể lúa ma, lúa hoang và cỏ bắc làm thức ăn cho các loài chim ở vùng Đồng Tháp Mười được xem là một trong những hoạt động ưu tiên bảo tồn. Đặc biệt, từ khi quần thể thực vật được phục hồi đã thu hút ngày càng nhiều đàn cò ốc bay về KDL sinh thái Gáo Giồng, từ 1 - 2 nghìn con năm 2014, đến nay đã có gần 100 nghìn cá thể. Hiện KDL Gáo Giồng có 15 loài chim nước sinh sống và làm tổ quanh năm, nhiều nhất vẫn là loài cò trắng, công cọc và cò ốc, khiến rừng tràm nơi đây được xem là vườn chim lớn nhất vùng Đồng Tháp Mười. KDL sinh thái Gáo Giồng có tổng diện tích rừng là 1.600 ha, trong đó có 1.200 ha rừng tràm. Nơi đây có môi trường tốt, trong lành và được Ban quản lý rừng tràm bảo vệ nghiêm ngặt nên cò ốc về vườn rất nhiều vào những tháng mùa nước. Trước đây, các loài cò ốc chỉ bay về để tìm kiếm thức

ăn rồi bay đi nhưng hiện nay, chúng về làm tổ và sinh sống lâu dài. Cò ốc thích nghi tốt với môi trường của KDL do có nhiều cây cỏ, thức ăn, chủ yếu là các loại ốc, cua, ếch, nhái và côn trùng khác. Cò ốc còn giúp tiêu diệt số lượng lớn ốc bươu vàng nguy hại cho rừng tràm Gáo Giồng. Ngoài cò ốc, nhiều loại chim khác về đây trú ngụ, sinh sống với số lượng lên đến hàng triệu con. Do trữ lượng nước các khu vực trong rừng được đảm bảo quanh năm nên các loài thủy hải sản phát triển nhanh.

Song song với bảo tồn các loài chim, việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tỉnh Đồng Tháp chú trọng. Theo Đề án bảo tồn VQG Tràm Chim giai đoạn 2014 - 2020 đã được UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt, trong giai đoạn này, tỉnh đầu tư hơn 2,8 tỷ đồng để giám sát, nghiên cứu, bảo tồn thành phần các loài thủy sản, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm như cá hô, cá còm, cá cóc, cá sặt rần, cá dày. Thực hiện Đề án, VQG Tràm Chim đã phối hợp với Trại Thủy sản huyện Tam Nông tiến hành thả hơn 4.800 con cá thát lát còm và 4.400 con cá sặt rần về với thiên nhiên, nhằm tái tạo nguồn cá quý bản địa trong kế hoạch tổng thể của Vườn về bảo tồn ĐDSH. Đồng thời, Vườn cũng tập trung xây dựng hệ thống vận hành và cơ chế quản lý chế độ ngập nước trong mùa khô để làm cơ sở cho việc quản lý thủy văn, vừa đáp ứng đặc điểm ngập nước của từng loại sinh cảnh, vừa phòng cháy rừng tràm và đồng cỏ. Bên



▲ Đới cò ốc làm tổ tại KDL sinh thái Gáo Giồng



cạnh đó, tăng cường bảo tồn và phát triển bền vững các sinh cảnh rừng tràm, đồng cỏ ngập nước theo mùa và sinh cảnh đất ngập nước khác; bảo tồn các loài chim nước quý, hiếm, đặc biệt là loại chim sếu đầu đỏ; giám sát diễn biến các sinh cảnh ĐNN và ĐDSH; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu; bảo tồn các giá trị của khu Ramsar đã được công nhận...

Ngoài ra, trong năm qua, tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức 14 lớp tập huấn cho 372 người dân và cán bộ xã, phường về bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đây là năm thứ 2 tỉnh Đồng Tháp áp dụng các giải pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản, theo đó, các ngành chuyên môn tổ chức nhiều đợt ra quân tuần tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Năm 2018, xử lý 10 trường hợp vi phạm, chủ yếu là sử dụng ngư cụ cấm khai thác, tiến hành tịch thu tang vật và bàn giao chính quyền địa phương xử phạt với số tiền hàng chục triệu đồng. Bên cạnh đó, còn phát hiện 30 trường hợp vi phạm khác nhưng do vi phạm lần đầu nên được đoàn kiểm tra nhắc nhở, cho ký cam kết, không tái phạm. Bên cạnh việc tuần tra, kiểm tra, xử lý, chính quyền địa phương và các ngành chức năng thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt việc đánh bắt thủy sản kết hợp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh công tác quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo tồn các loài động, thực, vật và thủy hải sản quý, hiếm, tỉnh Đồng Tháp tăng cường đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác bảo tồn, phát triển ĐDSH và quản lý an toàn sinh học. Đồng thời, ban hành quy định cấm khai thác trái phép trong các giai đoạn cá tự nhiên sinh sản, cấm khai thác tận diệt nguồn thủy sản đầu mùa lũ nhằm bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Cùng với đó, công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát ĐVHĐ đã được tỉnh đẩy mạnh, tiến hành thường xuyên theo định kỳ và đột xuất khi cần thiết; phối hợp với cơ quan chức năng quản lý tình hình gây nuôi trên địa bàn tỉnh, ngăn chặn tình trạng lợi dụng chủ trương khuyến khích gây nuôi để hợp thức hóa ĐVHĐ không có nguồn gốc hợp pháp, mua bán trái pháp luật. Bên cạnh đó, tổ chức điều tra, thống kê nguồn gen các loài động, thực vật trên địa bàn, đánh giá mức độ đe dọa để lập kế hoạch ưu tiên bảo tồn; Phát huy nguồn tri thức tại địa phương, xây dựng mô hình quản lý rừng cộng đồng, bảo vệ và chia sẻ lợi ích từ rừng; Tuyên truyền rộng rãi để người dân hiểu rõ về kế hoạch bảo vệ ĐDSH; Tổ chức thường xuyên các chương trình truyền thông, tập huấn, phổ biến chính sách pháp luật về bảo tồn ĐDSH...■

NGUYỄN MINH HẠNH - TRẦN LOAN

KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN HỆ SINH THÁI RỪNG TẠI VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM



▲ Đồng cỏ ngập nước theo mùa tại VQG Tràm Chim

Ngày 5/8/2019, tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ NN&PTNT đã tổ chức Hội thảo khởi động Dự án “Quy hoạch và trình diễn quản lý tổng hợp hệ sinh thái rừng tại tiểu vùng sông Mê Kông (Khu vực Vườn quốc gia (VQG) Tràm Chim)”. Dự án được thực hiện trong 4 năm (2019 - 2023), với tổng kinh phí thực hiện trên 14,4 tỷ đồng, do Mạng lưới châu Á - Thái Bình Dương về quản lý rừng bền vững và phục hồi rừng (APFNet) tài trợ.

Mục tiêu của Dự án là thiết lập một mô hình trình diễn về quản lý tổng thể hệ sinh thái đất ngập nước và quản lý rừng bền vững cho VQG Tràm Chim, từ đó cải thiện chất lượng hệ sinh thái, các chức năng sinh thái, kinh tế - xã hội tích hợp trong lưu vực sông Mê Kông. Bên cạnh đó, Dự án còn góp phần bảo tồn và phát triển hệ sinh thái đất ngập nước thuộc VQG Tràm Chim thông qua giám sát vùng đất ngập nước; hỗ trợ VQG Tràm Chim xây dựng phương án quản lý rừng bền vững; giảm thiểu áp lực của cộng đồng dân cư lên VQG Tràm Chim; nâng cao năng lực, kiến thức và nhận thức của cộng đồng dân cư, chính quyền, cán bộ địa phương thông qua các chương trình nâng cao năng lực. Ngoài ra, trong khuôn khổ Dự án còn có nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế cho phụ nữ địa phương nhằm nâng cao thu nhập; trang bị cho người dân kiến thức về khai thác và sử dụng đất ngập nước một cách khôn khéo và bền vững.

Dự án được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về các vấn đề liên quan đến đất ngập nước, hạn chế các tác động tiêu cực tới đa dạng sinh học trên địa bàn triển khai Dự án■

PHƯƠNG LINH

Quy hoạch cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới

ĐỖ THỊ XUÂN THO

Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia

Cảnh quan nông thôn (CQNT) xưa và nay đều gắn liền với đất đai, nguồn nước, cây cối, ruộng vườn, đường sá, nhà cửa và phương thức sinh hoạt của nông dân. Nông thôn không thể thiếu lợn, gà, chó, mèo, trâu, bò, chim... Đồng thời, nông thôn còn có con đường uốn lượn, lũy tre xanh, đàn trâu gặm cỏ, tiếng sáo diều, vườn rau, ao cá và cả những làn khói lam chiều, ngọn đèn dầu nấp sau lũy tre xanh, hàng cây tỏa bóng mát trong vườn. Có thể nói, CQNT như một bức tranh nhiều màu sắc, vừa tự nhiên, vừa tinh tế như có sự sắp đặt của tạo hóa. Tuy nhiên, với nhiều lý do khách quan và chủ quan trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cảnh quan, môi trường tự nhiên đã bị suy giảm nghiêm trọng, ảnh hưởng tới việc nâng cao và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân. Do đó, quy hoạch CQNT ra sao là bài toán cần được quan tâm trong quá trình xây dựng nông thôn mới (NTM).

THỰC TRẠNG QUY HOẠCH CẢNH QUAN TRONG XÂY DỰNG NTM

Hiện nay, ở Việt Nam, nhận thức về CQNT vẫn chưa có sự thống nhất. Xét về mặt sinh thái, cảnh quan là quần thể của các sinh cảnh, trong đó tập hợp các sinh vật, động vật cư trú, sinh sản, di chuyển, tồn tại và mất đi. Xét về mặt kiến trúc, cảnh quan là quần thể của những công trình xây dựng, các giá trị văn hóa vật thể do con người sáng tạo trong một không gian, môi trường địa lý cụ thể. Như vậy, có thể hiểu, cảnh quan và môi trường nông thôn là nơi ở, nơi sản xuất và lưu giữ văn hóa bản sắc dân tộc, đồng thời truyền cảm hứng, động lực phát triển nông thôn. Với cách tiếp cận đó, CQNT bao gồm cảnh quan thiên nhiên (cây cối, sông ngòi, kênh rạch, ao hồ, ruộng đồng...) và nhân tạo (kiểu dáng kiến trúc nhà ở: Nhà, vườn, ngõ, cổng nhà, ao, chuồng; kiểu dáng kiến trúc các công trình công cộng: Đền, chùa, nhà thờ, chợ, nhà văn hóa, mô mã, nghĩa trang, đường sá đi lại, cổng làng...). Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng CQNT bao gồm điều kiện

tự nhiên, khí hậu, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của từng vùng, miền; yếu tố kinh tế; trình độ dân trí của người dân; tiến trình hội nhập quốc tế.

Những năm gần đây, dưới tác động của công nghiệp hóa và cơ chế thị trường, kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, tập quán lối sống của người dân thay đổi cùng với sự gia tăng hoạt động xây dựng dẫn đến thay đổi cơ cấu tổ chức không gian làng xã truyền thống cũng như biến đổi kiến trúc cảnh quan. Sự phát triển nhà ở về số lượng và các loại hình cũng làm thay đổi kiến trúc CQNT, đòi hỏi phải có sự kiểm soát. Hiện nay, ở nông thôn, ngoài phổ biến xây nhà ở theo kiểu truyền thống (kinh tế vườn, chăn nuôi quy mô nhỏ), có thêm các loại hình: Nhà ở đáp ứng sản xuất kinh tế hộ gia đình (kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản; nhà ở đáp ứng kinh tế

hợp tác xã (nhóm gia đình lớn, nông trang); nhà ở đáp ứng sản xuất kinh tế tập trung (liên kế có sân vườn, khối ghép, chung cư, tập thể).

Bên cạnh đó, trong giai đoạn vừa qua, việc quy hoạch xây dựng NTM ở nước ta chủ yếu mới tập trung vào 3 vấn đề chính là xây dựng, sản xuất và sử dụng đất. Những nghiên cứu về quy hoạch CQNT còn ít được đề cập, có phần bị lãng quên. Công tác quản lý xây dựng NTM theo quy hoạch trên địa bàn cả nước thiếu kinh nghiệm so với quản lý theo quy hoạch ở khu vực đô thị. Việc quản lý xây dựng theo quy hoạch chỉ diễn ra đối với khu vực có dự án (chủ yếu là công trình công cộng xã), không có hướng dẫn định hướng cho kiến trúc nhà ở và công trình công cộng. Bên cạnh đó, công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy các di sản kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên có giá trị chưa được quan tâm, dẫn đến



▲ Xã Hải Lộc (huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định) xây dựng, duy trì tuyến đường hoa, góp phần cải tạo cảnh quan môi



tình trạng xây dựng lộn xộn. Phần lớn các làng xã, đặc biệt là những làng, xã ven đô đang mất dần những giá trị truyền thống. Hầu hết các mẫu nhà sử dụng tại đây được du nhập từ các đô thị đồng bằng. Hiện tượng nhà ở vi phạm hành lang an toàn giao thông, đề điều và chiếm dụng đất canh tác khá phổ biến. Không chỉ ở đô thị, hiện tượng ô nhiễm nguồn nước, không khí và rác thải ở khu vực nông thôn đang diễn ra phổ biến. Diện tích ao ngòi, hồ nước, cây xanh giảm dần, đã và đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

XÂY DỰNG CQNT: KẾT HỢP GIỮA TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

Kiến tạo nên những không gian nông thôn đáng sống là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao đời sống cho người dân, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM. Quy hoạch cảnh quan NTM, chúng ta cần đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn - phong trào xây dựng NTM đang diễn ra, xem xét tác động đến các yếu tố kiến trúc cảnh quan gốc, trên cơ sở đó, đề xuất định hướng, giải pháp phù hợp. Cảnh quan NTM cần mang hơi thở thời đại, hiện đại, văn minh nhưng vẫn phải đảm bảo bản sắc (nông thôn, vùng miền), môi trường, khí hậu trong lành.

Về kiến trúc

Đối với các ngôi làng truyền thống có giá trị kiến trúc cảnh quan cần được bảo tồn tổng thể. Theo mô hình lý thuyết, khu vực bảo tồn là trung tâm có tính lịch sử và bao quanh khu vực bảo tồn này là vùng đệm, bên ngoài vùng đệm. Thiết lập 3 khu vực có thể theo mô hình quy hoạch đồng tâm (phát triển đều ra các hướng) hoặc mô hình phát triển tịnh tiến về một phía, tùy thực trạng đất đai, hướng phát triển của từng làng. Những công trình văn hóa truyền thống như đền, chùa, miếu... và công trình về kinh doanh, dịch vụ (chợ làng, buôn bán nhỏ), có thể tập trung ở một khu vực (thường ở vị trí trung tâm, trên đường trục chính làng), hình thành khu trung tâm văn hóa hoặc phân bố rải rác ở các vị trí khác nhau trong làng. Trường hợp tập trung hình thành trung tâm văn hóa làng: Khu vực này cần phải được bảo tồn, nâng cấp ở mức cao nhất vì đây có thể nói là nơi lưu giữ nét đặc trưng của làng. Đồng thời, cần thiết lập không gian chuyển tiếp bảo đảm sự hài hòa kiến trúc cảnh quan.

Trên cơ sở cấu trúc truyền thống (ngõ, xóm), tạo thành các nhóm nhà ở, cần đảm bảo mối

quan hệ cộng đồng láng giềng. Không gian kiến trúc, nhà ở là không gian mở linh hoạt, có khả năng đáp ứng được sự chuyển đổi của kinh tế lao động và nhân khẩu. Các công trình nhà ở mới được xây dựng xen kẽ trong làng, xóm cần đảm bảo về mật độ xây dựng cũng như hình thức kiến trúc, quy mô xây dựng nhằm đạt được sự hài hòa trong tổng thể cảnh quan.

Cùng với đó, hệ thống hồ, ao, sân bãi, không gian thoáng được kết hợp làm hồ điều hòa, cảnh quan (khai thác kinh tế, làm sân bãi tập kết, đỗ xe và các yêu cầu kỹ thuật hạ tầng khác trong quá trình lọt vào đô thị nếu có) và khu vui chơi, giải trí (công viên cây xanh, vườn hoa để tạo cảnh quan, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi của dân làng và khách du lịch). Gần đây, một số địa phương đã ý thức được việc tạo dựng cảnh quan bằng cách giữ lại và cải tạo hồ ao, trồng hoa, cây cảnh, tạo nét đẹp trong xây dựng NTM như Đan Phượng, Gia Lâm, Thanh Trì (Hà Nội)...

Về xử lý ô nhiễm môi trường

Trong làng, xã phải đặc biệt chú trọng tới việc tổ chức không gian cây xanh và vấn đề môi trường. Trồng nhiều cây xanh với từng khu chức năng để chống nóng, ồn, bụi, không gây ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh. Tổ chức không gian xanh cần duy trì cây xanh truyền thống, đặc trưng, tạo cảnh quan đặc hữu của làng như cây gạo, đa, si, khóm tre... kết hợp với không gian mặt nước và không gian mở. Những cơ sở sản xuất, chăn nuôi, chế biến phát sinh nhiều khói bụi độc hại phải được bố trí cuối hướng gió chủ đạo, xa khu dân cư và có biện pháp trực tiếp giảm bớt ảnh hưởng. Quản lý môi trường nước thải, chất thải rắn, không khí ô nhiễm và

tiếng ồn cần có hệ thống phân tách, xử lý tùy mức độ ô nhiễm. Hạn chế tối đa xả thải độc hại ra môi trường.

Về quản lý xây dựng và tổ chức thực hiện

Rà soát các văn bản quy định cũng như hướng dẫn về quy hoạch, xây dựng, quản lý CQNT và NTM, trên cơ sở đặc thù của từng địa phương; hoàn thiện bổ sung chi tiết hóa hệ thống các quy định, hướng dẫn về quản lý xây dựng; khuyến khích, phát huy vai trò của người dân, cộng đồng dân cư tham gia thực hiện và giám sát quản lý xây dựng, tạo sự đồng thuận, thống nhất. Bên cạnh đó, ban hành quy chế bắt buộc và hướng dẫn tu bổ, cải tạo, xây mới đối với công trình di tích văn hóa lịch sử, công trình có giá trị; hệ thống các không gian công cộng, cảnh quan cần bảo vệ; khu vực chuyển tiếp, xây dựng xen kẽ, xây dựng mới. Đưa ra hướng dẫn cụ thể về mẫu mã, kích cỡ công trình công cộng, nhà ở để dễ dàng triển khai; xây dựng cơ chế và quy định thành lập đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý xây dựng tại địa phương; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về xây dựng.

Ngoài ra, quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện cần có sự tham gia đồng bộ của Đảng ủy xã, chính quyền, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM và các tổ chức chính trị - xã hội, các thôn, đảm bảo tính thống nhất, tiến độ triển khai công việc. Thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân xây dựng đường làng ngõ xóm, nhà cửa... theo hướng dẫn, giữ gìn vệ sinh môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Tổ chức tốt các mô hình tự quản BVMT và thu gom, xử lý rác thải, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Hội Cựu chiến binh xã Tân Thới: Thu gom và xử lý rác thải gắn với xây dựng nông thôn mới

Tân Thới là xã thuộc huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ, được Đảng và Nhà nước công nhận xã Anh hùng năm 1996 và năm 2015 là xã nông thôn mới (NTM), qua đó góp phần nâng cao đời sống của người dân nông thôn. Trong sự thành công chung này có sự đóng góp không nhỏ của Hội Cựu chiến binh (CCB) xã Tân Thới.

Với diện tích tự nhiên 1.772,69 ha, 15.065 nhân khẩu, 3.371 hộ dân, cuộc sống người dân nơi đây chủ yếu thu nhập nhờ cây lúa và cây ăn quả; tỷ lệ hộ nghèo chung toàn xã là 2,2%, trong đó hội viên Hội CCB xã còn 4 hộ nghèo. Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu, sử dụng nhiều phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thói quen sử dụng túi ni lông, vứt rác sinh hoạt bừa bãi đã làm cho môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh hoạt của người dân.

Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghị quyết đại hội đại biểu Hội CCB thành phố lần thứ VI, nhiệm kỳ 2017 - 2022 về thực hiện nội dung Câu lạc bộ “6 không” (không tội phạm; không ma túy, mại dâm; không vi phạm pháp luật môi trường; không bạo lực gia đình; không khiếu kiện sai pháp luật; không vi phạm an toàn giao thông), Ban chấp hành (BCH) Hội CCB xã Tân Thới đã cụ thể hóa, đưa vào nghị quyết, tổ chức thực hiện.

Đầu năm 2018, được sự chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã và thường trực Hội CCB huyện Phong Điền, BCH Hội CCB xã Tân Thới đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng ủy viên, tiến hành tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên Hội CCB và nhân dân, các doanh nghiệp, trường học đóng trên địa bàn xã tham gia ký hợp đồng để thu gom, tập hợp, xử lý rác thải đúng nơi quy định, góp phần nâng cao ý thức BVMT, hoàn thiện và giữ vững các tiêu chí xã NTM, làm nền tảng xây dựng xã NTM kiểu mẫu vào cuối năm 2020. Bước đầu, BCH Hội CCB xã đã vận động nhân dân trong khu vực Hợp tác xã Hoa Kiểng ấp Tân Long A tham gia ký hợp đồng thu gom rác thải và được 100% các hộ dân đồng ý. Nhờ thành công này,

BCH Hội CCB xã tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tất cả các hộ dân trong ấp ký hợp đồng thu gom rác, kết quả có 224 hộ dân tham gia. Mặt khác, Hội đã xin hỗ trợ được 8 thùng rác loại lớn, đặt tại các cụm dân cư và kêu gọi từng hộ dân bỏ rác vào bọc, phân thành 3 loại theo hướng dẫn, cột lại cẩn thận trước khi bỏ vào thùng rác. Đồng thời, Hội đã nhờ một điểm để tập kết rác thải, sau đó đội thu gom rác của huyện đến thu gom và đem đi xử lý đúng nơi quy định. Đặc biệt, Hội đã ra mắt mô hình thu gom rác thải tại ấp Tân Long B, với hơn 80 người tham gia, đại diện cho 224 hộ dân trong ấp. Thông qua hợp đồng ký kết, Hội thu 15.000đ/tháng đối với hộ bình thường, riêng hộ kinh doanh là 20.000đ/tháng, đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo là 10.000đ/tháng. Số tiền thu được, Hội trả công cho người trực tiếp đi thu gom rác là 2,5 triệu đồng/tháng, định kỳ cách ngày đi thu gom rác 1 lần, mỗi

lần ước lượng khoảng 300 - 400 kg rác.

Nhận thấy khả năng nhân rộng cao nên BCH Hội CCB xã Tân Thới tiếp tục phối hợp với Bí thư chi bộ, Trưởng ấp, các ban, ngành, đoàn thể ở ấp Tân Lợi vận động những hộ dân theo tuyến lộ 923 để ký hợp đồng và được 195 hộ dân đồng ý, nâng tổng số lên 419 hộ dân tham gia ký hợp đồng. Cũng nhờ đó, Hội cũng xin hỗ trợ thêm được 5 thùng rác loại lớn, nâng tổng số lên 13 thùng; khối lượng rác thải thu gom được cũng nâng lên 650 - 800 kg/1 lần thu gom; số tiền trả thêm cho người trực tiếp thu gom từ 2,5 triệu lên 3,5 triệu/tháng. Trong quá trình thực hiện, Hội cũng trích 1 phần nhỏ kinh phí để sửa xe, mua quần áo bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế giúp cho người trực tiếp thu gom rác bảo đảm sức khỏe và gắn bó lâu dài với Hội.

Qua 1 năm hoạt động (2018 - 2019), mô hình đã mang lại hiệu quả thiết thực, đồng



▲ Xã Tân Thới đạt chuẩn NTM từ năm 2015



hời cũng nhận được sự ủng hộ, đồng tình của các hộ dân, kể cả hộ dân xung quanh, vì thế có một số hộ lân cận đã đề nghị được ký hợp đồng thu gom rác thải, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Kết quả thực hiện cho thấy các hộ dân đã nâng cao nhận thức rõ rệt, tự giác phân chia theo từng loại rác cụ thể, để đúng nơi quy định. Đặc biệt hơn, Hội không còn nhận được sự phản ánh của người dân về việc xả rác bừa bãi ra môi trường như trước nữa. Đây chính là động lực giúp Hội nhân rộng mô hình trong thời gian tới.

Tuy nhiên, những ngày đầu mới thực hiện mô hình, phần lớn các thành viên trong Hội CCB xã bị động trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, do kỹ năng tuyên truyền còn hạn chế, thiếu nguồn kinh phí hỗ trợ và tài liệu tuyên truyền nên gặp không ít khó khăn. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân chưa nhận thấy rõ tác hại của ô nhiễm môi trường nên chưa tự giác và ủng hộ việc làm của Hội. Trong quá trình thu gom rác, còn thiếu thùng đựng rác tại các hẻm mà xe thu gom không thể vào được...

Trong thời gian tới, BCH Hội CCB xã Tân Thới tiếp tục phối hợp với Bí thư chi bộ, Trưởng ấp và các ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết số 120/NQ-CP, Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 10/4/2019 của Ban thường vụ thành ủy về tăng cường công tác quản lý, xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố; Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các thông tin về môi trường, nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, hội viên và nhân dân. Đồng thời, Hội sẽ tổ chức các hoạt động nhằm kêu gọi cộng đồng cùng chung tay thay đổi thói quen sử dụng túi ni lông; Kế hoạch của UBND TP. Cần Thơ về thực hiện phong trào "Chống rác thải nhựa" trên địa bàn; Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân ở các ấp còn lại ký hợp đồng thu gom và xử lý rác thải, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe, hướng tới xây dựng thành công xã NTM kiểu mẫu vào cuối năm 2020.

NGUYỄN TRÍ HÙNG - ĐỨC SINH

TP. Hà Nội: Nhân rộng mô hình "đường nở hoa, nhà có số"

Kiến tạo nên những miền quê đáng sống là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao đời sống người dân, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM). Nhận thức được điều này, thời gian qua, huyện Đan Phượng (Hà Nội) đã chú trọng tạo dựng cảnh quan bằng cách giữ lại và cải tạo ao, hồ, trồng hoa, cây cảnh, đánh số nhà.



▲ Đường "nở hoa" tại huyện Đan Phượng

Đến huyện Đan Phượng hôm nay, không ai không ngạc nhiên trước sự thay đổi cảnh quan ở vùng quê này. Sau quá trình rà soát, huyện đã quy hoạch, tạo dựng cảnh quan cho 101 ao. Các ao làng được cải tạo theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Những ao làng, một thời từng bị lấp đi, hoặc biến thành ao tù, nay được người dân cải tạo lại, gọi là "ao môi trường". Các ao được nạo vét, kè bê tông, hệ thống nước thải với đường thoát riêng, có ghế đá cho người dân hóng mát. Sau khi hoàn thành cải tạo, chính quyền địa phương giao lại cho các đoàn thể quản lý như: Hội Người cao tuổi, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... Các xã thực hiện tốt việc cải tạo ao làng gồm: Song Phượng, Tân Lập, Tân Hội... Riêng xã Đan Phượng lập "kỷ lục" với toàn bộ 13 ao được cải tạo.

Cùng với đó, thời gian gần đây, cảnh quan nông thôn Đan Phượng có thêm điểm nhấn là những con đường nở hoa. Sau khi trở thành huyện đầu tiên của Hà Nội được công nhận huyện NTM năm 2015, Đan Phượng tiếp tục đề ra mục tiêu xây dựng NTM kiểu mẫu. Cùng với việc phấn đấu, nâng cao các tiêu chí về kinh tế, xã hội, huyện đặt ra yêu cầu phải xây dựng cảnh quan nông thôn Xanh - Sạch - Đẹp. Từ chủ trương này, UBND huyện đã thực hiện đặt tên đường, đánh số, gắn biển số nhà, biển chỉ dẫn công cộng và xây dựng những tuyến đường nở hoa, với tên gọi "đường nở hoa, nhà có số". Bốn xã được chọn làm điểm gồm: Song Phượng, Phương Đình, Đan Phượng, Liên Trung. Trong đó, xã Phương Đình là điển hình của phong trào này. Mới triển khai một thời gian ngắn, nhưng màu xanh của cây và hoa trải khắp mọi con đường, ngõ xóm. Hiện xã có bốn tuyến đường, tổng chiều dài 1.200 m là những tuyến đường "nở hoa". Đối với việc đánh số nhà, các thôn trong xã thống nhất, người dân tự đóng góp để làm biển. Với số tiền không lớn, mỗi hộ dân chỉ phải đóng góp 50 nghìn đồng, nhưng hiệu quả mang lại rất cao. Đường làng ngõ xóm được đặt tên, nhà dân được đánh số quy củ.

Từ thành công của huyện Đan Phượng, thời gian tới, TP. Hà Nội sẽ tiếp tục nhân rộng các mô hình này, để giữ gìn nét đẹp của làng quê, tạo dựng thêm cảnh quan, phù hợp với NTM.

HƯƠNG ĐỖ

Huyện Kim Động, Hưng Yên: Tập trung sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường

Hiện nay, xây dựng nông thôn mới (NTM) đã trở thành phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp trên địa bàn huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Với sự đoàn kết của các cấp chính quyền, sự đồng lòng, nhiệt tình hưởng ứng của người dân, đến nay, huyện Kim Động (Hưng Yên) đã có 13/16 xã đạt chuẩn NTM. Huyện đặt mục tiêu đưa 3 xã còn lại gồm Nghĩa Dân, Vũ Xá và Thọ Vinh về đích NTM, hoàn thiện các tiêu chí huyện NTM để trở thành 1 trong 3 huyện NTM của Hưng Yên trong năm 2019.

Bằng những chương trình hành động, việc làm thiết thực, trong 6 năm qua, các cấp ủy, chính quyền và người dân trong huyện đã tích cực chung tay, góp sức thực hiện xây dựng NTM. Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện được quan tâm triển khai thực hiện. Năm 2018, huyện đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa được 169 nhà ở cho người có công và người nghèo. Song song với đó, huyện đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, theo đó, trên địa bàn huyện đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chất lượng cao có sức cạnh tranh trên thị trường như: Mô hình sản xuất thanh long tại các xã Vĩnh Xá, Thọ Vinh, Hùng An, Đức Hợp với quy mô trên 10 ha, thu nhập bình quân đạt từ 50 - 400 triệu đồng/ha/năm theo từng loại cây trồng. Huyện đã xây dựng khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư cho 7 xã với tổng diện tích 32,3 ha, nhằm giúp cho các hộ yên tâm đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, giảm rủi ro về dịch bệnh và giảm thiểu

ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, huyện đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Từ năm 2016 đến nay, huyện đã thu hút thêm 16 dự án đầu tư vào địa bàn. Riêng cụm công nghiệp Lương Bằng - Hiệp Cường hiện có 16 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh với tổng diện tích 68,41 ha, tỷ lệ lấp đầy diện tích tại cụm công nghiệp đạt 91,2%. Đồng thời, huyện chú trọng đầu tư, nâng cấp, cải tạo các chợ như: Trương Xá (Toàn Thắng), Lễ (Hùng An), Đức Hợp (Đức Hợp)...

Xác định công tác BVMT là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng NTM, huyện Kim Động đã kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường. Đến nay, các xã, thị trấn trong huyện đã có cán bộ chuyên trách về môi trường; 100% số thôn của huyện đã xây dựng hương ước, quy ước về BVMT; Thành lập, duy trì hoạt động hiệu quả 109 tổ vệ sinh môi trường. Nhiều mô hình thu gom, phân loại rác thải tại nguồn được huyện triển khai tại các khu dân cư của các xã đã mang lại hiệu quả cao. Điển hình như Khu dân cư Tạ Hạ (xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động) từng phải đối mặt

với ô nhiễm môi trường do các loại rác thải gây ra. Kể từ năm 2016 đến nay, nhờ triển khai mô hình phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình, khu dân cư này không còn rác thải bừa bãi. Nhận được sự vận động của Ban Công tác Mặt trận tổ quốc (MTTQ) địa phương, 130 hộ dân Tạ Hạ đã xây bể xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn, 170 hộ đăng ký nhận thùng phân loại rác thải, 90% số hộ dân trên địa bàn tham gia chương trình phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình. Hàng ngày, các loại rác thải sinh hoạt trong gia đình được thu gom và phân loại, rác hữu cơ sẽ cho vào thùng phi hoặc hố rác đào sẵn, sau đó tưới chế phẩm vi sinh gốc EM để phân hủy.

Ngoài ra, trong năm qua, toàn huyện đã xây dựng trên 300 hầm khí sinh học biogas để xử lý chất thải chăn nuôi. Các thôn trên địa bàn huyện đều cải tạo, xây dựng hệ thống cống, rãnh tiêu, thoát nước hợp vệ sinh môi trường. Một số xã đã xây dựng xong nghĩa trang theo tiêu chuẩn NTM. Tình trạng đổ rác bừa bãi dọc trục đường quốc lộ và hệ thống sông, ao, hồ cơ bản được khắc phục. Tỷ lệ rác thải công nghiệp, làng nghề được thu gom, xử lý đạt cao, góp phần giảm



▲ Lãnh đạo tỉnh Hưng Yên trao bằng công nhận đạt chuẩn NTM cho xã Nhân La (huyện Kim Động)

thiếu đáng kể ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, các khu công nghiệp, làng nghề trên địa bàn huyện.

Nhờ những nỗ lực trên, nhiều xã của huyện Kim Động đã được công nhận hoàn thành NTM, tiêu biểu là xã Hùng An. Sau gần 2 năm được công nhận đạt chuẩn NTM, Hùng An đang nỗ lực để trở thành một trong những xã đầu tiên hoàn thành xây dựng NTM kiểu mẫu. Hiện nay, xã được coi là “vựa chuối” của huyện Kim Động với diện tích trên 100 ha chuối xuất khẩu. Về chăn nuôi, xã có thể mạnh về nuôi bò sữa với tổng 629 con được nuôi tại trên 50 hộ gia đình. Sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM, xã tiếp tục dồn điền đổi thửa và quy hoạch các vùng sản xuất. Đồng thời, huy động nguồn vốn đầu tư kiên cố hóa kênh mương để phát triển sản xuất.

Nhan La cũng là một trong những xã NTM tiêu biểu của huyện Kim Động, trong đó, vai trò đóng góp của người dân được thể hiện rõ nét. Tháng 4/2019, xã Nhân La đã hoàn thành 19/19 tiêu chí NTM. Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người đạt 42 triệu đồng; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 2,3%, 91% tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm

thường xuyên; 100% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được bê tông hóa, cứng hóa theo tiêu chuẩn; Trường học 3 cấp, trạm y tế, nhà văn hóa khu dân cư được đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị đạt chuẩn; 100% nhân dân trong xã được sử dụng điện lưới an toàn và nước sạch hợp vệ sinh...

Năm 2019, tỉnh Hưng Yên đề ra mục tiêu 100% số xã đạt chuẩn NTM; mỗi huyện, thành phố có ít nhất 1 xã hoàn thành nội dung xã NTM kiểu mẫu. Theo đó, huyện Kim Động sẽ đưa 3 xã còn lại gồm Nghĩa Dân, Vũ Xá và Thọ Vinh về đích NTM, hoàn thiện các tiêu chí huyện NTM để trở thành 1 trong 3 huyện NTM của Hưng Yên trong năm 2019.

Hiện xã Nghĩa Dân đã cơ bản đạt 18/19 tiêu chí, đang tập trung huy động, tranh thủ mọi nguồn lực trả hết nợ đọng xây dựng cơ bản

thuộc Chương trình xây dựng NTM và đầu tư xây dựng thêm 13 phòng của trường THCS với kinh phí khoảng 5,8 tỷ đồng. Đối với xã Vũ Xá, hiện đang tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà văn hóa xã và 2 nhà văn hóa thôn Bình Đồi, Lê Xá với tổng kinh phí khoảng 9,1 tỷ đồng. Đồng thời, huy động thêm nguồn lực đầu tư xây dựng thêm 8 phòng trường THCS, 8 phòng trường tiểu học với tổng kinh phí khoảng 9,6 tỷ đồng. Cùng với hai xã trên, Thọ Vinh cũng đang gấp rút xây dựng nhà văn hóa xã và công trình phụ trợ, 4 nhà văn hóa thôn Tây Thịnh, Bắc Nam Phú, Phú Khê và Quang Tiến với tổng kinh phí khoảng 20 tỷ đồng.

Để hoàn thiện các tiêu chí NTM, trong thời gian tới, huyện Kim Động đề ra các giải pháp cụ thể: Triển khai công bố quy hoạch vùng huyện theo quy định; hoàn thành kế hoạch nâng cấp, cải tạo các tuyến đường do huyện quản lý là ĐH72; ĐH74 và ĐH53; phấn đấu đầu tư khởi công xây dựng ít nhất 2 công trình trong 3 công trình còn thiếu của thiết chế văn hóa huyện gồm: Bể bơi, sân vận động và nhà tập luyện thể thao; đồng thời, đẩy mạnh việc xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt và rác thải rắn trên địa bàn; tạo cảnh quan môi trường nông thôn Xanh - Sạch - Đẹp■

VŨ VĂN DOANH
- N. HÀO

Xây dựng nông thôn mới trên quê hương chiến thắng Ba Rài

Xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trước đây là căn cứ địa Cách mạng của 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Sau chiến tranh, quân và dân Cẩm Sơn tiếp tục bắt tay vào công cuộc khôi phục sản xuất, xây dựng quê hương giàu đẹp, đặc biệt là thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM).

Nằm ở phía Nam huyện nơi con sông Ba Rài chảy qua, xã Cẩm Sơn gồm 4 ấp, tổng diện tích hơn 1.250 ha, có 3.200 hộ dân, trên 8.200 nhân khẩu, người dân chủ yếu sản xuất nông nghiệp. Dựa trên tiềm năng, lợi thế, cũng như khó khăn, thách thức của xã vùng căn cứ kháng chiến, trong công cuộc xây dựng NTM, Cẩm Sơn xác định tập trung vào những nhiệm vụ ưu tiên: Xây dựng hệ thống chính trị đủ mạnh; phát huy tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề, giúp nông dân làm giàu, giảm nghèo bền vững, từng bước hoàn thiện các tiêu chí để cán đích NTM theo đúng lộ trình và kế hoạch đề ra.

Đảng bộ xã có 11 chi bộ, 162 đảng viên, 640 gia đình chính sách thương binh, liệt sĩ và người có công với Cách mạng. Đây là lực lượng nòng cốt, đóng vai trò tích cực trong phong trào xây dựng NTM thông qua những việc làm thiết thực như vận động người dân hiến đất để làm đường giao thông, xây dựng hệ thống thủy lợi, phục vụ sản xuất, sinh hoạt; tổ chức dọn dẹp vệ sinh đường làng, ngõ xóm, giữ gìn cảnh quan môi trường sạch, đẹp... Hàng năm, Đảng bộ xã đều được công nhận trong sạch, vững mạnh, riêng năm 2017 được công nhận trong sạch, vững mạnh tiêu biểu của Đảng bộ huyện Cai Lậy.

Về phát triển sản xuất, 10 năm qua, xã Cẩm Sơn phát huy thế mạnh kinh tế vườn với các loại cây trồng chủ lực như sầu riêng, bưởi da xanh, mít Thái... Hiện nay, 86% diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã được chuyển đổi thành vườn chuyên canh. Đời sống người dân ngày càng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người hiện đạt khoảng 45 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,7%. Để khuyến khích nông dân làm giàu,

chính quyền, các ban, ngành đã tạo điều kiện cho người dân vay vốn; tăng cường chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, đồng thời, nhân rộng những mô hình phát triển kinh tế hiệu quả, giúp nhau thoát nghèo bền vững. Sau trận lũ lịch sử năm 2000 gây thiệt hại nặng nề, Đảng ủy và chính quyền xã Cẩm Sơn đã quy hoạch lại các vùng sản xuất, định hướng cây trồng, vật nuôi theo hướng "chung sống với lũ". Trên cơ sở đó, kêu gọi nông dân cải tạo vườn, hình thành các vùng chuyên canh cây ăn quả đặc sản như sầu riêng với diện tích rộng gần 800 ha và mít Thái (khoảng 200 ha)... Sản lượng sầu riêng cho năng suất bình quân 20 tấn/ha, giá bán hơn 100.000 đồng/kg; mít Thái đạt 30 tấn/ha, giá bán khoảng 60.000 đồng/kg, mỗi ha đất trồng mít và sầu riêng cho nguồn lợi hàng tỷ đồng/năm.

Ngoài những kết quả trong sản xuất nông nghiệp, Cẩm Sơn đang từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại. Xã có 20 tuyến đường làng ngõ xóm, chiều dài trên 22 km đã được bê tông hóa 100%, trong đó có gần 13 km đạt chuẩn theo quy định; 14/26 km của 17 tuyến đường ấp và liên ấp đạt chuẩn. Những chiếc cầu ván tạm bợ được thay thế bằng cầu bê tông kiên cố, nối các khu vực xa xôi, hẻo lánh với trung tâm xã. Riêng năm 2017, xã có 6 công trình giao thông được nâng cấp, mở rộng với kinh phí đầu tư trên 6,2 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng kinh phí đầu tư cho mạng lưới giao thông của xã là hơn 15,6 tỷ đồng, riêng nguồn huy động từ người dân địa phương đóng góp gần 5,3 tỷ đồng. Tính chung, tổng nguồn vốn huy động xây dựng NTM thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của xã Cẩm Sơn đạt trên 178,5 tỷ đồng, trong đó đóng góp của nhân dân khoảng 104 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 58,5% tổng nguồn vốn huy động. Ngoài ra, người dân trong xã cũng hiến tặng hơn 9.000 m² đất để xây dựng các công trình giao thông. Nỗ lực xây dựng NTM của người dân xã Cẩm Sơn đã được đền đáp tương xứng, cuối năm 2017, xã đạt 19/19 tiêu chí, về đích trước thời gian 2 năm so với lộ trình đề ra. Đây được xem là một trong những thắng lợi mới của Cẩm Sơn trên con đường



▲ Nông dân xã Cẩm Sơn thu hoạch sầu riêng



xây dựng quê hương, đúng dịp kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Ba Rài (1967 - 2017).

Về Cẩm Sơn hôm nay, dễ dàng nhận thấy sự thay đổi của một xã thuần nông, khi khoác lên mình diện mạo mới. Đặc biệt, năm 2018, xã được chọn là địa điểm xây dựng NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020. Hiện xã đang nỗ lực thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 4 tiêu chí xã NTM kiểu mẫu (Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo; Giáo dục - Y tế - Văn hóa; Môi trường; An ninh trật tự - Hành chính công) theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020. Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM xã Cẩm Sơn đã xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể, tập trung huy động nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế về sản xuất nông nghiệp, nhân rộng mô hình phát triển kinh tế giá trị cao, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Giai đoạn 2018 - 2020, xã Cẩm Sơn xây dựng NTM kiểu mẫu theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Có thể thấy, quê hương chiến thắng Ba Rài đang đổi thay từng ngày và chắc chắn, với sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền địa phương, cũng như sự chung sức, đồng lòng của nhân dân địa phương, vùng đất giàu truyền thống Cách mạng sẽ vững bước đi lên và sớm cán đích xã NTM kiểu mẫu.

TRƯƠNG THỊ GIANG

Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vùng đồng bằng sông Hồng

Ngày 17/8/2019, tại TP. Vinh (tỉnh Nghệ An), Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) phối hợp với tỉnh Nghệ An tổ chức Hội nghị tổng kết CTMTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) và Bắc Trung bộ (BTB) giai đoạn 2010 - 2020.

Báo cáo của Bộ NN&PTNT cho biết, đến hết tháng 7/2019, đã có 2.402/3.474 xã (69,1%) vùng ĐBSH và BTB được công nhận đạt chuẩn NTM (tăng 48% so với cuối năm 2015), cao hơn mức đạt chuẩn của cả nước (50,26%). Trong đó, vùng ĐBSH đạt 83,59%, cao nhất trong cả nước, vượt mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao cho toàn vùng là 80%; có 8/11 tỉnh, thành phố đã đạt và vượt mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 gồm: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình. Vùng BTB đạt 51,92%, có 2 tỉnh đã đạt và vượt mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 là Hà Tĩnh và Quảng Trị.

Sau 10 năm thực hiện CTMTQG xây dựng NTM, diện mạo nông thôn vùng ĐBSH và BTB đã có nhiều khởi sắc: Cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân; hệ thống trường học các cấp được đặc biệt đầu tư xây dựng, nâng cấp; kinh tế nông thôn phát triển đa dạng, các vùng sản xuất chuyên canh hình thành ngày càng nhiều; đời sống văn hóa tinh thần không ngừng được nâng cao... Đặc biệt, trong cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, nhiều tỉnh, thành đã đề xuất một số yêu cầu cao hơn quy định của Trung ương như đưa ra tiêu chí thứ 20: Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu (ngoài 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM) khi xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM.

Công tác BVMT nông thôn đã có bước đột phá lớn, từng bước làm thay đổi nhận thức, trách nhiệm của người dân. Hầu hết các tỉnh, thành phố trong vùng đã xây dựng, triển khai quy hoạch xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó xác định những điểm xử lý chất thải tập trung phù hợp với đặc thù của

từng địa phương. Từ đây, xuất hiện nhiều mô hình xử lý nước thải tập trung quy mô lớn ở Hoài Đức (Hà Nội), Từ Sơn (Bắc Ninh) và mô hình xử lý nước thải phân tán quy mô hộ, nhóm hộ tại một số huyện của Hà Tĩnh.

Cũng tại Hội nghị, Ban Chỉ đạo Trung ương đặt ra một số nhiệm vụ trong xây dựng NTM giai đoạn sau năm 2020. Cụ thể, cấp tỉnh, vùng ĐBSH và BTB có ít nhất 8/17 tỉnh, thành phố được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Ở cấp huyện, vùng ĐBSH có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, vùng BTB có ít nhất 30% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, toàn vùng có ít nhất 9 huyện NTM kiểu mẫu. Cấp xã, 85% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có ít nhất 30% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và khoảng 7,5% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Cấp thôn, có 85% số thôn, bản ở vùng đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn NTM theo các tiêu chí NTM áp dụng đối với cấp thôn, do các địa phương quy định.

Thay mặt Chính Phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ ghi nhận, đánh giá cao những kết quả xây dựng NTM của vùng ĐBSH và BTB trong 10 năm qua. Đồng thời, Phó Thủ tướng đề nghị, từng địa phương trong vùng phải rà soát lại, so sánh với kết quả tổng kết toàn vùng của các tỉnh, huyện, xã khác nhằm phát huy kết quả làm được, khắc phục tồn đọng yếu kém. Đặc biệt, các tỉnh phải đặt quan điểm lấy người dân làm chủ thể, nhưng không được huy động sức dân quá sức, mà phải trên tinh thần tự nguyện, hợp lòng dân.

PHƯƠNG ANH

Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Quảng Xương đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018



▲ Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ trao Quyết định công nhận đạt chuẩn NTM cho huyện Quảng Xương

Ngày 17/8/2019, tại thị trấn Quảng Xương (huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức Lễ đón nhận công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Quảng Xương đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) năm 2018.

Theo báo cáo của huyện Quảng Xương, từ năm 2010 đến nay, toàn huyện đã huy động được 4.786,2 tỷ đồng phục vụ xây dựng NTM, trong đó ngân sách Trung ương và tỉnh hỗ trợ 574,8 tỷ đồng; ngân sách huyện 770,02 tỷ đồng; ngân sách xã 624,59 tỷ đồng; vốn vay tín dụng 870,32 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp, hợp tác xã 662,2 tỷ đồng; nhân dân đóng góp 1,089,9 tỷ đồng và các nguồn vốn khác 194,3 tỷ đồng.

Sau 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTN, diện mạo nông thôn Quảng Xương đã có sự thay đổi toàn diện, sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng nâng cao; hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn từng bước được hoàn chỉnh; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được duy trì ổn định. Tốc độ tăng trưởng giá

trị sản xuất bình quân trong giai đoạn 2010 - 2019 của huyện đạt 14,3% (tăng 2,5% so với giai đoạn 2005 - 2010); cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, năm 2018, tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 26,8% (giảm 13,2%), công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, (tăng 9,8%) và dịch vụ - thương mại chiếm 36,2% (tăng 3,4%) so với năm 2010. Thu nhập bình quân đầu người đạt 40,3 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 3 lần so với thời điểm triển khai xây dựng NTM. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 24,8% năm 2010 xuống còn 3,25% năm 2018.

Trên cơ sở nguồn vốn huy động, huyện đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp 340 km đường giao thông, hơn 150

km kênh mương, 22 công sở, 27 nhà hội trường, 23 công trình trạm y tế, nhà điều trị bệnh viện đa khoa huyện, 16 công trình chợ, 55 nhà văn hóa thôn; kiên cố hóa 43 công trình trường học với 221 phòng học và 72 nhà hiệu bộ.

Công tác bảo đảm vệ sinh môi trường được huyện quan tâm, chú trọng. Đến nay, chất thải rắn, chất thải y tế trên địa bàn cơ bản được thu gom và xử lý theo quy định, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đều đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% các hộ gia đình được sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh.

Phát biểu tại buổi Lễ, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Đình Xứng ghi nhận, chúc mừng thành tích trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng NTM mà Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Quảng Xương đạt được. Chủ tịch Nguyễn Đình Xứng đề nghị cấp ủy, chính quyền, nhân dân trong huyện tiếp tục quán triệt, triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM theo các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương và tỉnh đã đề ra. Đồng thời, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chăm lo giữ gìn đoàn kết nội bộ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; phấn đấu có nhiều gia đình, thôn, xã, cơ quan, đơn vị kiểu mẫu và huyện sớm đạt tiêu chí kiểu mẫu...■

TRÂM ANH



Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới từ phong trào Làng mới của Hàn Quốc

NGUYỄN VIỆT CƯỜNG - VĂN HƯƠNG

Bộ Ngoại giao

Hàn Quốc là quốc gia thuộc khu vực Đông Á, nghèo về tài nguyên thiên nhiên, phần lớn diện tích là đồi núi hiểm trở. Nền kinh tế của Hàn Quốc phải dựa vào nông nghiệp trong khi khắp đất nước lũ lụt và hạn hán xảy ra thường xuyên. Tuy nhiên, kể từ khi phong trào Làng mới được khởi xướng vào năm 1970, quốc gia này đã có bước phát triển thần kỳ, cất cánh vươn lên trở thành nước có nền kinh tế đứng thứ 4 châu Á và xếp thứ 11 trên thế giới (năm 2018).

Tại Việt Nam, năm 2010, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) được ban hành và thực hiện trên toàn quốc thể hiện quyết tâm của nước ta trong việc cải thiện, nâng cao điều kiện sống của người dân, nhằm cân bằng giữa nông thôn và đô thị. Trong công cuộc xây dựng NTM này, Việt Nam sẽ không thể thành công nếu không học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia đi trước trên thế giới. Do có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa, cũng như các bối cảnh thực hiện, Việt Nam đang đặc biệt quan tâm đến việc áp dụng mô hình Làng mới của Hàn Quốc vào công cuộc xây dựng NTM.

HÀN QUỐC VƯƠN LÊN TỪ ĐÓI NGHEÒ, LẠC HẬU VỚI PHONG TRÀO LÀNG MỚI

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, Hàn Quốc là một trong những nước kém phát triển nhất thế giới, với 70% dân số sống ở nông thôn, cuộc sống nghèo khổ, không có điện, các công trình vệ sinh, y tế... Năm 1969, Tổng thống Hàn Quốc lúc đó là ông Park Chung Hee đã đến thăm làng Shindo (thuộc CheongDo, tỉnh Gyeongsangbuk) và nhận thấy quang cảnh của làng khác nhiều so với những ngôi làng khác trên đất nước. Đường làng đã được sửa chữa và cầu đã được xây lại sau trận lũ. Ông rất ngạc nhiên khi nghe người dân nói họ tự khắc phục hậu quả vì dân làng Shindo vốn dĩ đời sống rất khó khăn. Nhưng người dân đã biết chuyển đổi cây trồng, siêng năng lao động, giúp nâng cao đời sống, tăng thu nhập. Tìm hiểu thêm một số địa phương khác như Cheongdo, Tổng thống

Park Chung Hee nhận ra, viện trợ của Chính phủ là vô nghĩa nếu người dân không nghĩ cách tự giúp chính mình. Vào ngày 22/4/1970, trong cuộc họp với các Bộ trưởng, Tổng thống Park Chung Hee đã đề xuất phong trào “Saemaulundong” (Làng mới).

“Saemaulundong” theo tiếng Hàn có nghĩa là phong trào đổi mới cộng đồng. Vì phong trào bắt đầu từ nông thôn nên “Saemaulundong” được hiểu là Phong trào đổi mới nông thôn, hay còn gọi là Làng mới, với mục tiêu nâng cao đời sống nông dân. Phong trào trải qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (từ năm 1970 - 1973), Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ xi măng và dân làng tự xây dựng các công trình: đường giao thông thôn, xóm; vệ sinh xóm; xây dựng khu giặt giũ chung; đào giếng nước; cải tạo mái nhà từ lợp rạ thành mái ngói, xi măng; làm hàng rào quanh nhà; sửa cầu... Năm 1973, Hàn Quốc đã tiến hành phân loại thôn theo

tiêu chuẩn phát triển và sự tham gia của người dân (vốn, công lao động) chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm nhận được sự hỗ trợ khác nhau. Ở “Thôn cơ sở” chưa có sự tham gia của người dân thì nhận được hỗ trợ đối với các dự án cải thiện môi trường và phải nâng cao ý thức người dân. “Thôn tự lực”, người dân tham gia khoảng 50% thì được hỗ trợ các dự án môi trường. “Thôn tự lập” là các thôn có 100% người dân tham gia phong trào, được ưu tiên hỗ trợ các dự án nâng cao thu nhập, phúc lợi văn hóa. Sự đầu tư theo nhóm năng lực đã mang lại kết quả. Năm 1973, còn 31% thôn, xóm ở Hàn Quốc là “Thôn cơ sở” và chỉ có 12% “Thôn tự lập”, đến cuối năm 1978, gần như 100% đạt “Thôn tự lập”.

Giai đoạn 2 (từ năm 1974 - 1976), phong trào Làng mới lan tỏa đến các thành phố, từ hộ gia đình tới trường học, công sở, nhà máy. Ba chiến dịch được phát động là: Tinh thần - Cư xử - Môi trường. “Chiến dịch Tinh



▲ Người dân tham gia phong trào Làng mới tại Hàn Quốc những năm 1970

thần” nhằm xây dựng mối quan hệ thân thiện với láng giềng, kế thừa, phát huy những truyền thống dân tộc và nâng cao ý thức cộng đồng. “Chiến dịch Cu xử” nhấn mạnh tới trật tự công cộng trên đường phố, cách ứng xử tích cực trong làng xóm và công sở, hành vi nơi công cộng. “Chiến dịch Môi trường” tập trung vào vấn đề giữ vệ sinh khu vực sinh sống và làm việc, giữ gìn môi trường đô thị và phát triển màu xanh thành phố, làm sạch các con sông.

Giai đoạn 3 (từ năm 1977 - 1981), là giai đoạn hoàn thành phong trào Làng mới, từ đó mở rộng phạm vi không gian các dự án, liên kết các làng lại với nhau để cư dân có thể sử dụng cơ sở vật chất tốt hơn. Nếu như những giai đoạn trước, phong trào được dẫn dắt bởi Chính phủ thì trong giai đoạn này, phong trào chuyển sang cho khu vực tư nhân. Ngày 13/12/1980, Đạo luật Thúc đẩy tổ chức Làng mới có hiệu lực, nhằm hỗ trợ các tổ chức tự nguyện được hình thành bởi khu vực tư nhân.

Tổng kinh phí đầu tư cho các dự án trong phong trào Làng mới là 3.425 tỷ won (tương đương khoảng 3 tỷ USD), trong đó, đóng góp của người dân chiếm 49,4%; nguồn kinh phí hỗ trợ của Chính phủ chỉ 27,8%; phần còn lại là các khoản nông dân vay của các tổ chức tín dụng. Trong 10 năm triển khai Làng mới (1971 - 1980), các dự án đã làm được 61.797 km đường vào thôn; 43.558 km đường trong thôn; 79.516 cầu cống nhỏ; 37.012 nhà văn hóa; 15.559 km đường cống nước thải; 225.000 ngôi nhà được cải tạo và quy hoạch mới cho 2.747 ngôi làng... Thành tích này đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo nông thôn Hàn Quốc.

NÔNG THÔN KIỂU HÀN QUỐC: LÀN GIÓ MỚI THỔI VÀO NÔNG THÔN VIỆT

Bốn mươi năm sau khi phong trào Làng mới bắt đầu được thực hiện ở Hàn Quốc, vào năm 2010, Việt Nam cũng triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Sau 10 năm thực hiện, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn thay đổi rõ rệt. Đến nay, đã có 4.458 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, trong đó có 4 địa phương đạt 100% số xã đạt chuẩn NTM là Đồng Nai, Nam Định, Bình Dương và TP. Đà Nẵng. Dù Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định, nhưng công cuộc xây dựng NTM là quá trình lâu dài. Trong bối cảnh có những nét tương đồng về văn hóa, hệ giá trị, lối sống giữa Việt Nam và Hàn Quốc, cùng những điểm tương

đồng trong chương trình phát triển nông thôn giữa hai nước, việc nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của phong trào Làng mới sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tại Việt Nam.

Bài học thứ nhất, trong phong trào Làng mới ở Hàn Quốc, việc triển khai các dự án phải dựa trên cơ sở xác định sự cần thiết của dự án đối với cộng đồng địa phương. Dự án phải khai thác, thúc đẩy thế mạnh của địa phương, tác động lâu dài, lan tỏa, đặc biệt là có tính khả thi về tài chính, nhân lực và thời gian. Vận dụng bài học quan trọng này, tùy vào bối cảnh của từng địa phương mà Chương trình xây dựng NTM xác định sự cần thiết của các dự án, xây dựng kế hoạch và triển khai dự án. Không nên rập khuôn đồng loạt các dự án ở tất cả các địa phương, vùng miền. Đặc biệt, các dự án phải có tính khả thi; cân nhắc nguồn tài chính, nhân lực và thời gian để tránh việc nợ nần, hoặc tạo gánh nặng cho người dân địa phương.

Thứ hai, phong trào Làng mới đã mở rộng đơn vị cơ bản của phong trào và phạm vi của các dự án. Nếu như trong giai đoạn trước, các làng riêng lẻ là những đơn vị cơ bản thực hiện phong trào thì trong giai đoạn sau này có sự liên kết giữa các làng để các dự án có thể bao phủ một vùng địa lý rộng lớn. Điều này cho chúng ta một gợi ý quan trọng đối với quá trình thực hiện xây dựng NTM ở Việt Nam là nên coi trọng việc liên kết giữa các xã trong quá trình thực hiện dự án để có thể kết nối nguồn lực và tạo hiệu quả cao.

Thứ ba, phong trào Làng mới đặc biệt coi trọng liên kết giữa khu vực nông thôn và đô thị để tạo cộng đồng kết nối rộng khắp. Từ gợi ý đó, trong quá trình xây dựng NTM, Việt

Nam cần chú trọng đẩy mạnh sự kết nối nông thôn - đô thị trên các phương diện khác nhau, nhất là hoạt động thương mại, tiêu thụ nông sản. Đây là cơ sở quan trọng để có thể gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất ở khu vực nông thôn.

Năm 2004, Việt Nam và Hàn Quốc đã ký cam kết hỗ trợ kỹ thuật, tài chính liên quan đến việc phát triển nguồn nhân lực của mô hình thí điểm NTM và triển khai thí điểm đầu tiên ở làng Lũng Vãn (Thái Nguyên). Đến nay, Quỹ Toàn cầu hóa Saemaul đã tiến hành xây dựng thí điểm 8 làng dự án ở 5 tỉnh: Ninh Thuận, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Thừa Thiên - Huế và Hậu Giang. Tại mỗi làng, đều có văn phòng đại diện của Quỹ và tình nguyện viên để tổ chức kết nối, hoặc sinh hoạt cộng đồng. Vì là chương trình hỗ trợ NTM nên các hoạt động đều được phối hợp từ Văn phòng điều phối NTM Trung ương và trực tiếp là Sở NN&PTNT, Phòng NN&PTNT tại các địa phương.

Phong trào Làng mới là một trong những di sản quan trọng nhất của lịch sử phát triển nông thôn Hàn Quốc. Phong trào mang ý nghĩa sâu sắc không chỉ với Hàn Quốc mà còn đối với nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Là nước đi sau, Việt Nam đã ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển nông thôn thời kỳ hội nhập. Một nửa chặng đường đã đi qua, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu, song cũng tồn tại một số hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu phong trào Làng mới của Hàn Quốc sẽ góp phần quan trọng trong việc cung cấp những kinh nghiệm quý báu cho công cuộc phát triển NTM ở Việt Nam. ■



Thực trạng rác thải nhựa nhập khẩu tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á

Xử lý rác thải nhựa (RTN) hiện đang là bài toán khó đối với các quốc gia khu vực Đông Nam Á. Theo Báo cáo từ Liên minh toàn cầu về các giải pháp thay thế lò đốt rác (GAIA), lệnh cấm nhập khẩu RTN của Trung Quốc (năm 2018) cùng sự chuyển dịch xuất khẩu RTN sang Malaixia, Thái Lan, Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác đã dẫn đến những hệ lụy đáng lo ngại về kinh tế, xã hội, môi trường.

NGUYÊN NHÂN GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TỪ RTN

Trong suốt một thời gian dài, các quốc gia phát triển đã chuyển một lượng lớn RTN đến các nước đang phát triển để xử lý. Nghiên cứu của GAIA cho thấy, phần lớn RTN được xuất khẩu từ Mỹ, Canada, Pháp, Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh... trong đó, Mỹ là quốc gia chiếm số lượng nhiều nhất. Nguyên nhân là do, việc tái chế RTN tại các nước phát triển có chi phí cao, đồng thời, phải tuân theo quy định khắt khe về BVMT. Vì vậy, việc xuất khẩu rác sang các nước đang phát triển không chỉ để giảm thiểu chi phí, mà còn do sự lỏng lẻo trong quy định về BVMT của các nước này.

Trung Quốc là nhà nhập khẩu nhựa phế liệu lớn nhất thế giới, kể từ thập niên 80 của thế kỷ 20, với hàng triệu tấn rác được tái chế rồi chuyển ngược lại các nước phát triển để làm nguyên liệu sản xuất. Theo Tổ chức Hòa bình xanh Canada, Trung Quốc từng nhập khẩu gần 1/2 lượng RTN của thế giới, đạt mức cao nhất là 9 triệu tấn vào năm 2012. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng trong quy trình tái chế đã khiến Chính phủ Trung Quốc phải ban hành lệnh cấm nhập khẩu RTN trên toàn quốc vào tháng 1/2018. Trước thực tế này, các nước phát triển đã chuyển hướng xuất khẩu rác sang một số nước khác như Malaixia, Philippin, Thái Lan, Indônêxia. Sau lệnh cấm, hàng trăm nhà tái chế nhựa từ Trung Quốc cũng chuyển hoạt động sang Malaixia, nơi có nguồn nhân công rẻ và các quy định môi trường chưa nghiêm ngặt. Các nhà tái chế Trung Quốc đã thành lập nhà máy, thường là bất hợp pháp, trên khắp Malaixia để xử lý,

tái chế chất thải rồi chuyển về Trung Quốc dưới dạng nguyên liệu thô, phục vụ cho sản xuất công nghiệp mà không có sự giám sát theo quy định.

Malaixia đang giống lên hồi chuông cảnh báo về cuộc khủng hoảng nhựa, bởi năm 2018, quốc gia này đã trở thành nhà nhập khẩu phế liệu nhựa lớn nhất thế giới. Lượng RTN nhập khẩu của Malaixia đã chạm mốc 110.000 tấn/tháng kể từ sau lệnh cấm của Trung Quốc (tăng gấp 5 lần). Những nhà xuất khẩu rác lớn nhất sang Malaixia trong nửa đầu năm 2018 là Mỹ, Nhật Bản, Anh. Theo trang tin Resource Recycling, từ tháng 1 - 11/2018, Malaixia đã nhập khẩu khoảng 200 triệu tấn nhựa phế liệu từ Mỹ, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017. Hàng trăm triệu tấn rác nhập về được chất đống tại các cảng và một ngành công nghiệp tái chế phi pháp đang lan rộng khắp cả nước, ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của người dân địa phương. Tình trạng tương tự cũng xảy ra ở các nước khác trong khu vực. Trang Rappler đưa tin, lượng RTN nhập khẩu tại Philippin đã tăng lên 11.900 tấn trong giai đoạn từ năm 2016 - 2018. Song, Giám đốc Tổ chức Hòa bình xanh tại Philippin Lea Guerrero cho biết, các số liệu công bố chỉ là "bề nổi của tảng băng", vì số lượng thực tế còn cao hơn rất nhiều.

Đặc biệt, tình trạng nhập khẩu và tập kết RTN ở các khu vực ven biển đã khiến môi trường ở một số quốc gia Đông Nam Á bị ô nhiễm nghiêm

trọng. Theo Báo cáo của Tổ chức Bảo tồn Đại dương năm 2017, Trung Quốc, Indônêxia, Philippin, Thái Lan... đang đổ ra đại dương một lượng RTN khổng lồ. Tháng 6/2018, khi tiến hành kiểm tra xác một con cá voi phát hiện ở bờ biển của Thái Lan, nhà chức trách nước này đã thu được nhiều kg RTN trong dạ dày cá. Chỉ vài tháng sau, xác một con cá nhà táng cũng được tìm thấy ngoài khơi Indônêxia với hơn 1.000 miếng nhựa trong bụng.

Theo Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (WWF), ước tính trung bình mỗi năm có khoảng 300 triệu tấn nhựa được sản xuất. Rác thải từ nhựa đang gây ô nhiễm nghiêm trọng và trở thành vấn nạn môi trường của thế giới. RTN không thể tái chế thường được xử lý bằng cách đốt, sẽ phát sinh một lượng lớn hóa chất độc hại ra bầu khí quyển của Trái đất. Trong trường hợp RTN được xử lý bằng biện pháp chôn lấp cũng có thể gây nhiễm độc cho đất và nguồn nước.

CẦN CÓ GIẢI PHÁP XỬ LÝ KỊP THỜI

Thời gian gần đây, một số quốc gia Đông Nam Á đã bắt đầu có động thái thông qua việc gửi lượng lớn RTN đã bị ô nhiễm và không thể tái chế trở về nơi xuất phát.

Đầu năm 2019, Philippin gửi trả lại 51 container chứa chất thải hỗn hợp cho Hàn Quốc, bao gồm cả nhựa và các vật liệu ô nhiễm. Nhà chức trách Hàn Quốc đồng ý sẽ nhận lại rác và chi trả toàn bộ chi phí vận chuyển. Ngày 5/6/2019,



▲ Bộ trưởng Bộ Môi trường Malaixia Yeo Bee Yin (giữa) tuyên bố, sẽ gửi trả lại 3.300 tấn RTN nhập khẩu trái phép

Tổng thống Philippin Rodrigo Duterte cũng yêu cầu gửi lại 69 container RTN cho Canada và khẳng định, nếu Canada không nhận lại, tàu của Philippin sẽ đổ toàn bộ rác thải xuống bờ biển nước này.

Malaixia là quốc gia thứ hai trong khu vực có động thái cứng rắn khi trả lại 5 container RTN cho Tây Ban Nha (tháng 4/2019). Cuối tháng 5/2019, tại cảng biển Port Klang (nằm trên bờ biển phía Tây của bán đảo Malaixia), Bộ trưởng Bộ Môi trường Malaixia Yeo Bee Yin tuyên bố, sẽ gửi trả 60 container, tương đương với 3.300 tấn RTN không thể tái chế được nhập khẩu trái phép về lại các quốc gia như Mỹ, Anh, Canada và Ôxtrâyliá. Kể từ khi nhậm chức năm 2018, Bộ trưởng Yeo Bee Yin đã chỉ đạo đóng cửa hơn 130 cơ sở tái chế



▲ Tàu chở hàng M/V Bavaria đến cảng Subic (tỉnh Zambales, Tây Bắc Philippin) để nhận các container rác, chở về Canada ngày 30/5/2019

nhựa bất hợp pháp. Hiện Malaixia đang soạn thảo các quy định mới liên quan đến tái chế rác để đảm bảo không trở thành "bãi rác của thế giới". Malaixia cũng ủng hộ việc năm 2018, Na Uy đề nghị bổ sung phế liệu nhựa vào danh sách các vật liệu được quy định trong Công ước Basel năm 1992 về việc vận chuyển chất thải nguy hại giữa các quốc gia.

Mới đây, ngày 17/6/2019, Bộ Môi trường và Lâm nghiệp Indônêxia cũng thông báo trả lại 5 container chứa rác thải độc hại về Mỹ. Hiện các container đã được chuyển lên tàu và sẽ sớm cập cảng nước Mỹ, mặc dù ban đầu số container này xuất phát từ Canada. Trước đó, tổng cộng 65 container chứa RTN được coi là "thân thiện với môi trường" (giấy, gỗ, hàng dệt may và giày dép) chuyển đến Indônêxia, tuy nhiên, sau khi kiểm tra, các cơ quan chức năng phát hiện có ít nhất 5 container chứa rác thải độc hại.

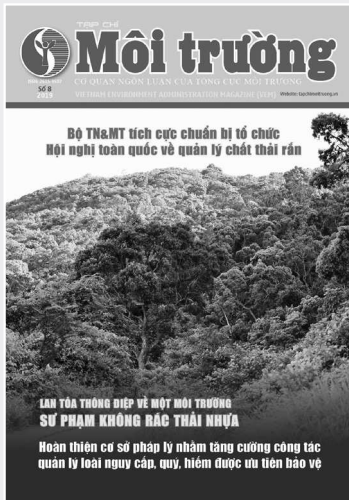
Động thái trả lại rác của các nước Đông Nam Á được đưa ra trong bối cảnh khoảng 180 nước đã nhất trí sửa đổi Công ước Basel 1989 - Công ước Liên hợp quốc về buôn bán và xử lý RTN. Theo đó, các loại RTN không phù hợp để tái chế sẽ được bổ sung vào danh sách rác thải cần quản lý và có sự đồng ý của những nước nhập khẩu trước khi xuất sang các nước này. Trong một thông cáo báo chí, Ban Thư ký Công ước Basel cho biết,

sửa đổi trên sẽ khiến hoạt động buôn bán RTN trên toàn cầu trở nên minh bạch và được quản lý tốt hơn, đồng thời, bảo đảm việc xử lý RTN an toàn với sức khỏe con người và môi trường.

Xử lý rác thải, nhất là RTN là vấn đề mang tính toàn cầu, ảnh hưởng tới tương lai của mọi quốc gia. WWF cảnh báo, nếu chúng ta không quyết liệt thay đổi tình trạng hiện tại, dự tính đến năm 2030 sẽ có thêm 104 triệu tấn RTN có khả năng gây ô nhiễm các hệ sinh thái của Trái đất. Bởi vậy, các quốc gia trên thế giới nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng cần phối hợp chặt chẽ, chia sẻ các bài học kinh nghiệm về xử lý rác thải, đồng thời, kêu gọi người dân chung tay hạn chế RTN từ những hành động nhỏ nhất, vì một hành tinh xanh và tương lai nhân loại.

Các nhà hoạt động môi trường cũng khuyến cáo, nên để Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) thiết lập mã phân loại chính xác chất thải và nguyên liệu thô có thể tái chế, thay vì cố gắng tạo ra các vòng tái chế khép kín ở mỗi quốc gia hoặc từng khu vực. Bên cạnh đó, các quốc gia cần hạ thấp hoặc loại bỏ thuế quan đối với RTN có thể tái chế để đạt được thỏa thuận về xuất, nhập khẩu RTN. Ngoài ra, mỗi nước phát triển cần quan tâm đến khả năng tái chế rác đúng cách, nhằm thiết lập hệ thống quản lý chất thải hiện đại, hiệu quả■

TRƯƠNG HUYỀN



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. Nguyễn Việt Anh
Prof. Dr. Đặng Kim Chi
Assoc. Prof. Dr. Nguyễn Thế Chinh
Prof. Dr. Phạm Ngọc Đăng
Dr. Nguyễn Thế Đồng
Assoc. Prof. Dr. Lê Thu Hoa
Prof. Dr. Đặng Huy Huỳnh
Assoc. Prof. Dr. Phạm Văn Lợi
Assoc. Prof. Dr. Phạm Trung Lương
Prof. Dr. Nguyễn Văn Phước
Dr. Nguyễn Ngọc Sinh
Assoc. Prof. Dr. Lê Kế Sơn
Assoc. Prof. Dr. Nguyễn Danh Sơn
Assoc. Prof. Dr. Trương Mạnh Tiến
Dr. Hoàng Dương Tùng
Assoc. Prof. Dr. Trịnh Văn Tuyên

PERSON IN CHARGE OF ENVIRONMENT MAGAZINE

Nguyễn Văn Thùy
Tel: (024) 61281438

OFFICE

• **Hanoi:**
Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing: (024) 66569135
Editorial: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
<http://www.tapchimoitruong.vn>
• **Ho Chi Minh City:**
A 907, 9th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

A corner of Son Tra National Park

Photo by: Thanh Hoa

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 8/2019

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE

Website: www.tapchimoitruong.vn



EVENTS - ACTIVITIES

- [8] Enhancing cooperation with religious organizations in environmental protection
- [9] Minister Tran Hong Ha calls for businesses' cooperation in combatting plastic wastes
- [10] Disseminating message on zero plastic waste teaching environment
- [11] Circular economy and solid waste management
- [12] MONRE's preparation for national conference on solid waste management
- [14] Ha Noi - Amsterdam high school's students responding to zero plastic waste
- [15] Joining hands in combatting plastic waste for the green-clean and beautiful environment of Viet Nam campaign



LAW - POLICY

- [18] TRẦN NGỌC CƯỜNG: Increasing effectiveness of management and sustainable development of wetlands
- [21] TRẦN TRỌNG ANH TUẤN - NGUYỄN THỊ VĂN ANH: Completing regulations for wildlife protection
- [23] TRƯƠNG MẠNH TUẤN: Developing master plan for environmental monitoring in Viet Nam
- [25] NGUYỄN TRUNG THÀNH: Proposed revising regulations on dismantling used ships
- [27] N. TRANG - CHÂU LOAN: Phu Tho enhances solid waste planning, collection and treatment



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [30] TRẦN THỊ MINH HƯƠNG, NGUYỄN HỮU THẮNG: Air and water quality trend in northern Viet Nam
- [33] NGUYỄN XUÂN THỦY: Promote the fourth industrial revolution in environmental protection
- [36] TRẦN LÊ TRÀ: Tiger conservation in Viet Nam: choice between exsitu and insitu conservation
- [40] XUÂN NGỌ: Da Nang focuses on pollution remediation in Khanh Son landfill



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [42] NGUYỄN VIỆT ANH: Environmental Science and Engineering Institute: 30 years of establishment, development and contribution to environmental protection in Viet Nam
- [46] VŨ TIẾN ANH- ĐỨC ANH: MET water treatment: ensuring clean water for poor areas
- [48] EKKASIT LAKKANANITHIPHAN - HỒNG NHUNG: Building roads using recycled plastics: effective environmental protection solution



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [50] GANESAN AMPALAVANAR- PHẠM ĐÌNH: Nestle Viet Nam: realising environmental protection and sustainable development commitment
- [52] ĐẶNG THỊ TOÀN - MAI HƯƠNG: Person who turns landfills to parks



ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT

- [62] PHẠM THỊ THU HƯƠNG: Phu An Bamboo Village - Viet Nam's Green bamboo reserve
- [64] NGUYỄN MINH HẠNH: Wildlife fauna, flora water creature protection in Dong Thap



NEW RURAL AREA DEVELOPMENT

- [66] ĐỖ THỊ XUÂN THO: Landscape planning in new rural area development
- [68] NGUYỄN TRÍ HÙNG: Tân Thoi Commune's Veteran association: integrating solid waste collection and disposal of into new rural development
- [70] VŨ VĂN DOANH: Kim Dong Commune, Hung Yen District concentrates on agriculture production and environmental protection in new rural development
- [72] TRƯƠNG THỊ GIANG: New rural area development in Ba Rai victory village



AROUND THE WORLD

- [75] NGUYỄN VIỆT CƯỜNG: Korea's experience in new rural development through new village campaign
- [77] TRƯƠNG HUYỀN: Waste import in Southeast Asia



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY LẬP AN GIANG



Trụ sở chính: 316/1A Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang
Điện thoại: 02963 846100 - Fax: 02963 841280
Email: xaylapangiang@gmail.com Website: xaylapangiang.com